

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN



Giấy đăng ký kinh doanh số 0102276173 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2007, thay đổi lần thứ 14 ngày 06 tháng 12 năm 2018

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

(Quyết định đăng ký niêm yết số: 514/QĐ-SGD.HCM... do Sở GDCK TP.HCM cấp ngày 17/12/2018)

TỔ CHỨC TƯ VẤN :

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC)



BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Trụ sở chính: Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, 167 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 22210 288 Fax: (84-24) 22210 388

Website: <http://pvpower.vn/>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC)

Trụ sở chính: Tháp tài chính Bitexco, Tầng 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 3914 3588 Fax: (84-28) 3914 3209 Website: www.vcsc.com.vn

Chi nhánh Hà Nội: Tầng 6, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84-24) 6262 6999 Fax : (84-24) 6278 2688

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Hà

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Người được ủy quyền CBTT - Trưởng ban Pháp chế - Quan hệ cổ đông

Số điện thoại: (84-24) 2221 0288



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CTCP

Giấy đăng ký kinh doanh số 0102276173 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2007, thay đổi lần thứ 14 ngày 06 tháng 12 năm 2018



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu:	POW
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết :	2.341.871.600 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá:	23.418.716.000.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC) – Chi nhánh Hà Nội



Trụ sở chính: Tháp tài chính Bitexco, Tầng 15, 2 Hải Triều. Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (84-28) 3914 3588 Fax: (84-28) 3914 3209 Website: www.vcsc.com.vn
Chi nhánh Hà Nội: Tầng 6, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (84-24) 6262 6999 Fax : (84-24) 6278 2688

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Số điện thoại: (84-24) 6288 3568
Fax: (84-24) 6288 5678

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	7
1. Rủi ro kinh tế.....	7
2. Rủi ro về pháp luật.....	9
3. Rủi ro đặc thù, rủi ro ngành.....	10
3.1. <i>Rủi ro đặc thù của doanh nghiệp cổ phần hóa</i>	10
3.2. <i>Rủi ro đặc thù về tỷ giá áp dụng cho giá bán điện</i>	10
4. Rủi ro về nguyên nhiên vật liệu.....	11
4.1. <i>Về nhiên liệu than</i>	11
4.2. <i>Về nhiên liệu khí</i>	12
4.3. <i>Về năng lượng thủy điện</i>	12
5. Rủi ro biến động giá cổ phiếu.....	13
6. Rủi ro khác.....	13
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	13
1. Tổ chức niêm yết.....	13
2. Tổ chức tư vấn	14
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT	15
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	16
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	16
1.1. <i>Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết</i>	16
1.2. <i>Quá trình hình thành và phát triển của Tổng công ty</i>	16
1.3. <i>Quá trình tăng vốn điều lệ của Tổng công ty</i>	18
1.4. <i>Ngành nghề sản xuất kinh doanh</i>	18
2. Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty	20
2.1. <i>Các đơn vị hạch toán phụ thuộc (05 chi nhánh)</i>	20
2.2. <i>Các Công ty con (06 Công ty con)</i>	23
2.3. <i>Các Công ty liên kết (02 Công ty liên kết)</i>	29
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	30
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ của Tổng công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông	34

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ của Tổng công ty	34
4.2. Danh sách cổ đông sáng lập	35
4.3. Cơ cấu cổ đông	35
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết	35
5.1. Danh sách công ty mẹ của tổ chức niêm yết, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết	35
5.2. Danh sách những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.....	36
6. Hoạt động kinh doanh.....	37
6.1. Lĩnh vực kinh doanh.....	37
6.1.1. Sản xuất điện.....	37
6.1.2. Hoạt động kinh doanh phụ trợ.....	44
6.2. Doanh thu, lợi nhuận của Công ty qua các năm.....	46
6.3. Nguyên vật liệu.....	54
6.4. Chi phí sản xuất kinh doanh	57
6.5. Trình độ công nghệ	60
6.6. Công tác Nghiên cứu phát triển, ứng dụng tiến bộ Khoa học – Công nghệ, Đào tạo phát triển nguồn nhân lực	61
6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ.....	63
6.8. Hoạt động marketing	64
6.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	64
6.10. Danh mục các hợp đồng lớn đang được thực hiện	64
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	66
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong hai (02) năm gần nhất và quý gần nhất	66
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.....	81
7.3. Thuận lợi	81
7.4. Khó khăn	81
8. Vị thế của Tổng công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.....	82
8.1. Vị thế của Tổng công ty trong ngành.....	82
8.2. So sánh tình hình tài chính và hoạt động của các công ty cùng ngành	84
8.3. Triển vọng phát triển của ngành.....	85

8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới	86
9. Chính sách đối với người lao động.....	88
9.1. Số lượng người lao động trong Tổng công ty	88
9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp.....	89
10. Chính sách cổ tức	91
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	91
11.1. Các chỉ tiêu cơ bản	91
11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	106
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	109
12.1. Hội đồng quản trị.....	110
12.2. Ban Tổng Giám đốc	116
12.3. Ban kiểm soát.....	124
12.4. Kế toán trưởng.....	127
13. Tài sản	128
13.1 Tài sản là Quyền sử dụng đất	129
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức các năm tiếp theo	132
14.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2018, 2019.....	132
14.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên	134
14.3. Kế hoạch tăng vốn điều lệ (nếu có).....	136
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	137
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổng công ty	137
17. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổng công ty	137
V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	137
1. Loại cổ phiếu.....	137
2. Mệnh giá.....	137
3. Tổng số cổ phiếu niêm yết.....	137
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật	138
5. Giá niêm yết dự kiến	139
5.1. Giá trị sổ sách.....	139
5.2. Phương pháp hệ số so sánh.....	140
5.3. Phương pháp bình quân giá thị trường.....	141

6. Phương pháp tính giá.....	142
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài.....	142
8. Các loại thuế có liên quan.....	142
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	143
1. Tổ chức tư vấn	143
2. Tổ chức kiểm toán	143
VII. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN	144
VIII. PHỤ LỤC	145

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1: GDP Việt Nam giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2017, 9 tháng đầu năm 2018.....	7
Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm	8
Hình 3: Sơ đồ cơ cấu tổ chức Tổng công ty	20
Hình 4: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Tổng công ty	31
Hình 5: Bản đồ các nhà máy điện của PV Power	38
Hình 6: Nhà máy điện Cà Mau 1 & 2	39
Hình 7: Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.....	40
Hình 8: Nhà máy điện Nhơn Trạch 1	40
Hình 9: Nhà máy Thủy điện Hòa Na	40
Hình 10: Nhà máy Thủy điện Nậm Cắt	41
Hình 11: Nhà máy Thủy điện Đakđrinh	41
Hình 12: Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	41
Hình 13: Biểu đồ sản lượng điện sản xuất theo nhà máy của PV Power.....	43
Hình 14: Cơ cấu doanh thu hợp nhất của PV Power	48
Hình 15: Cơ cấu doanh thu bán điện của PVPower theo nhà máy	51
Hình 16: Biến động giá của khí của PV Power	57
Hình 17: Biến động giá của than của PV Power.....	57
Hình 18: Công suất lắp đặt và cơ cấu nguồn điện	82
Hình 19: Sơ đồ công suất điện tại Việt Nam	84

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ của Tổng công ty ngày 08/11/2018.	34
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông của Tổng công ty tại ngày 08/11/2018	35
Bảng 3: Công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối của PV Power	35
Bảng 4: Danh sách công ty PV Power nắm quyền kiểm soát, chi phối.....	36
Bảng 5: Danh sách công ty liên doanh, liên kết của PV Power.....	36
Bảng 6: Thông tin các nhà máy điện của PV Power.....	39
Bảng 7: Sản lượng điện sản xuất năm 2014-2017 và 9 tháng 2018.....	42
Bảng 8: Cơ cấu doanh thu hợp nhất của PV Power	47
Bảng 9: Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ PV Power	49
Bảng 10: Cơ cấu doanh thu bán điện của PV Power theo nhà máy.....	50
Bảng 11: Cơ cấu tổng doanh thu hợp nhất của PV Power.....	51
Bảng 12: Cơ cấu tổng doanh thu của Công ty mẹ PV Power	52
Bảng 13: Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất của PV Power.....	53
Bảng 14: Cơ cấu lợi nhuận gộp Công ty mẹ PV Power	53
Bảng 15: Chi phí nguyên vật liệu hợp nhất của PV Power	54
Bảng 16: Chi phí nguyên vật liệu Công ty mẹ PV Power	54
Bảng 17: Cơ cấu chi phí SXKD của PV Power hợp nhất.....	57
Bảng 18: Cơ cấu chi phí SXKD của Công ty mẹ PV Power	58
Bảng 19: Cơ cấu chi phí SXKD theo yếu tố của PV Power hợp nhất	59
Bảng 20: Cơ cấu chi phí SXKD theo yếu tố của Công ty mẹ PV Power	59
Bảng 21: Tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất PV Power	67
Bảng 22: Tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ PV Power.....	67
Bảng 23: Sản lượng điện sản xuất của PV Power so với cả nước	83
Bảng 24: So sánh với các công ty cùng ngành theo số liệu BCTC 2017 đã kiểm toán.....	85
Bảng 25: Cơ cấu lao động của Tổng công ty tại thời điểm 01/07/2018	88
Bảng 26: Số dư các quỹ Công ty mẹ PV Power	92
Bảng 27: Số dư các quỹ PV Power hợp nhất.....	92
Bảng 28: Thông tin chi tiết nợ vay ngắn hạn của PV Power tại 31/12/2017, 30/06/2018 và 30/9/2018	93
Bảng 29: Thông tin chi tiết nợ vay dài hạn của PV Power tại 31/12/2017, 30/06/2018 và 30/09/2018	94
Bảng 30: Tình hình công nợ hợp nhất của PV Power.....	97
Bảng 31: Tình hình công nợ Công ty mẹ PV Power	100

Bảng 32: Công nợ của đối tượng có liên quan với PV Power	105
Bảng 33: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty mẹ PV Power	106
Bảng 34: Các chỉ tiêu tài chính của PV Power hợp nhất	107
Bảng 35: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc,	109
Bảng 36: Danh sách tài sản của Tổng công ty tại thời điểm 30/09/2018	128
Bảng 37: Đất đai Tổng công ty đang quản lý và sử dụng.....	129
Bảng 38: Kế hoạch sản lượng điện Công ty mẹ và các đơn vị thành viên	132
Bảng 39: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức hợp nhất.....	132
Bảng 40: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức Tổng công ty mẹ.....	133
Bảng 41: Danh sách cổ đông bị hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu	138
Bảng 42: Giá trị sổ sách của cổ phiếu POW tại 30/9/2018.....	139
Bảng 43: Tính hệ số P/E bình quân	140
Bảng 44: Phương pháp P/E.....	141
Bảng 45: Phương pháp P/B.....	141

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư tiềm năng nên xem xét kỹ lưỡng các vấn đề cần quan tâm nêu dưới đây và ngoài những thông tin khác được cung cấp trong Bản cáo bạch này trước khi quyết định mua cổ phần.

Việc một hoặc nhiều rủi ro nêu dưới đây xảy ra có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh doanh, tài chính hoặc kết quả hoạt động của PV Power và có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu. Những vấn đề cần quan tâm và những khả năng không chắc chắn khác mà PV Power hiện không biết đến hoặc cho là không quan trọng cũng có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào cổ phiếu POW của PV Power.

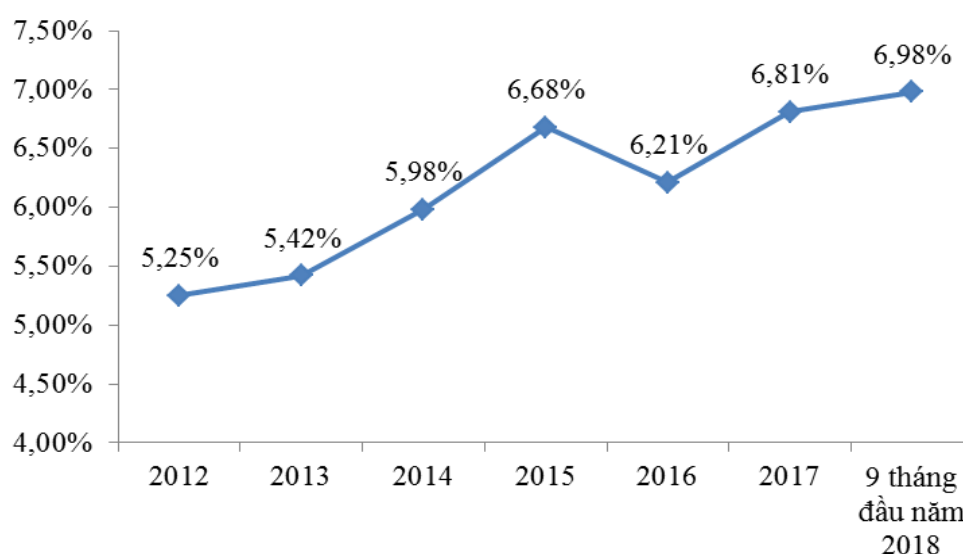
1. Rủi ro kinh tế

Hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power chịu ảnh hưởng lớn bởi các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ cũng như chính sách phát triển Ngành Điện.

Tăng trưởng kinh tế

Là một bộ phận của nền kinh tế nên hoạt động kinh doanh của Tổng công ty luôn gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam lần lượt là 6,21% (năm 2016), 6,81% (năm 2017) và 6,98% (9 tháng đầu năm 2018). Theo dự báo của Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế xã hội quốc gia (Bộ Kế hoạch đầu tư), tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2018 có thể sẽ đạt mức 6,83%, cao hơn mục tiêu của Chính phủ đề ra là 6,7%. Tốc độ tăng trưởng cải thiện qua các năm cho thấy nền kinh tế của Việt Nam đang dần lấy lại được đà tăng trưởng nhờ sức mua được cải thiện và hoạt động sản xuất kinh doanh có những chuyển biến tích cực.

Hình 1: GDP Việt Nam giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2017, 9 tháng đầu năm 2018



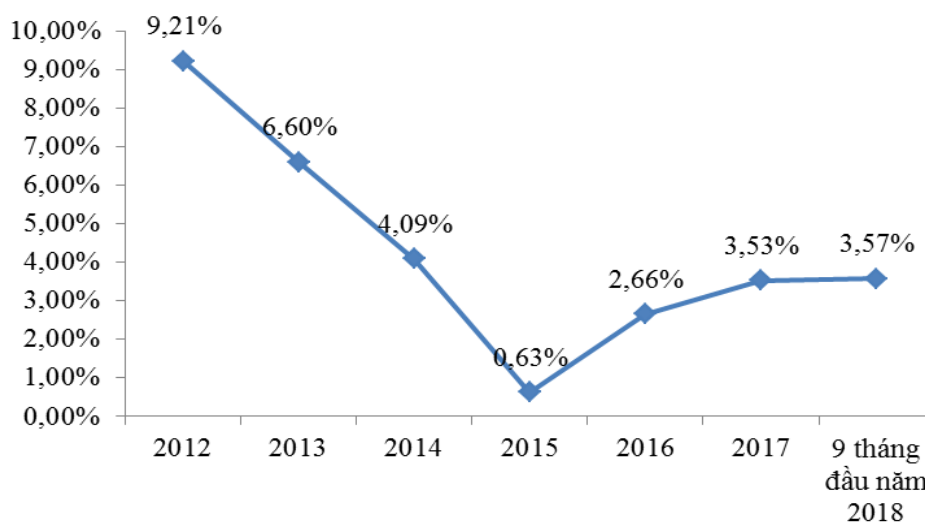
Nguồn: Tổng cục thống kê

Nền kinh tế khi đi vào quỹ đạo tăng trưởng ổn định sẽ có tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP. Tuy nhiên, việc hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng hơn cũng đặt ra không ít thách thức cho các doanh nghiệp trong nước do phải đối mặt với áp lực cạnh tranh để giữ vững thị trường truyền thống, thâm nhập và mở rộng thị trường mới. Bên cạnh đó, triển vọng kinh tế dài hạn luôn chịu tác động của nhiều yếu tố biến động khó dự báo mà khi xảy ra sẽ nhanh chóng tác động đến tốc độ đầu tư của nền kinh tế và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của PV Power.

Lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có tác động đến toàn bộ nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Tổng công ty nói riêng. Trong những năm gần đây, Chính phủ đã triển khai quyết liệt các biện pháp kiềm chế lạm phát và ổn định vĩ mô, nhờ đó mà lạm phát trong giai đoạn 2012 - 2014 đã giảm mạnh từ 9,21% xuống còn 0,63% năm 2015. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2015 tăng 0,63% so với bình quân cùng kỳ năm 2014 là mức thấp nhất kể từ năm 2001 đến nay. Tuy nhiên, lạm phát đã tăng trở lại từ năm 2016 với mức tăng CPI các năm 2016, 2017 lần lượt là 2,66%, 3,53%. CPI bình quân 9 tháng năm 2018 tăng 3,57% so với bình quân cùng kỳ năm 2017. Theo kế hoạch của Chính phủ và dự báo của các tổ chức tài chính kinh tế, lạm phát của năm 2018 sẽ ổn định ở mức dưới 4%.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm



Nguồn: Tổng cục thống kê

Lãi suất

Mặt bằng lãi suất tăng sẽ kéo theo xu hướng cắt giảm, thu hẹp quy mô và phạm vi của các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế, hoặc ngược lại sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp giảm chi phí, hạ giá thành, nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh. Lãi suất cho vay thấp luôn là động lực khuyến khích doanh nghiệp mở rộng đầu tư, phát triển các hoạt động SXKD và qua đó kích thích tăng trưởng toàn bộ nền kinh tế.

Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước, Phó Thống đốc NHNN Nguyễn Thị Hồng khẳng định: Ngay từ đầu năm 2018, NHNN đã xác định điều hành chính sách tiền tệ (CSTT) chủ động, thận trọng, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra (bình quân khoảng 4%), ổn định kinh tế vĩ mô, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý (6,7%), bảo đảm thanh khoản của các tổ chức tín dụng (TCTD), ổn định tỷ giá và thị trường ngoại hối; duy trì ổn định mặt bằng lãi suất, phấn đấu giảm lãi suất cho vay; bảo đảm hoạt động ngân hàng an toàn, lành mạnh, hiệu quả.

Với định hướng mục tiêu và chính sách điều hành như vậy, đến nay, hoạt động ngân hàng đã có một số kết quả nổi bật. Mặt bằng lãi suất trong những tháng đầu năm được giữ ổn định, lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên tiếp tục giảm, trong đó các ngân hàng thương mại (NHTM) Nhà nước và một số NHTM cổ phần đã giảm khoảng 0,5%/năm lãi suất cho vay đối với các khách hàng tốt. Lãi suất cho vay hiện nay phổ biến khoảng 6 đến 9%/năm đối với ngắn hạn, trung-dài hạn khoảng 9 đến 11%/năm; đối với khách hàng có tình hình tài chính lành mạnh, có mức tín nhiệm cao lãi suất cho vay ngắn hạn chỉ khoảng 4 đến 5%/năm.

Riêng đối với Tổng công ty, rủi ro về biến động lãi suất có thể được kiểm soát và hạn chế do cơ cấu nguồn vốn an toàn với giá trị nguồn vốn vay ngắn hạn hợp nhất chiếm khoảng 13,7% tổng tài sản và nguồn vốn vay dài hạn hợp nhất chiếm khoảng 26,1% tổng tài sản tại thời điểm 30/9/2018.

Tỷ giá

Tổng công ty chịu rủi ro về tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam. PV Power chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay ngoại tệ (USD, EURO) theo lãi suất thả nổi. Cụ thể là các khoản vay từ ngân hàng nước ngoài như Ngân hàng HSBC, Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản, Ngân hàng CitiBank, Ngân hàng Credit Agricole Corporate and Investment. Tại thời điểm 30/09/2018 theo BCTC hợp nhất 30/09/2018, số tiền vay bằng USD của PV Power tương đương 15.537 tỷ đồng, số tiền vay bằng EURO tương đương 1.638 tỷ đồng.

Rủi ro này sẽ được PV Power quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi từ các nguồn cho vay thích hợp.

2. Rủi ro về pháp luật

Là một công ty cổ phần đại chúng, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty phải tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật chuyên ngành liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Tổng công ty. Các văn bản pháp luật chuyên ngành có thể kể đến như Luật Điện lực, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Kinh doanh bất động sản và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Ngoài ra, các chính sách của Nhà nước, Chính phủ về các lĩnh vực Tổng công ty đang hoạt động cũng ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của Tổng công ty như: Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 – 2020 có xét đến năm 2030; Chiến lược phát năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về: các công trình hạ tầng kỹ thuật; về các công trình sử dụng năng lượng hiệu quả; ...

Hiện nay, hệ thống pháp luật của Việt Nam chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều sửa đổi bổ sung dẫn đến nhiều sự thay đổi và có thể phát sinh bất cập, ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Để hạn chế những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Tổng công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của mình, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn (nếu xét thấy cần thiết) đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Tổng công ty.

3. Rủi ro đặc thù, rủi ro ngành

3.1. Rủi ro đặc thù của doanh nghiệp cổ phần hóa

PV Power là doanh nghiệp cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và chính thức chuyển thành công ty cổ phần vào ngày 01/07/2018 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102276173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi ngày 01/07/2018. Hiện nay, các bước PV Power đã và đang thực hiện để quyết toán cổ phần hóa như sau:

- 1) Hoàn thành việc Lập và Kiểm toán Báo cáo tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.
- 2) Làm việc với cơ quan thuế tại các địa Phương (Hà Nội, Hà Tĩnh, Đồng Nai và Cà Mau) để thực hiện quyết toán thuế cho giai đoạn từ khi xác định giá trị doanh nghiệp đến khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần.
- 3) Lập bảng quyết toán chi phí cổ phần hóa.
- 4) Tiếp tục cập nhật các thông tin theo Kết luận của Kiểm toán Nhà nước và Công văn hướng dẫn của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần để hoàn thiện bộ hồ sơ Quyết toán cổ phần hóa trình Ban chỉ đạo cổ phần hóa và cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Do các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện, kiểm tra và phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán tiền thu từ cổ phần hóa, chi phí cổ phần hóa và quyết định công bố giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần và xác định số phải nộp bổ sung về Quỹ hỗ trợ và sắp xếp và phát triển doanh nghiệp nên sau khi quyết toán cổ phần hóa và bàn giao công ty cổ phần, số liệu báo cáo tài chính của PV Power có thể được điều chỉnh. Đây là một rủi ro mà bất kỳ doanh nghiệp cổ phần hóa nào cũng gặp phải.

3.2. Rủi ro đặc thù về tỷ giá áp dụng cho giá bán điện

Tại ngày 30/9/2018, số dư tiền điện Công ty Mua bán Điện (EVN/EPTC) chưa thanh toán cho Tổng Công ty đang được treo tại khoản mục Phải thu của khách hàng ngắn hạn khoảng 452,5 tỷ đồng. Đây là số dư tiền điện phát sinh từ việc Công ty Mua bán Điện (EVN/EPTC) và PV Power chưa thống nhất được tỷ giá áp dụng cho giá bán điện hàng tháng. Ngày 11/6/2018, Công ty Mua bán Điện đã gửi Công văn số 2057/EPTC-KDMĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 cho PV Power về việc đàm phán giá điện Hợp đồng mua bán điện Nhà máy điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà

Mau 2 và đề nghị tạm thanh toán cho giá bán điện hàng tháng trên cơ sở tỷ giá là 15.894 VND/USD (tỷ giá tại thời điểm ký Hợp đồng mua bán điện năm 2008), bắt đầu từ tháng 02 năm 2018 căn cứ theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước tại Công văn số 961/NHNN-QLNH ngày 9 tháng 02 năm 2018 về việc điều chỉnh giá bán điện của Nhà máy Điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2 để đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật về quản lý ngoại hối. Tuy nhiên, PV Power không đồng ý với đề nghị của Công ty Mua bán Điện và vẫn đang áp dụng tỷ giá trung tâm tại ngày xuất hóa đơn cho giá bán điện hàng tháng (theo quy định tại hợp đồng mua bán điện – PPA hiện hành). Hiện nay, Tổng Công ty và Công ty Mua bán Điện vẫn đang tiếp tục làm việc về tỷ giá áp dụng cho giá bán điện hàng tháng. Đây là một rủi ro khi số dư tiền điện này vẫn đang bị treo tại Phải thu của khách hàng ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán và có thể ảnh hưởng đến kinh doanh của PV Power nếu việc chưa thống nhất tỷ giá bị kéo dài.

4. Rủi ro về nguyên nhiên vật liệu

PV Power là Tổng công ty quản lý và vận hành các nhà máy nhiệt điện, thủy điện, điện khí. Các nhà máy nhiệt điện sử dụng nhiên liệu hóa thạch bị tác động lớn bởi giá nguyên liệu đầu vào. Theo thống kê, giá nhiên liệu, bao gồm giá xăng dầu, khí đốt và than chiếm trên 60% chi phí sản xuất điện và là yếu tố chính chi phối giá điện.

Đối với PV Power, các nhà máy điện khí chiếm tỷ trọng 64% tổng công suất lắp đặt, thủy điện chiếm 7,3% tổng công suất lắp đặt và nhà máy chạy bằng than chiếm 28% tổng công suất lắp đặt. Mặc dù, về cơ bản giá nguyên liệu đầu vào được phản ánh vào giá bán điện, tuy nhiên, về mặt dài hạn, việc phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu cung cấp và với việc thị trường điện cạnh tranh đi vào vận hành, PV Power có thể đối diện với vấn đề nguyên liệu trong tương lai không xa.

Để đảm bảo nguồn cung ứng ổn định và giá cả ổn định, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) và tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) đã ký thỏa thuận hợp tác chiến lược lâu dài. Hiện tại, giá than bán cho ngành điện vẫn đang được điều tiết, tuy nhiên giá xăng dầu và giá khí đã được áp dụng theo giá thị trường, do đó trong tương lai, giá than cũng sẽ được điều tiết theo giá thị trường vốn rất biến động và khó dự đoán.

4.1. Về nhiên liệu than

Theo báo cáo đánh giá cân đối cung - cầu của Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam (Vinacomin), hiện tại, cơ bản than trong nước vẫn đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ than của các khách hàng và một phần dựa vào than nhập khẩu. Dự báo các năm tiếp theo sẽ ưu tiên cung cấp than cho sản xuất điện, giảm dần lượng than xuất khẩu và các nhóm khách hàng khác nhưng việc cân đối than cho sản xuất điện vẫn rất khó khăn. Trong tương lai, nhu cầu sử dụng than của Việt Nam sẽ rất lớn. Dự báo đến năm 2030, nhiệt điện than chiếm 54% tổng sản lượng điện, do vậy sẽ cần tới 130 triệu tấn than cho nhà máy điện, trong khi than nội địa chỉ cung cấp được 40 triệu tấn, còn lại phải nhập khẩu (khoảng 100 triệu tấn) mà không có nguồn năng lượng nào khác thay thế.

Nhu cầu than của NMT Vũng Áng 1 vào khoảng 2,7 triệu tấn/ năm, hiện nay đang được Vinacomin cung cấp toàn bộ. Với năng lực sản xuất của Vinacomin, hoàn toàn có thể đảm bảo đủ

nguồn than cho NMD Vũng Áng 1 thông qua hợp đồng mua bán than dài hạn giữa 2 bên. Trường hợp Vinacomin điều chỉnh sản lượng cung cấp cho NMD Vũng Áng 1, tùy thuộc vào chấp thuận của cấp có thẩm quyền, PV Power sẽ chủ động nhập khẩu phân thiếu hụt cho NMD Vũng Áng 1.

Trong các năm gần đây, giá bán than cho ngành điện đã nhiều lần tăng giá. Giá than tăng đồng nghĩa với việc giá thành sản xuất điện tăng, việc tham gia thị trường phát điện cạnh tranh sẽ bị ảnh hưởng và có sự chênh lệch lớn giữa các nguồn điện. Sự cạnh tranh giữa các nhà máy nhiệt điện sử dụng than trong nước và than nhập khẩu cũng diễn biến phức tạp và khó khăn hơn. Điều này sẽ tác động không nhỏ đến kết quả sản xuất – kinh doanh của Tổng công ty.

4.2. Về nhiên liệu khí

Hầu hết khí khai thác ở nước ta được sử dụng để sản xuất điện. Bình quân trên 80% sản lượng khí được cung cấp cho các nhà máy nhiệt điện, khoảng 10% cho các nhà máy đạm và khoảng 5% cho các khách hàng công nghiệp khác. Theo Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, dự kiến sản lượng khí đốt khai thác cả năm 2018 đạt 9,6 tỷ m³. Trong đó, quý I khai thác khoảng 2,5 tỷ m³ (bằng 26% kế hoạch năm), quý II khai thác 2,59 tỷ m³, quý III khai thác 2,04 tỷ m³ và quý IV khai thác 2,47 tỷ m³.

NMD Cà Mau 1&2 đang sử dụng khí từ Lô PM3 CAA thuộc khu vực Tây Nam Bộ. Dự kiến từ năm 2020, phía Việt Nam sẽ chỉ còn quyền nhận 50% lượng khí từ mỏ PM3 CAA. Do vậy, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đang đàm phán để mua 50% lượng khí PM3 CAA còn lại (thuộc quyền sở hữu của Công ty Dầu khí Quốc gia Malaysia - Petronas) để bổ sung cho lượng khí thiếu hụt.

NMD Nhơn Trạch 1 và 2 sử dụng khí từ các mỏ thuộc khu vực Đông Nam Bộ: Lô 06.1 và 11.2, mỏ Hải Thạch Mộc Tinh, mỏ Thiên Ứng, mỏ Đại Hùng. Trong thời gian tới, khi Tổng công ty Khí Việt Nam - PV GAS đưa thêm các mỏ Phong Lan Đại, Sao Vàng, Đại Nguyệt vào khai thác, khí cho các NMD Nhơn Trạch 1 & 2 vẫn được đảm bảo.

Hiện tại, các nhà máy điện Nhơn Trạch 1, 2, nhà máy điện Cà Mau 1, 2 của PV Power có hợp đồng mua khí cho đến hết vòng đời dự án, tuy nhiên nguồn cung cấp khí thỉnh thoảng còn xảy ra sự cố làm gián đoạn việc cung cấp khí, ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của PV Power, vì vậy, PV Power có thể sẽ gặp rủi ro khi nguồn cung cấp và giá khí biến động.

4.3. Về năng lượng thủy điện

Các nhà máy Thủy điện phụ thuộc nhiều vào yếu tố thời tiết. Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm, làm lượng nước tích trong hồ thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy.

Cụ thể, trong năm 2015, do ảnh hưởng của hiện tượng El Nino nên diễn biến thủy văn của các hồ thủy điện trên cả nước gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là các hồ trên địa bàn từ Thanh Hóa trở vào, thống kê cho thấy tổng lượng nước về các hồ này thiếu hụt từ 40 - 60% so với trung bình nhiều năm, nhiều hồ trong suốt mùa mưa không xuất hiện lũ.

Trong các tháng đầu năm 2016, hiện tượng El Nino vẫn tiếp diễn kéo theo tình hình thủy văn hầu hết các hồ chứa khu vực miền Trung, miền Nam tiếp tục kém. Để đảm bảo cung cấp điện cho mùa khô 2016, các nhà máy thủy điện trên các khu vực này hầu như chỉ vận hành theo các ràng buộc nước hạ du. Tuy nhiên, từ cuối năm 2016 hiện tượng La Nina lại khiến cho lượng mưa thiếu hụt tại khu vực miền Bắc so với trung bình nhiều năm, trong khi khu vực Trung Trung Bộ và miền Nam tăng lên, do đó ảnh hưởng tới hoạt động của các thủy điện miền Bắc và tạo thuận lợi cho các thủy điện miền Trung và miền Nam.

Do đó việc rủi ro do các yếu tố bất lợi về thời tiết và thủy văn làm ảnh hưởng lớn và không lường trước được đối với tình hình sản xuất kinh doanh của các nhà máy thủy điện do PV Power quản lý.

5. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Khi cổ phiếu POW của Tổng công ty được niêm yết, các cổ đông của PV Power sẽ chịu rủi ro về biến động giá cổ phiếu POW. Ngoài các yếu tố thuộc về nội tại doanh nghiệp như tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, nhiều yếu tố bên ngoài khác như các yếu tố thuộc về kinh tế vĩ mô, thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, các sự kiện khác không lường trước được có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến giá cổ phiếu. Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh có thể ảnh hưởng đến thương hiệu, uy tín và việc huy động vốn của PV Power, đồng thời gây thiệt hại cho cổ đông của PV Power.

6. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động của PV Power có thể chịu ảnh hưởng của thiên tai như động đất, dịch bệnh, lũ lụt... mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại đến tài sản cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của PV Power. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của PV Power.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Ông Hồ Công Kỳ	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Như Linh	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc liên quan đến việc đăng ký niêm yết
Ông Vũ Quốc Hải	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Bà Hà Thị Minh Nguyệt	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**

Ông Nguyễn Quang Bảo Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội
Quyết định số 11/2018/QĐ.TGD/VCSC ngày 17 tháng 05 năm 2018 của Tổng Giám đốc về việc Ủy quyền Phó Tổng Giám đốc ký thay Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần cung cấp.


III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Tổng công ty	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP
PV Power	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần
Tổ chức niêm yết	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần
Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
HĐQT	Hội đồng Quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
BCTC	Báo cáo tài chính
Người có liên quan	Gồm cá nhân hoặc tổ chức được quy định theo quy định của pháp luật
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
DTT	Doanh thu thuần
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
LNST	Lợi nhuận sau thuế
VCSH	Vốn chủ sở hữu
TSCĐ	Tài sản cố định
HĐLĐ	Hợp đồng lao động
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
EPS	Lợi nhuận sau thuế trên mỗi cổ phần
ROA	LNST/Tổng tài sản bình quân
ROE	LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân
CTCP	Công ty Cổ phần
CP	Cổ phần
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
NM	Nhà máy
NMĐ	Nhà máy điện
BĐS	Bất động sản
PVN	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
EVN	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
A0	Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia
Cổ phiếu	Chứng chỉ do Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

Tên tiếng Việt:	TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
Tên giao dịch:	TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tên tiếng Anh:	PETROVIETNAM POWERCORPORATION
Tên viết tắt:	PV POWER
Trụ sở:	Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Vốn điều lệ đăng ký:	23.418.716.000.000 đồng (Hai mươi ba nghìn bốn trăm mười tám tỷ bảy trăm mười sáu triệu đồng)
Vốn điều lệ thực góp:	23.418.716.000.000 đồng (Hai mươi ba nghìn bốn trăm mười tám tỷ bảy trăm mười sáu triệu đồng)
Điện thoại:	(024) 22210288
Fax:	(024) 22210388
Website:	http://www.pvpower.vn
Logo:	
Người đại diện pháp luật:	Lê Như Linh
Giấy đăng ký kinh doanh:	Số 0102276173 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà nội cấp lần đầu ngày 31/05/2007, đăng ký lần thứ 14 ngày 06/12/2018.
Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty:	Sản xuất và kinh doanh điện; nhập khẩu, kinh doanh và phân phối than đảm bảo nguồn cung cấp cho các NMNĐ; sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng đồng thời cung cấp vật tư, thiết bị thay thế cho các nhà máy điện.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Tổng công ty

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần có tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đầu tư 100% vốn điều lệ, được thành lập theo Quyết

định số 1468/QĐ-DKVN ngày 17 tháng 5 năm 2007 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam).

Đến ngày 26/6/2018, Tổng công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất và chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty cổ phần từ 01/07/2018 (*theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102276173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi ngày 01/07/2018*). Các dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam như sau:

- Ngày 17/05/2007: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành Quyết định số 1468/QĐ-DKVN về việc thành lập Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên.
- Tháng 12/2007: Tổng công ty ra mắt 5 đơn vị thành viên mới, bao gồm Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Dự án PMC1, PMC2, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí (PV Power Land).
- Tháng 03/2008: Khởi công xây dựng Nhà máy Thủy điện Hòa Na.
- Tháng 12/2008: Ký kết hợp đồng mua bán điện Nhà máy Cà Mau 1&2, Nhà máy Nhơn Trạch 1 với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).
- Tháng 06/2009: Khởi công xây dựng Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 – nhà máy điện khí có quy mô lớn tại Trung tâm điện lực Nhơn Trạch.
- Tháng 08/2009: Khánh thành Nhà máy điện Nhơn Trạch 1.
- Tháng 11/2010: Khởi công xây dựng Nhà máy Phong điện Phú Quý, dự án năng lượng tái tạo đầu tiên của Tổng công ty.
- Tháng 12/2010: Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 hòa lưới điện quốc gia.
- Tháng 01/2011: Khởi công Dự án Nhà máy Thủy điện ĐakĐrinh.
- Tháng 11/2011 tổ chức khánh thành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và đón nhận Huân chương lao động Hạng Ba.
- Tháng 4/2013: Thành lập Chi nhánh Tổng công ty – Công ty Nhập khẩu và Phân phối than Điện lực Dầu khí (PV Power Coal) trên cơ sở tiếp nhận nguyên trạng Chi nhánh – Công ty Nhập khẩu và Phân phối Than Dầu khí (PV Coal) từ Tập đoàn.
- Tháng 09/2013: Khánh thành và vận hành Nhà máy Thủy điện Hòa Na.
- Năm 2014: Vận hành Thương mại Nhà máy Thủy điện ĐakĐrinh.

- Tháng 11/2014: Thành lập Chi nhánh Tổng công ty – Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (PV Power Ha Tinh) để tiếp nhận và vận hành thuê Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 cho Tập đoàn, đồng thời thực hiện giải thể Ban chuẩn bị sản xuất Điện lực Dầu khí Vũng Áng 1.
- Tháng 12/2015: Hoàn thành bàn giao Nhà máy Phong điện Phú Quý sang Tổng công ty Điện lực Miền Nam (công ty con của EVN).
- Tháng 12/2015: Nhận bàn giao Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, là nhà máy Nhiệt điện Than đầu tiên của Việt Nam được vận hành với tổng công suất 1.200 MW từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Tháng 1/2017: Hoàn thiện các thủ tục thành lập Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí – Ban Chuẩn bị đầu tư các dự án điện khí sau khi được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chấp thuận, với mục tiêu tập trung chuẩn bị triển khai đầu tư xây dựng các dự án điện khí mới.
- Ngày 08/12/2017, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1977/QĐ-TTg về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam).
- Ngày 31/01/2018, Tổng công ty đã thực hiện bán đấu giá công khai thành công 468.374.320 cổ phần (chiếm 20% vốn điều lệ) với giá khởi điểm 14.400 đồng/cổ phần. Giá đặt mua cao nhất: 28.000 đồng/cổ phần, giá đấu thành công thấp nhất: 14.500 đồng/cổ phần, giá đấu thành công bình quân: 14.938 đồng/cổ phần.
- Ngày 26/06/2018, Tổng công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất và Tổng công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần (*Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102276173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2007, thay đổi lần thứ 13 ngày 01 tháng 07 năm 2018*) với vốn điều lệ 23.418.716.000.000 đồng.
- Ngày 31/08/2018, Tổng công ty đã chính thức trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5712/UBCK-GSDC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đăng ký Công ty đại chúng của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần.

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ của Tổng công ty

Kể từ khi hoạt động dưới hình thức là Công ty cổ phần (ngày 01/07/2018) cho đến nay Tổng công ty không tăng vốn, vốn điều lệ hiện tại là 23.418.716.000.000 đồng.

1.4. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

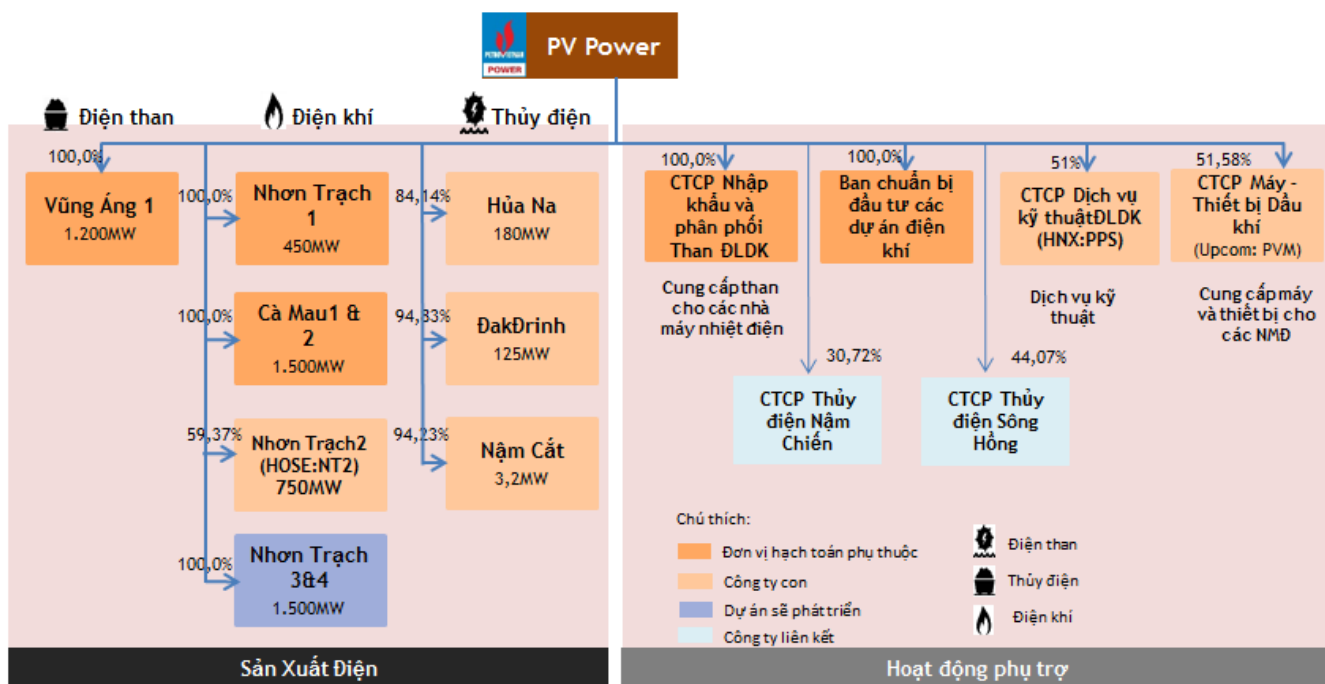
Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102276173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2007, thay đổi lần thứ 14 ngày 06 tháng 12 năm 2018 và căn cứ Thông tin cơ bản của Tổng công ty tại Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (<https://dichvuthongtin.dkkd.gov.vn>) ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: - Sản xuất điện năng - Kinh doanh, bán điện công nghiệp, tiêu dùng - Quản lý, vận hành các nhà máy điện	3510 (Chính)
2	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
3	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan - Chi tiết: Bán buôn than các loại	4661
4	Lắp đặt hệ thống điện - Chi tiết: Lắp đặt các hệ thống điện tại các công trình xây dựng	4321
5	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Xây dựng các nhà máy điện, các công trình trong ngành điện - Xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng điện năng, lưới điện trung thế, hạ thế - Đầu tư xây dựng các dự án điện độc lập (IPP) - Xây dựng, phát triển, quản lý thực hiện các dự án CDM điện năng sạch	4390
6	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Dịch vụ mua sắm các hệ thống điện tại các công trình xây dựng - Buôn bán thiết bị vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện	4659
7	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính - Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ về công nghệ thông tin	6209
8	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Cung cấp giải pháp giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs) của các dự án điện năng; - Nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ công nghệ mới vào việc đầu tư phát triển các dự án điện, sử dụng năng lượng như: Điện sức gió, điện mặt trời, điện nguyên tử; - Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, vận hành, đào tạo nguồn nhân lực quản lý vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng phục vụ sản xuất kinh doanh điện; - Các dịch vụ kỹ thuật thương mại trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện.	7490
9	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Xuất nhập khẩu năng lượng, nguyên nhiên vật liệu, thiết bị, vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh	8299
10	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác - Chi tiết: Cho thuê phương tiện vận tải, cầu, kéo	7730
11	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm tro, xỉ, phế liệu	4669
12	Hoạt động tư vấn quản lý - Chi tiết: Cung cấp dịch vụ quản lý dự án cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình điện	7020
13	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Dịch vụ đào tạo các khóa ngắn hạn, chuyên đề về một số lĩnh vực trong công nghiệp	8559
14	Cung ứng và quản lý nguồn lao động - Chi tiết: Dịch vụ cung cấp lao động có tay nghề trong vận hành, bảo dưỡng các nhà máy điện, các cơ sở công nghiệp	7830

2. Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cơ cấu tổ chức của Công ty tính đến thời điểm nộp hồ sơ niêm yết như sau:

Hình 3: Sơ đồ cơ cấu tổ chức Tổng công ty



Nguồn: PV Power

2.1. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc (05 chi nhánh)

2.1.1. Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh - Nhà máy điện Vũng Áng 1

- Tên đầy đủ: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ HÀ TĨNH
- Địa chỉ: Xóm Hải Phong, Xã Kỳ Lợi, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh
- Mã số: 0102276173-007
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng Thực hiện đầu tư, xây lắp, mở rộng phát triển sản xuất, kinh doanh điện. Đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng điện năng, trong đó có cả đầu tư kinh doanh đồng bộ lưới trung thế, hạ thế và bán điện công nghiệp, tiêu dùng. Thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thương mại trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện.
- Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 100%
- Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh là đơn vị quản lý của Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với những thông tin cơ bản sau:
 - Địa điểm: Xóm Hải Phong, xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Công suất: 1.200 MW (2x600 MW).
- Thông tin về PPA: Đã ký Hợp đồng mua bán điện với EVN thời hạn 10 năm kể từ thời điểm vận hành thương mại.
- Doanh thu hàng năm của nhà máy dự kiến khoảng từ 7.000 – 8.000 tỷ đồng, góp phần vào tổng doanh thu của Tập đoàn và ngân sách. Nguồn vốn đầu tư gồm vốn chủ sở hữu của PVN và vốn vay có tỷ lệ 30/70.
- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế thu nhập doanh nghiệp 10%/năm áp dụng trong 15 năm kể từ ngày vận hành thương mại, được miễn thuế 4 năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế suất trong 9 năm tiếp theo.
- Ưu đãi khác: giảm 50% thuế thu nhập cá nhân đối với người lao động có thu nhập cao thường xuyên và không thường xuyên (kể cả người Việt Nam và nước ngoài), miễn tiền thuê đất 15 năm, miễn tiền thuê đất và sử dụng đất để làm nhà cho người lao động, miễn thuế nhập khẩu trong 5 năm cho đối tượng phải nộp thuế kể từ khi bắt đầu sản xuất đối với nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện và bán thành phẩm phải nhập khẩu mà trong nước chưa sản xuất được.

2.1.2. Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch - Nhà máy điện Nhơn Trạch 1

- Tên đầy đủ: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM- CÔNG TY CỔ PHẦN - CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH
- Địa chỉ: Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
- Mã số: 0102276173-003
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 100%
- Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch là đơn vị quản lý của Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1 với những thông tin cơ bản sau:
 - Địa điểm: Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.
 - Công suất: 450 MW.
 - Thông tin về PPA: Đã ký hợp đồng mua bán điện dài hạn với EVN thời hạn 10 năm kể từ ngày vận hành thương mại hoặc ngày kết thúc hoạt động của Thị trường phát điện cạnh tranh cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định.
 - Các tổ máy GT11, GT12, ST18 và chu trình hỗn hợp lần lượt hòa lưới điện quốc gia vào tháng 05/2008, 07/2008, 04/2009 và 08/2009.
 - Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 chính thức vận hành thương mại chu trình đơn vào ngày 30/6/2008 và chính thức đi vào vận hành chu trình hỗn hợp vào ngày 22/8/2009.
 - Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án được hưởng thuế suất ưu đãi bằng 20% trong thời hạn 10 năm kể từ khi dự án hoạt động và theo quy

định của nhà nước trong những năm tiếp theo nhưng không quá 28%, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo kể từ 2012.

2.1.3. Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau - Nhà máy Điện Cà Mau 1 & 2

- Tên đầy đủ: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ CÀ MAU
- Địa chỉ: Ấp 1, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
- Mã số: 0102276173-002
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 100%
- Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau là đơn vị quản lý của Nhà máy Điện Cà Mau 1 & 2 với những thông tin cơ bản sau:
 - Địa điểm: Ấp 1, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.
 - Nhiên liệu chính cung cấp cho nhà máy là khí thiên nhiên lấy từ hệ thống khí PM3 – CAA và Lô 46 Cái Nước với mức tiêu thụ khoảng 6 triệu m³/ngày và nhiên liệu dự phòng là dầu DO.
 - Tổng công suất: 1.500 MW (2x750 MW)
 - Thông tin về PPA: Đã ký hợp đồng mua bán điện dài hạn với EVN thời hạn 20 năm (kể từ khi đi vào vận hành thương mại).
 - Nhà máy Điện Cà Mau 1, chính thức phát điện lên lưới Quốc gia ngày 04/04/2007, vận hành thương mại tháng 3/2008.
 - Nhà máy Điện Cà Mau 2, chính thức phát điện lên lưới Quốc gia vào tháng 08/2008, vận hành thương mại tháng 12/2008.
 - Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án được miễn trong thời gian 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo. Năm 2018 là năm thứ 6 PV Power áp dụng giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

2.1.4. Công ty Nhập khẩu và Phân phối Than Điện lực Dầu khí

- Tên đầy đủ: CHI NHÁNH TCT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM-CTCP-CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
- Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà HL Tower, lô A2B đường Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- Mã số: 0102276173-006
- Ngành nghề kinh doanh chính: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

- Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 100%

2.1.5. Ban chuẩn bị đầu tư các dự án điện khí

- Tên đầy đủ: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM- CÔNG TY CỔ PHẦN - BAN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN ĐIỆN KHÍ
- Địa chỉ: Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu Khí, số 167 đường Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
- Mã số: 0102276173-008
- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ quản lý dự án cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình điện.
- Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 100%

2.2.Các Công ty con (06 Công ty con)

2.2.1. Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 - Nhà máy điện Nhơn Trạch 2

- Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
- Địa chỉ: Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
- Mã số: 3600897316
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Vốn điều lệ đăng ký: 2.878.760.290.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 2.878.760.290.000 đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 59,37%
- Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 là đơn vị quản lý của Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 2 với những thông tin cơ bản sau:
 - Địa điểm: khu công nghiệp Ông Kèo, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
 - Toàn bộ nhà máy được vận hành tự động trên hệ thống điều khiển SPPA-T3000, đây là hệ thống điều khiển tiên tiến nhất của Tập đoàn Siemens – Đức. Tính đến thời điểm hiện tại, trong số các nhà máy điện tương tự tại Việt Nam chỉ duy nhất nhà máy điện Nhơn Trạch 2 áp dụng công nghệ tiên tiến này.
 - Nhiên liệu chính để vận hành nhà máy là khí thiên nhiên (khoảng 3 triệu m³/ngày đêm) và nhiên liệu dự phòng là dầu DO. Trong quá trình vận hành nếu có sự cố về việc cung cấp nhiên liệu khí thì nhà máy sẽ tự động chuyển sang vận hành bằng nhiên liệu dự phòng là dầu DO.
 - Tổng công suất: 750 MW.
 - Hàng năm nhà máy cung cấp cho lưới điện quốc gia sản lượng điện trung bình khoảng 5

tỷ kWh thông qua sân phân phối 220 kV, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng cho đất nước, đặc biệt là khu vực miền Đông Nam Bộ nơi có phụ tải cao nhất cả nước.

- Thông tin về PPA đã ký hợp đồng mua bán điện chính thức với công ty mua bán điện EPTC với thời hạn 10 năm.
- Vận hành thương mại: tháng 10/2011.
- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%/năm áp dụng trong 15 năm kể từ ngày vận hành thương mại. Từ năm 2011 – 2014, PV Power NT 2 được miễn hoàn toàn thuế thu nhập doanh nghiệp và sẽ tiếp tục được giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2018 là năm thứ 4 NMD Nhơn Trạch 2 áp dụng giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết quả sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	9 tháng 2018
1	Doanh thu thuần	7.983.298	6.761.130	5.650.773
2	Lợi nhuận sau thuế	1.085.508	810.413	528.631
3	Tổng tài sản	12.979.914	9.964.110	8.209.485
4	Tổng nợ	8.071.480	4.978.888	4.520.448
5	Vốn chủ sở hữu	4.908.434	4.985.222	3.689.037
6	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	22,12%	16,26%	14,3%
7	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	8,36%	8,13%	6,4%

2.2.2. Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh - Nhà máy Thủy điện Đakdrinh

- Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐAKDRINH
- Địa chỉ: Thôn Ra Nhua, Xã Sơn Tân, Huyện Sơn Tây, Tỉnh Quảng Ngãi
- Mã số: 4300350203
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng
- Vốn điều lệ đăng ký: 1.020.689.805.608 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 1.020.689.805.608 đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 94,83%
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh là đơn vị quản lý của Nhà máy Thủy điện Đakdrinh với những thông tin cơ bản sau:

- Địa điểm: xã Sơn Tân – huyện Sơn Tây- tỉnh Quảng Ngãi. Đây là dự án điện có công suất lớn nhất trong quy hoạch bậc thang thủy điện sông Trà Khúc.
- Đơn vị quản lý: Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh.
- Tổng công suất: 125MW.
- Thông tin về PPA: Đã ký Hợp đồng mua bán điện thời hạn 10 năm kể từ thời điểm vận hành thương mại chính thức. Hợp đồng có hiệu lực từ 01/5/2014.
- Vận hành thương mại chính thức: tháng 6/2014.
- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm đầu kể từ năm 2014 đến hết năm 2017; giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2018 đến hết năm 2026;
- Ưu đãi khác: miễn giảm tiền thuê đất và thuê mặt nước, khấu trừ tiền thuê đất vào chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của dự án, được ưu đãi thuế nhập khẩu, được ưu đãi vay vốn tín dụng đầu tư.
- Kết quả sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	9 tháng 2018
1	Doanh thu thuần	479.782	605.921	376.367
2	Lợi nhuận sau thuế	93.805	241.166	22.692
3	Tổng tài sản	4.758.901	4.551.968	4.430.819
4	Tổng nợ	3.667.828	3.229.800	3.091.566
5	Vốn chủ sở hữu	1.091.073	1.322.168	1.339.253
6	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	8,60%	18,24%	1,7%
7	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,97%	5,30%	0,5%

2.2.3. Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na - Nhà máy Thủy điện Hủa Na

- Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA
- Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà dầu khí Nghệ An, số 7, đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
- Mã số: 2900797430
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng

- Vốn điều lệ đăng ký: 2.256.592.103.444 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 2.256.592.103.444 đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 94,83%
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na là đơn vị quản lý của Nhà máy Thủy điện Hòa Na với những thông tin cơ bản sau:
 - Địa điểm: xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.
 - Tổng công suất: 180MW.
 - Thông tin về PPA: Đã ký Hợp đồng với thời hạn 10 năm kể từ thời điểm vận hành thương mại (năm 2013), trong đó quy định giá bán bình quân cho cả đời dự án. Hòa Na hiện đang đàm phán lại giá điện theo vốn đầu tư quyết toán với sản lượng điện bình quân hàng năm dự kiến đạt khoảng 716,6 triệu kWh. Vận hành thương mại chính thức từ tháng 3/2013.
 - Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Dự án nằm trong quy hoạch điện quốc gia (Quy hoạch Điện VII), hưởng cơ chế 797/400. Theo luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008, sửa đổi bổ sung số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%/năm áp dụng trong 15 năm kể từ ngày vận hành thương mại, trong đó miễn thuế 04 năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ 2013) và giảm 50% thuế suất trong 09 năm tiếp theo (từ 2017).
 - Các ưu đãi khác: được ưu đãi về tiền thuê đất và bù trừ vào tiền giải phóng mặt bằng của dự án, ưu đãi tiền thuê mặt nước.
 - Kết quả sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	9 tháng 2018
1	Doanh thu thuần	519.246	650.527	655.689
2	Lợi nhuận (lỗ) sau thuế	(51.868)	9.452	175.155
3	Tổng tài sản	4.972.465	4.869.022	4.830.097
4	Tổng nợ	2.736.309	2.623.414	2.411.324
5	Vốn chủ sở hữu	2.236.156	2.245.608	2.418.773
6	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-2,32%	0,42%	7,2%
7	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-1,04%	0,19%	3,6%

2.2.4. Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

- Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
- Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
- Mã số: 0102560459
- Ngành nghề kinh doanh chính: Lắp đặt hệ thống điện, Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.
- Vốn điều lệ đăng ký: 150.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 150.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 51%
- Kết quả sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	9 tháng 2018
1	Doanh thu thuần	1.257.391	1.375.397	185.236
2	Lợi nhuận sau thuế	25.713	25.614	289
3	Tổng tài sản	3.112.960	3.060.310	2.965.158
4	Tổng nợ	2.919.494	2.866.463	2.794.144
5	Vốn chủ sở hữu	193.466	193.847	171.014
6	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	13,29%	13,21%	0,17%
7	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,83%	0,84%	0,01%

2.2.5. Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn - Nhà máy Thủy điện Nậm Cắt

- Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ BẮC KẠN
- Địa chỉ: Thôn Bản Chiêng, Xã Đôn Phong, Huyện Bạch Thông, Tỉnh Bắc Kạn
- Mã số: 4700191357
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Vốn điều lệ đăng ký: 86.423 triệu đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 86.423 triệu đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 94,23%
- Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn là đơn vị quản lý của Nhà máy Thủy điện Nậm Cắt với những thông tin cơ bản sau:
 - Địa điểm: xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.
 - Tổng công suất: 3,2 MW

- Đơn vị quản lý: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn.
- Thông tin về PPA: Đã ký hợp đồng mua bán điện với Tổng công ty Điện lực miền Bắc thời hạn 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại.
- Dự án được khởi công vào tháng 4/2011, đã đi vào vận hành, hoàn thành công tác hòa lưới điện quốc gia ngày 17/4/2012 và đã tổ chức khánh thành nhà máy vào ngày 10/5/2012.
- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: ưu đãi thuế suất 10%/năm trong thời hạn 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.
- Các ưu đãi khác: miễn thuế nhập khẩu, miễn tiền sử dụng đất, miễn tiền thuê đất 15 năm, được hỗ trợ sau đầu tư, được vay vốn tín dụng của chính phủ, được bảo lãnh tín dụng đầu tư.
- Kết quả sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	9 tháng 2018
1	Doanh thu thuần	18.236	18.014	14.904
2	Lợi nhuận sau thuế	170	424	744
3	Tổng tài sản	101.939	99.710	97.287
4	Tổng nợ	28.947	25.146	21.799
5	Vốn chủ sở hữu	72.992	74.564	75.308
6	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,23%	0,57%	1,0%
7	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,17%	0,43%	0,8%

2.2.6. Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

- Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ
- Địa chỉ: Số 8 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- Mã số: 0101394512
- Ngành nghề kinh doanh: Giáo dục khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Xây

dựng nhà các loại; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (trừ các loại Nhà nước cấm)

- Vốn điều lệ đăng ký: 386.386.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 386.386.000.000 đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 51,58%
- Kết quả sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	9 tháng 2018
1	Doanh thu thuần	873.159	898.010	799.047
2	Lợi nhuận sau thuế	26.050	28.839	30.766
3	Tổng tài sản	737.977	738.796	680.412
4	Tổng nợ	285.692	279.512	233.518
5	Vốn chủ sở hữu	452.285	459.285	446.893
6	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	5,76%	6,28%	6,9%
7	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,53%	3,90%	4,5%

2.3.Các Công ty liên kết (02 Công ty liên kết)

2.3.1. Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến

- Tên đầy đủ: CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN NẬM CHIẾN
- Địa chỉ: Tiểu khu 5, Thị Trấn Ít Ong, Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La
- Mã số: 5500214827
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng
- Vốn điều lệ đăng ký: 951.250.449.375 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 951.250.449.375 đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 30,72%
- Kết quả sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	9 tháng 2018
1	Doanh thu thuần	714.889	672.415	739.394
2	Lợi nhuận sau thuế	58.919	45.717	169.347
3	Tổng tài sản	5.413.727	5.434.143	5.343.807

4	Tổng nợ	4.506.371	4.481.205	4.223.808
5	Vốn chủ sở hữu	907.357	952.938	1.119.999
6	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	6,49%	4,80%	15,1%
7	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,09%	0,84%	3,2%

2.3.2. Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng

- Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG SÔNG HỒNG
- Địa chỉ: Thôn 6, Xã Phong Dụ Thượng, Huyện Văn Yên, Tỉnh Yên Bái
- Mã số: 5200263975
- Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến áp đến 110KV
- Vốn điều lệ đăng ký: 74.625.720.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 74.625.720.000 đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 44,07%
- Kết quả sản xuất kinh doanh

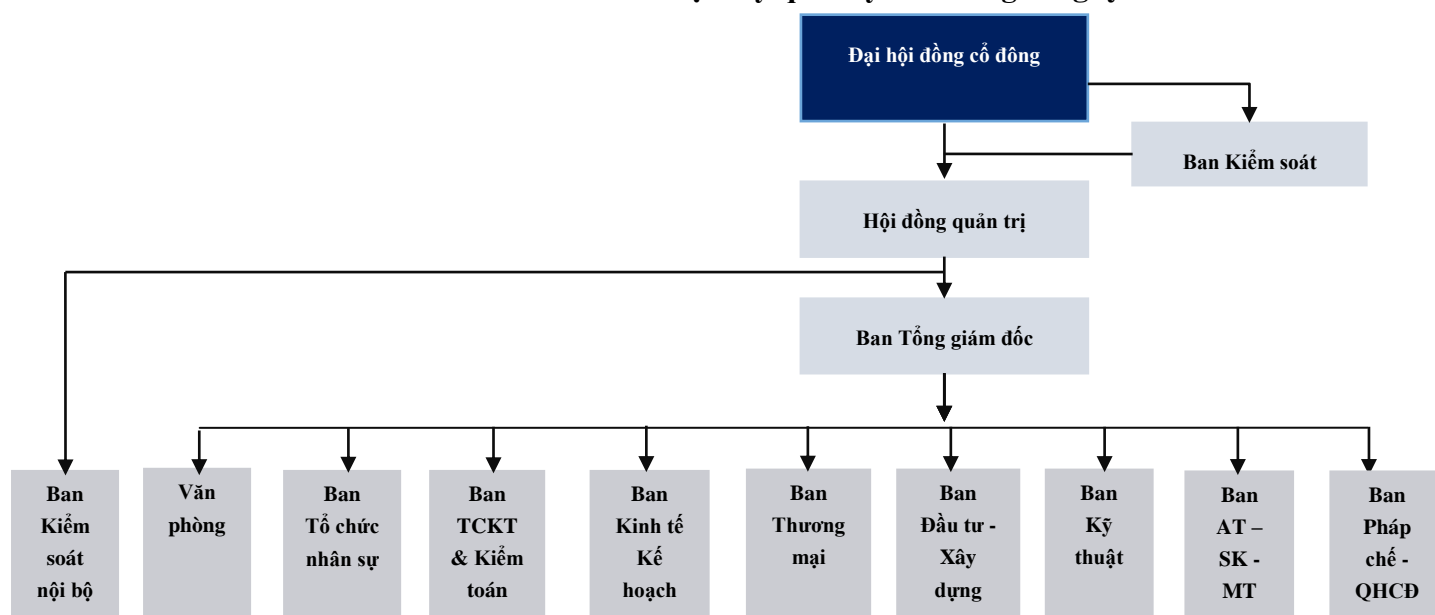
Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	9 tháng 2018
1	Doanh thu thuần	39.367	46.491	34.988
2	Lợi nhuận sau thuế	5.746	10.068	7.893
3	Tổng tài sản	290.416	278.659	276.233
4	Tổng nợ	221.744	199.919	189.599
5	Vốn chủ sở hữu	68.672	78.740	86.633
6	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	8,37%	12,79%	9,1%
7	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,98%	3,61%	2,9%

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định trong Điều lệ Công ty.

Hình 4: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Tổng công ty



Nguồn: PV Power

❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ như sau:

- Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty và các chi nhánh của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tổng công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và các cổ đông của Tổng công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;

❖ Hội đồng quản trị

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
- Cử người đại diện quản lý phần vốn góp của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp khác, cử/giới thiệu ứng cử/thay đổi người đại diện của Tổng Công ty tham gia HĐQT/HĐQT, Ban Kiểm soát tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng Công ty, quyết định mức thù lao và các quyền lợi khác của những chức danh này.
- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;
- Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Tổng công ty;
- Quyết định quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
- Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Tổng công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Hội đồng quản trị của Công ty có 05 thành viên, cơ cấu HĐQT hiện nay của Công ty như sau :

- | | |
|----------------------|-----------------|
| ▪ Ông Hồ Công Kỳ | - Chủ tịch HĐQT |
| ▪ Ông Lê Như Linh | - Thành viên |
| ▪ Ông Vũ Huy An | - Thành viên |
| ▪ Ông Nguyễn Hữu Quý | - Thành viên |

- Ông Phạm Xuân Trường - Thành viên

❖ Ban kiểm soát

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ. Cơ cấu BKS hiện nay của Tổng công ty như sau:

- Ông Vũ Quốc Hải - Trưởng ban
- Bà Vũ Thị Ngọc Dung - Thành viên
- Bà Lý Thị Thu Hương - Thành viên

❖ Ban Tổng Giám đốc

Tổng công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc có thể là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc là người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc bao gồm 07 thành viên sau:

- Ông Lê Như Linh - Tổng Giám đốc
- Ông Hoàng Văn Nghiệp - Phó Tổng Giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Duy Giang - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Mạnh Tường - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Minh Đạo - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Phan Đại Thành - Phó Tổng Giám đốc

❖ Các phòng ban

Các Ban/Văn phòng: Gồm Ban Kiểm soát nội bộ, Văn phòng và 08 ban chuyên môn có chức năng như sau:

- **Ban kiểm soát nội bộ:** Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý điều hành trong Tổng công ty, giúp Hội đồng quản trị kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế, khắc phục sai sót, vi phạm, rủi ro, kém hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.
- **Văn phòng:** Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác Hành chính - quản trị; Thư ký - tổng hợp; Văn thư - lưu trữ; Công tác quan hệ công chúng (PR) - phát triển thương hiệu - văn hóa doanh nghiệp; Công tác đối ngoại và quan hệ, hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước; Công tác an sinh xã hội; Quản lý công tác an ninh, quốc phòng, bảo mật của cơ quan Tổng công ty.

- **Ban Tổ chức nhân sự:** Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác tổ chức, đổi mới và phát triển doanh nghiệp; Công tác cán bộ; Công tác lao động, tiền lương và chế độ chính sách; Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; Công tác thi đua khen thưởng.
- **Ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán:** Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác tài chính, kế toán và kiểm toán của toàn Tổng công ty.
- **Ban Kinh tế Kế hoạch:** Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác kế hoạch, thống kê; Công tác lập tổng dự toán cho các kỳ sửa chữa định kỳ của các Nhà máy điện; Công tác đấu thầu thuộc lĩnh vực đầu tư xây dựng các dự án do Tổng công ty làm chủ đầu tư/chủ quản đầu tư; Các hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nhiên liệu đầu vào (khí, dầu, than), tiêu thụ tro xỉ; Theo dõi tổng hợp, đánh giá báo cáo Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác.
- **Ban Thương mại:** Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác thương mại (không bao gồm lĩnh vực cung cấp nhiên liệu, tiêu thụ tro xỉ), thị trường, xuất nhập khẩu, phát triển dịch vụ của Tổng công ty.
- **Ban Đầu tư – Xây dựng:** Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác đầu tư; Công tác xây dựng; Công tác thoái vốn của các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty.
- **Ban Kỹ thuật:** Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện; Kỹ thuật công nghệ các dự án; Nghiên cứu khoa học - công nghệ, thiết bị và công nghệ thông tin của Tổng công ty.
- **Ban An toàn - Sức khỏe - Môi trường:** Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác an toàn, sức khỏe, môi trường trong toàn Tổng công ty; Công tác bảo vệ nội bộ tại các Nhà máy điện và dự án đầu tư của Tổng công ty.
- **Ban Pháp chế - Quan hệ cổ đông:** Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác Pháp chế; Công tác quản lý cổ đông; Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, phòng chống tham nhũng.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ của Tổng công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ của Tổng công ty

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ của Tổng công ty ngày 08/11/2018

STT	Tên cổ đông	GCNĐKKD	Địa chỉ/Trụ sở	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
01	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	0100681592	18 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	1.872.141.477	79,94%
Tổng cộng				1.872.141.477	79,94%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 08/11/2018 của PV Power

Lưu ý: Theo Điều 1 Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 08/12/2017 về Phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam: "Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 51% vốn điều lệ tại Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần đến hết

năm 2025. Từ năm 2019, trong trường hợp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần tái cấu trúc được các khoản nợ nêu trên và đàm phán được với các tổ chức tín dụng cho vay, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có trách nhiệm thoái vốn góp tại Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần xuống mức dưới 50% vốn điều lệ". "Khoản nợ nêu trên" được hiểu là các khoản nợ tài trợ cho nhà máy điện Vũng Áng 1 được PVN chuyển cho PV Power khi PVN bàn giao tài sản Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Sân phân phối 500kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng cho PV Power từ năm 2015. Các Hợp đồng vay của các khoản nợ này được Bộ Tài chính bảo lãnh, và có cam kết trong đó PVN phải đảm bảo tỷ lệ nắm giữ vốn tại PV POWER không dưới 51% cho đến hết thời hạn khoản vay là năm 2025.

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập

PV Power là doanh nghiệp cổ phần hóa nên không có cổ đông sáng lập.

4.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông của Tổng công ty tại ngày 08/11/2018

STT	Loại cổ đông	Số lượng	Số cổ phần nắm giữ	% Tỷ lệ sở hữu/ Vốn điều lệ
I	Cổ đông trong nước	6.606	2.007.693.780	85,73%
1	Tổ chức	47	1.926.019.055	82,24%
2	Cá nhân	6.558	8.1674.725	3,49%
II	Cổ đông nước ngoài	168	334.177.820	14,27%
1	Tổ chức	77	330.835.043	14,13%
2	Cá nhân	91	3.342.777	0,14%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	6.774	2.341.871.600	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 08/11/2018 của PV Power

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết

5.1. Danh sách công ty mẹ của tổ chức niêm yết, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết

Bảng 3: Công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối của PV Power

STT	Tên cổ đông	GCNĐKKD	Địa chỉ/Trụ sở	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
01	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	0100681592	18 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	1.872.141.477	79,94%
	Tổng cộng			1.872.141.477	79,94%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 08/11/2018 của PV Power

5.2. Danh sách những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Bảng 4: Danh sách công ty PV Power nắm quyền kiểm soát, chi phối

STT	Tên doanh nghiệp	Ngành nghề kinh doanh chính	Địa chỉ	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn góp của PV Power (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn của PV Power
1	Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Sản xuất kinh doanh điện năng	Áp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai	2.878.760	1.709.261	59,37%
2	Công ty CP Thủy điện ĐakDrink	Sản xuất kinh doanh điện năng	Xã Sơn Tân, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi	1.020.690	967.876	94,83%
3	Công ty CP Thủy điện Hòa Na	Sản xuất kinh doanh điện năng	Xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An	2.256.592	1.898.727	84,14%
4	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, đại tu sửa chữa NMD	Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội	150.000	76.500	51%
5	Công ty CP Điện lực Dầu khí Bắc Kạn	Sản xuất kinh doanh điện năng	Huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn	86.423	81.436	94,23%
6	Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí	Dịch vụ cung cấp vật tư thiết bị và phụ tùng thay thế	Số 8 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	386.386	199.314	51,58%

Nguồn: PV Power

Bảng 5: Danh sách công ty liên doanh, liên kết của PV Power

TT	Tên doanh nghiệp	Ngành nghề kinh doanh chính	Địa chỉ	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn góp của PV Power (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn của PV Power
----	------------------	-----------------------------	---------	--------------------------	-----------------------------------	----------------------------

TT	Tên doanh nghiệp	Ngành nghề kinh doanh chính	Địa chỉ	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn góp của PV Power (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn của PV Power
1	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Sản xuất kinh doanh điện năng	Tiểu khu 5, Xã Ít Ong, Huyện Mường La, Sơn La	951.250	292.250	30,72%
2	Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	Khai thác, sản xuất kinh doanh điện	Thôn 6, Phong Dụ Thượng, Văn Yên, Yên Bái	74.625,72	32.887,5	44,07%

Nguồn: PV Power

6. Hoạt động kinh doanh

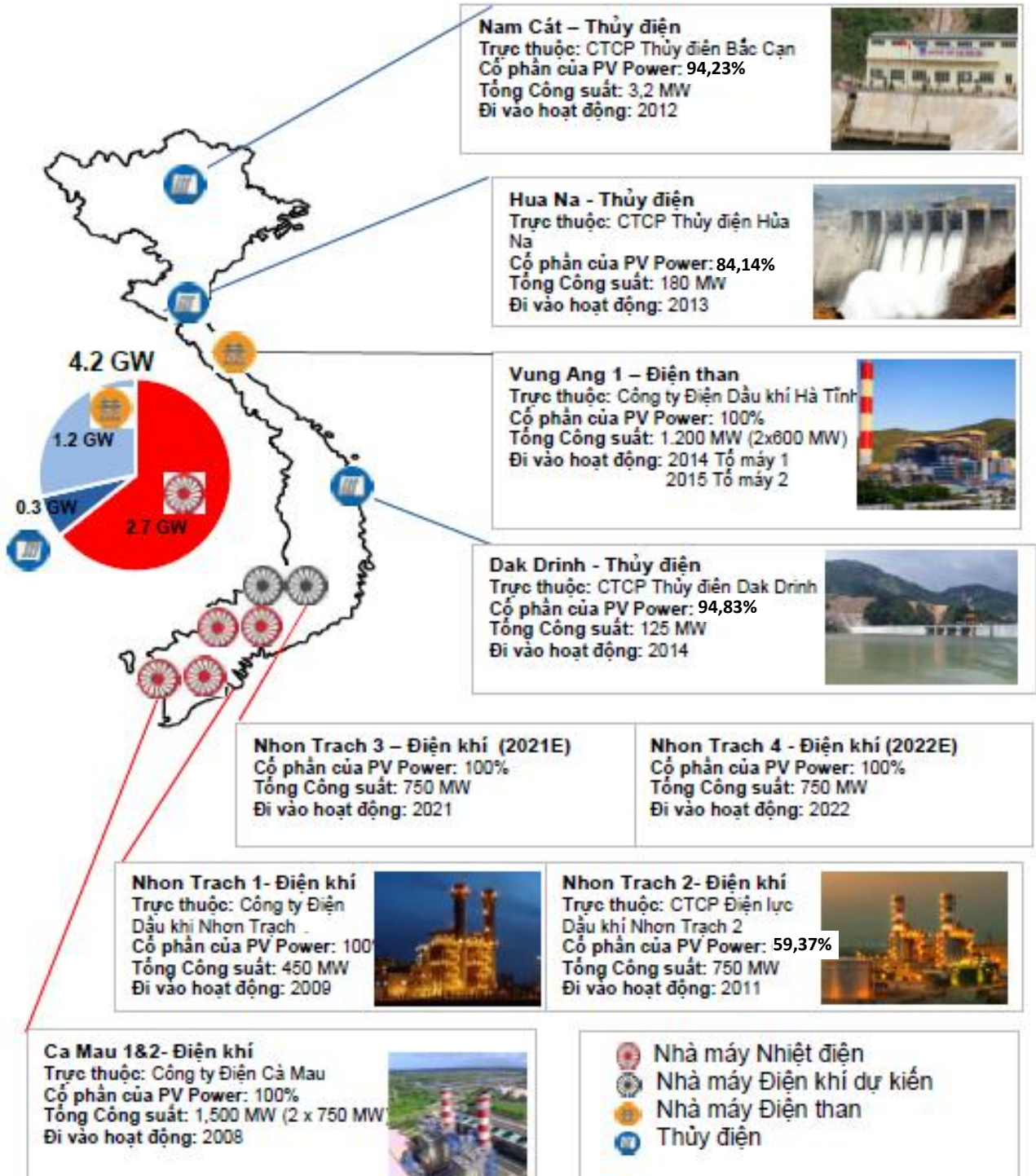
6.1.Lĩnh vực kinh doanh

Tính đến thời điểm hiện tại, PV Power hoạt động trong các mảng kinh doanh bao gồm: sản xuất và kinh doanh điện; nhập khẩu, kinh doanh và phân phối than; sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng đồng thời cung cấp vật tư, thiết bị thay thế cho các NMD. Tuy nhiên, phần lớn doanh thu vẫn đến từ mảng sản xuất và kinh doanh điện, các mảng kinh doanh phụ trợ mang tính chất hỗ trợ cho hoạt động chính của Tổng công ty, có tỷ trọng doanh thu thấp so với lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện.

6.1.1. Sản xuất điện

Sản xuất điện năng là ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty và thường đóng góp 96% - 97% doanh thu thuần và lợi nhuận gộp của PV Power. PV Power là nhà sản xuất điện lớn thứ hai của Việt Nam, chỉ xếp sau Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Tổng công ty sở hữu danh mục điện lớn với tổng công suất là 4,2GW, tương đương 10% công suất điện quốc gia. Các nhà máy điện khí là điểm mạnh của PV Power, bao gồm Nhà máy Nhơn Trạch 1 & 2, Nhà máy Cà Mau 1 & 2. Các nhà máy điện khí này chiếm 64% tổng công suất của Tổng công ty. Phần công suất còn lại đến từ than - nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 và thủy điện bao gồm các nhà máy Hòa Na, Đakrinh, Nậm Cắt.

Hình 5: Bản đồ các nhà máy điện của PV Power



Nguồn: VCSC Research

Trọng tâm phát triển của PV Power là các nhà máy điện khí. Tính đến nay, PV Power đã đầu tư và đưa vào vận hành 4 dự án điện khí là Cà Mau 1 & 2, Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2 với tổng công suất lên đến 2.700 MW. Các nhà máy điện này được đặt tại các tỉnh miền Nam, địa bàn có nhu cầu điện rất lớn và thường xuyên trong tình trạng thiếu điện, do đó đã phần nào đảm bảo nguồn điện cho khu vực. Ngoài các dự án điện khí, PV Power cũng thực hiện đầu tư vào một số dự án thủy điện như Hòa Na tại tỉnh Nghệ An với công suất lắp đặt 180 MW, đã được đưa vào vận hành trong năm 2013, thủy điện ĐăkĐrinh tại Quảng Ngãi với công suất lắp đặt 125 MW,

thủy điện Nậm Cắt tại Bắc Kạn với công suất 3,2 MW. Cuối năm 2015, PV Power nhận bàn giao nhà máy nhiệt điện than Vũng Áng 1 từ PVN và chính thức ghi nhận doanh thu mảng điện than trong năm 2016. Với chiến lược phát triển dựa vào các nhà máy nhiệt điện, trong thời gian tới PV Power sẽ thoái vốn khỏi các nhà máy thủy điện Hòa Na, ĐakĐrinh, Nậm Cắt và tập trung phát triển các dự án điện khí mới.

Bảng 6: Thông tin các nhà máy điện của PV Power

Nhà máy	Kiểu	Công suất	TMDT (tỷ đồng)	Suất đầu tư (tỷ đồng/MW)	Ngày vận hành	Tỷ lệ sở hữu
Cà Mau 1	Điện khí	750 MW	6.572	8,76	2008	100%
Cà Mau 2		750 MW	6.153	8,20	2009	100%
Nhơn Trạch 1		450 MW	7.053	15,67	2009	100%
Nhơn Trạch 2		750 MW	8.538	11,38	2011	59,37%
Hòa Na	Thủy điện	180 MW	5.964	33,13	2013	84,14%
Đakdrinh		125 MW	5.911	47,2	2014	94,83%
Nậm Cắt		3,2 MW	131	43,6	2012	94,23%
Vũng Áng 1	Điện than	1.200 MW	28.739	23,95	2015	100%
Tổng/Trung bình		4.208,2 MW	69.061	16,4		

Nguồn: PV Power

i) Nhà máy điện khí



Hình 6: Nhà máy điện Cà Mau 1 & 2

Nhà máy điện Cà mau 1 & 2 với tổng công suất 2x750MW thuộc sự quản lý của Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau. Nhà máy điện Cà Mau 1 & 2 là nhà máy nhiệt điện khí chu trình hỗn hợp sử dụng công nghệ mới, hiện đại hàng đầu thế giới do Tập đoàn Siemens CHLB Đức sản xuất. Mỗi nhà máy có cấu hình 2-2-1, (2 tua bin khí thể hệ F, 2 lò thu hồi nhiệt kiểu nằm ngang, tuần hoàn tự nhiên, 3 cấp áp lực có tái sấy, 1 tuabin hơi). Nhiên liệu chính cung cấp cho nhà máy là khí thiên nhiên lấy từ hệ thống khí PM3 – CAA và Lô 46 Cái Nước với mức tiêu thụ khoảng 6 triệu m³/ngày và nhiên liệu dự phòng là dầu DO.



Hình 8: Nhà máy điện Nhơn Trạch 1



Hình 7: Nhà máy điện Nhơn Trạch 2

- **Nhà máy điện Nhơn Trạch 1** (450MW), thuộc quản lý của Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch, sử dụng nhiên liệu chính là khí tự nhiên, nguồn khí cung cấp từ các mỏ thuộc bể Cửu Long và bể Nam Côn Sơn, nhiên liệu dự phòng là dầu DO. Nhà máy có cấu hình 2-2-1 (2 Turbine khí - 2 lò thu hồi nhiệt - 1 Turbine hơi), đấu nối với 4 đường xuất tuyến 220KV: đi Phú Mỹ mạch 1&2, đi Cai Lậy và đi Mỹ Tho mạch 2.
- **Nhà máy điện Nhơn Trạch 2** với công suất 750MW được vận hành dưới sự quản lý của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty đã niêm yết trên HOSE với mã chứng khoán NT2). Đây là nhà máy điện tuabin khí chu trình hỗn hợp, sử dụng công nghệ tuabin khí thế hệ F, là công nghệ tiên tiến trên thế giới hiện nay, có hiệu suất cao và rất thân thiện với môi trường. Nhà máy có cấu hình 2-2-1, bao gồm 2 tuabin khí thế hệ F, 2 lò thu hồi nhiệt kiểu nằm ngang tuần hoàn tự nhiên ba cấp áp lực có tái sấy và 1 tuabin hơi ba cấp áp lực phù hợp với công nghệ thiết kế của lò thu hồi nhiệt.

Toàn bộ nhà máy được vận hành tự động trên hệ thống điều khiển SPPA-T3000, đây là hệ thống điều khiển tiên tiến nhất của Tập đoàn Siemens – Đức. Tính đến thời điểm hiện tại, trong số các nhà máy điện tương tự tại Việt Nam chỉ duy nhất nhà máy điện Nhơn Trạch 2 áp dụng công nghệ tiên tiến này. Nhiên liệu chính để vận hành nhà máy là khí thiên nhiên (khoảng 3 triệu m³/ngày đêm) và nhiên liệu dự phòng là dầu DO. Trong quá trình vận hành nếu có sự cố về việc cung cấp nhiên liệu khí thì nhà máy sẽ tự động chuyển sang vận hành bằng nhiên liệu dự phòng là dầu DO.

ii) Nhà máy thủy điện



Hình 9: Nhà máy Thủy điện Hủa Na

- **Nhà máy Thủy điện Hủa Na** có công suất 180MW, được quản lý bởi Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na. Hàng năm, Thủy điện Hủa Na cung cấp cho hệ thống điện quốc gia sản lượng điện từ 500 triệu kWh đến trên 700 triệu kWh.



Hình 11: Nhà máy Thủy điện Đakdrinh



Hình 10: Nhà máy Thủy điện Nậm Cắt

iii) Nhà máy nhiệt điện



Hình 12: Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

hai tổ máy của Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng được hoàn thành và phát điện thương mại chính thức lần lượt vào tháng 12/2014 và tháng 5/2015. Nhà máy đã tham gia thị trường phát điện cạnh tranh vào tháng 10/2016.

- Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 sử dụng công nghệ đốt than phun trực tiếp tiên tiến, hiệu suất cao, đáp ứng tốt yêu cầu về bảo vệ môi trường. Công suất thực tế của Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 hàng năm đạt 60% đến 65% công suất thiết kế. Hàng năm khi đi vào vận hành nhà máy sẽ cung cấp cho hệ thống khoảng 7,2tỉ kWh, góp phần đáp ứng nhu cầu của phụ tải của khu

- **Nhà máy Thủy điện Đakdrinh** được thiết kế với 2 tổ máy (125MW) và trạm phân phối 110kV, có nhiệm vụ cung cấp điện năng cho hệ thống điện quốc gia với sản lượng hàng năm trên dưới 500 triệu kWh, đồng thời làm tăng lưu lượng cấp nước về mùa khô cho vùng hạ du và cất lũ cho hạ lưu về mùa lũ, đặc biệt sẽ tạo nguồn nước ngọt phục vụ cho khu kinh tế Dung Quất.

- **Nhà máy Thủy điện Nậm Cắt** có công suất 3,2MW, hàng năm cung cấp lên hệ thống điện quốc gia khoảng 13 triệu kWh, giải quyết tới 1/3 nhu cầu tiêu thụ điện và đóng góp quan trọng vào tốc độ tăng trưởng công nghiệp của tỉnh Bắc Kạn.

- **Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1:** PV Power đang sở hữu Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, một trong những nhà máy điện than có tổng công suất lớn nhất (2x600MW). Nhiệt điện Vũng Áng 1 thuộc sự quản lý của Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh. Nhà máy được đặt tại thôn Hải Phong, xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Cả

vực nói riêng và hệ thống điện quốc gia nói chung. Đây là một trong những nhà máy nhiệt điện có công suất lớn nhất tại Việt Nam và là một trong số ít các dự án nhiệt điện than đã đạt mức nội địa hóa đạt khoảng 30% đối với thiết kế, chế tạo, vật tư thiết bị trong nước, trong đó có gói thầu có tỷ lệ nội địa hóa lên đến 55% do các đơn vị trong nước sản xuất. Than cho nhà máy là than nội địa và than cám 5 với lượng tiêu thụ dự kiến 2,9 triệu tấn/năm.

✚ Sản lượng điện:

- Trong giai đoạn từ 2014 đến 2017, tổng sản lượng điện của PV Power đạt 79,24 tỷ kWh.
- Tốc độ tăng trưởng sản lượng điện trung bình trong giai đoạn này đạt khoảng 7%/năm.

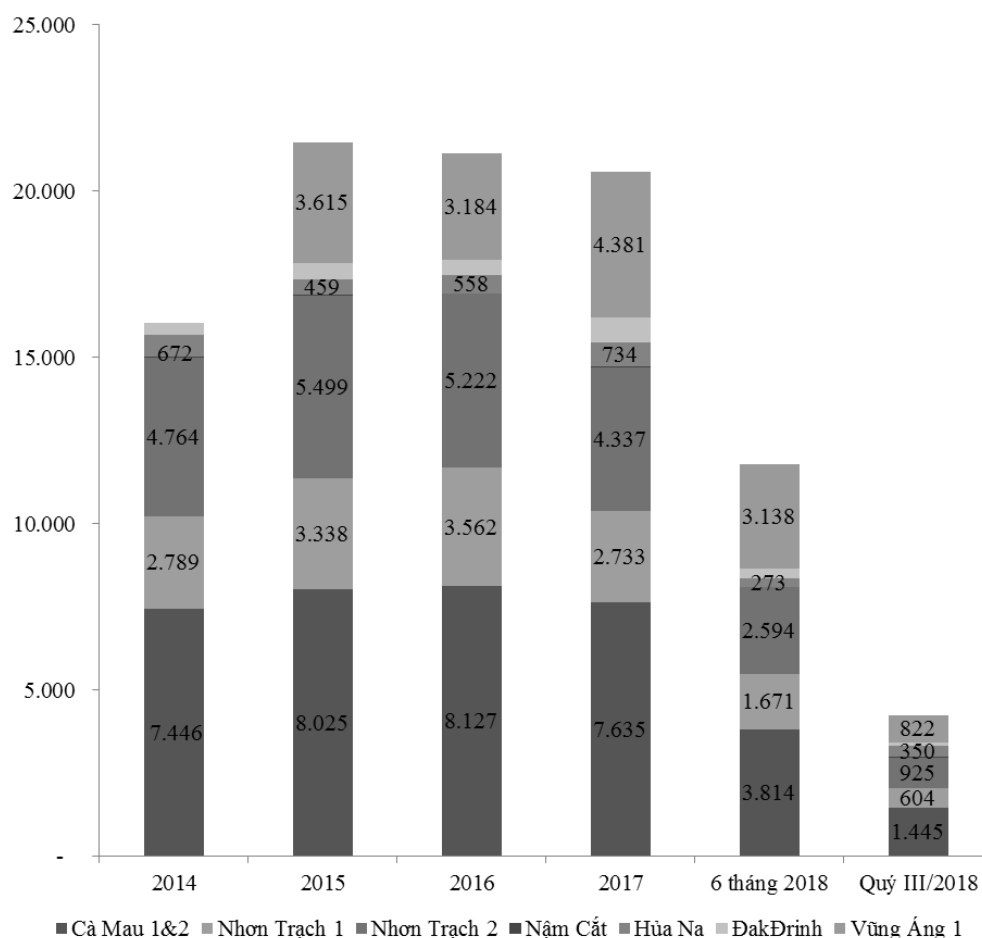
Bảng 7: Sản lượng điện sản xuất năm 2014-2017 và 9 tháng 2018

Đơn vị: triệu kWh

TT	Nhà máy	Tham gia thị trường phát điện cạnh tranh	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	6 tháng đầu năm 2018	Quý III/2018
1	Cà Mau 1 & 2	Không tham gia	7.446	8.025	8.127	7.635	3.814	1.445
2	Nhon Trạch 1	11/07/2012	2.789	3.338	3.562	2.733	1.671	604
3	Nhon Trạch 2	08/07/2012	4.764	5.499	5.222	4.337	2.594	925
4	Nậm Cắt	Không tham gia	16	16	14	16	7	5,7
5	Hỏa Na	01/11/2013	672	459	558	734	273	350
6	Đak Đrinh	01/12/2015	364	516	464	745	300	90
7	Vũng Áng 1	01/10/2016	0	3.615	3.184	4.381	3.138	822
Tổng cộng			16.054	21.470	21.132	20.581	11.798	4.240

Nguồn: PV Power

Ghi chú: sản lượng điện bao gồm sản lượng điện thử nghiệm, vận hành thuê.

Hình 13: Biểu đồ sản lượng điện sản xuất theo nhà máy của PV Power

Nguồn: PV Power

Hiện nay, trong các nhà máy điện thuộc quản lý của PV Power có 5 nhà máy điện đã tham gia thị trường phát điện cạnh tranh. Đó là nhà máy điện Nhon Trạch 1 và Nhon Trạch 2 (tham gia vào tháng 7/2012), nhà máy điện Hòa Na (tham gia vào tháng 11/2013), nhà máy điện ĐakĐrinh (tham gia vào tháng 12/2015) và nhà máy điện Vũng Áng 1 (tham gia vào tháng 10/2016). Nhà máy điện Cà Mau 1 & 2 và thủy điện Nậm Cát không tham gia thị trường phát điện cạnh tranh mà đàm phán giá và trực tiếp bán cho Tập đoàn Điện lực Việt nam (EVN) theo Hợp đồng đã ký kết với EVN. Nhà máy điện Cà Mau 1 & 2 không tham gia thị trường phát điện cạnh tranh là do phải thực hiện nghĩa vụ thu nhận khí từ chủ mỏ (khai thác triệt để nguồn khí PM3). Còn nhà máy thủy điện Nậm cát có công suất nhỏ (3,2 MW) dưới 30 MW nên không đủ điều kiện tham gia thị trường phát điện cạnh tranh theo quy định.

Tổng sản lượng điện của các nhà máy khá ổn định từ năm 2015 đến năm 2017 và giao động quanh mức 20 - 21 tỷ kWh hàng năm. Tổng sản lượng điện sản xuất 9 tháng đầu năm 2018 của PV Power đạt 16 tỷ kWh, bằng 80% tổng sản lượng điện sản xuất của năm 2017. Các nhà máy có công suất lớn và đem lại sản lượng cao (từ 3 tỷ kWh đến 8 tỷ kWh hàng năm) là Cà Mau 1 & 2, Nhon Trạch 1, Nhon Trạch 2 và Vũng Áng 1. Thủy điện Hòa Na và thủy điện ĐakĐrinh là hai thủy điện lớn, hàng năm đều đem lại sản lượng điện từ trên 400 triệu kWh đến trên 700 triệu kWh. Thủy điện Nậm Cát là thủy điện nhỏ với công suất chỉ 3,2MW nên hàng năm chỉ đóng góp

16 triệu kWh vào tổng sản lượng điện sản xuất hàng năm. 9 tháng đầu năm 2018, các nhà máy vẫn hoạt động ổn định.

Năm 2015, thời tiết Việt Nam xảy ra hiện tượng Elnino tức là hạn hán dẫn tới thủy văn của các nhà máy thủy điện kém, cụ thể sản lượng điện của Nhà máy thủy điện Hòa Na năm 2015 giảm 31,7% so với năm 2014. Do vậy, PV Power phải tăng cường sản xuất điện tại các nhà máy nhiệt điện. Sản lượng điện của nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2 năm 2015 tăng lần lượt là 20% và 15% so với năm 2014. Năm 2015, cả hai tổ máy của nhà máy điện than Vũng Áng 1 đi vào vận hành, đóng góp hơn 3,6 tỷ kWh vào tổng sản lượng của PV Power làm cho tổng sản lượng tăng từ 16 tỷ kWh lên 21 tỷ kWh. Sang đến năm 2016 và năm 2017, hiện tượng hạn hán không còn diễn ra, các nhà máy thủy điện hoạt động với công suất bình thường, từ đó làm giảm việc huy động điện từ các nhà máy nhiệt điện. Công suất của các nhà máy nhiệt điện Cà Mau 1 và 2, Nhơn Trạch 1 và 2 giảm so với năm 2015 nhưng tổng sản lượng điện sản xuất không thay đổi nhiều.

Quý III năm 2018 là mùa mưa, rất thuận lợi cho việc phát điện tại các nhà máy thủy điện dẫn đến làm giảm nhu cầu phát điện tại các nhà máy nhiệt điện ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất điện của PV Power do công suất của các nhà máy nhiệt điện chiếm 92,6% tổng công suất của PV Power. Yếu tố thời tiết thuận lợi cho phát điện của nhà máy thủy điện dẫn đến việc huy động điện tại các nhà máy nhiệt điện giảm đi làm cho tổng sản lượng điện quý III năm 2018 của PV Power giảm so với trung bình hai quý I và II (thấp hơn khoảng 28%).

Việc tham gia thị trường phát điện cạnh tranh

Thị trường phát điện cạnh tranh bắt đầu chính thức vận hành từ tháng 7/2012. PV Power có 2 nhà máy điện (Nhơn Trạch 1&2) tham gia thị trường ngay từ những ngày đầu vận hành. Sau đó, các nhà máy khác cũng tham gia vào thị trường phát điện cạnh tranh là Thủy điện Hòa Na (2013), Thủy điện ĐakĐrinh (2015) và Nhiệt điện Vũng Áng 1 (2016).

Trong hơn 6 năm tham gia thị trường phát điện cạnh tranh, PV Power phải luôn nỗ lực tìm ra các phương án chào giá, phương án vận hành theo tiêu chí tối ưu hóa lợi nhuận nhưng vẫn phải đảm bảo các điều kiện kỹ thuật, hạn chế tối đa ảnh hưởng lên các tổ máy do thay đổi công suất phát (khi vận hành trong thị trường điện, các nhà máy có thể phải thay đổi công suất phát hàng giờ theo lệnh điều độ của Trung tâm Điều độ Hệ thống điện quốc gia) và sử dụng tối ưu nguồn năng lượng sơ cấp có hạn (đối với các nhà máy thủy điện). Qua đó, việc tham gia thị trường phát điện cạnh tranh đã góp phần không nhỏ vào nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power.

6.1.2. Hoạt động kinh doanh phụ trợ

Dịch vụ kỹ thuật điện

Cùng với công tác sản xuất điện năng, việc phát triển dịch vụ kỹ thuật điện là một trong những mục tiêu quan trọng trong kế hoạch kinh doanh của PV Power. Ngày 27/11/2007, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power Services - PVPS) được thành lập

theo định hướng của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) và PV Power nhằm từng bước làm chủ khoa học công nghệ, vận hành hiệu quả các thiết bị máy móc hiện đại, từng bước thay thế nhà thầu nước ngoài và chủ động đảm đương thực hiện tốt công tác sửa chữa thường xuyên, bảo trì, trung/đại tu... cho các nhà máy điện tại PV Power.

PV Power Services đã thực hiện tốt công tác sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy điện của PV Power với mục tiêu phát huy nội lực và từng bước nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề; chủ động trong công tác sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy điện, xây dựng lộ trình giảm thiểu chi phí bảo dưỡng nhà thầu phụ OEM, đảm bảo hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng tốt, tiết kiệm chi phí ở mức tối đa. Đến nay, đã thực hiện thành công công tác trung tu/đại tu Nhà máy điện Cà Mau 1, trung tu Nhà máy điện Cà Mau 2, trung tu/đại tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, trung tu mở rộng Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 (hoàn thành vượt tiến độ), trung tu Nhà máy điện Hủ Na. Thành công của công tác trung tu/đại tu đánh dấu một mốc quan trọng trong sự phát triển dịch vụ kỹ thuật điện, chứng minh năng lực cán bộ của PV Power Services đáp ứng yêu cầu sửa chữa bảo dưỡng nhà máy điện và sẵn sàng tiếp nhận thêm công việc dần dần thay thế chuyên gia, giảm chi phí thực hiện công việc.

Mục tiêu gia tăng tỷ lệ nội địa hóa dịch vụ kỹ thuật điện của PV Power còn gặp khó khăn do công tác đàm phán với nhà thầu phụ về việc chuyển đổi hình thức hợp đồng, đồng thời công tác đào tạo chuyên sâu cũng gặp khó khăn do nhà chế tạo thiết bị gốc được lắp đặt chỉ tổ chức đào tạo cho nhân sự của họ mà không tổ chức cho khách hàng và hơn nữa là các trang thiết bị đều có hàm lượng công nghệ cao, không dễ dàng để chế tạo tại Việt Nam.

Dịch vụ cung ứng than

Thực hiện nội dung Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 05/01/2013, theo đó PV Power đã thành lập đơn vị cung cấp nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Chi nhánh PV Power - Công ty Nhập khẩu và Phân phối Than Điện lực Dầu khí (PV Power Coal) được thành lập tại Quyết định số 86/QĐ/HĐTV-ĐLĐK ngày 19/03/2013 của Hội đồng thành viên PV Power trên cơ sở tiếp nhận nguyên trạng vốn, tài sản, nhân sự và kế thừa mọi quyền lợi, nghĩa vụ các hợp đồng của Công ty Nhập khẩu và Phân phối Than Dầu khí - Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. PV Power Coal có nhiệm vụ xuyên suốt là đảm bảo nguồn than (trong nước, nhập khẩu) ổn định phục vụ vận hành cho các nhà máy điện than thuộc PVN và PV Power. Đến nay, PV Power Coal đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ:

- Hoàn thành việc nghiên cứu xây dựng Đề án nhập khẩu than;
- Đề xuất các cơ chế, quy chế quản lý để chuẩn bị cho công tác cung cấp than nhập khẩu cho các dự án nhiệt điện của PVN và PV Power;
- Tìm kiếm nguồn than từ Úc, Indonesia, Nga... và ký kết các Hợp đồng khung về mua bán than dài hạn (COFA/MOU) cho các dự án điện.
- Đàm phán Hợp đồng mua bán than với Vinacomin cấp than cho Nhà máy điện Vũng Áng 1; Triển khai các công tác tiếp nhận than an toàn hiệu quả với khối lượng giao nhận cho Nhà

máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 gần 2 triệu tấn than; Thực hiện công tác giám sát giao nhận than cho nhà máy; Đàm phán Hợp đồng cấp than cho giai đoạn vận hành thương mại Nhà máy Vũng Áng 1.

- Đã chủ trì đàm phán và đạt được thỏa thuận với Vinacomin về vấn đề nguồn than cung cấp cho Nhà máy điện Thái Bình 2 để làm cơ sở công tác chuẩn bị đầu tư (thiết kế), chạy thử và 05 năm tiếp theo của giai đoạn vận hành thương mại; Tham gia góp ý với Ban quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 trong công tác khảo sát và nghiên cứu phương án vận hành cho Nhà máy điện.

Dịch vụ bán hàng hóa, xây lắp và bất động sản

Các hoạt động bán buôn chuyên doanh; xây lắp và bất động sản chủ yếu đến từ Công ty con của PV Power là Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí (PVMachino). Tiền thân của PVMachino là Tổng Công ty Máy và Phụ tùng – Tổng Công ty 90 Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại. Năm 2009, Công ty Máy và Phụ tùng chuyển thành Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí, chuyển về làm đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Ngày 01/03/2010 PV Machino chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101394512. Từ tháng 11/2014 đến nay, PV Machino trở thành thành viên của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

PVMachino hoạt động chủ yếu tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, với ngành nghề kinh doanh chính là:

- Cung cấp máy móc, vật tư, thiết bị,... cho các công trình, dự án
- Cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế do các nhà máy thủy điện, nhiệt điện
- Kinh doanh thương mại

Kể từ khi thành lập tới nay, PVMachino liên tục thực hiện tốt các hoạt động kinh doanh, cung cấp máy móc thiết bị, phụ tùng vật tư cho các dự án cả trong và ngoài ngành Dầu khí, tiêu biểu như: PVTex Đình Vũ, PVPipe, PVGas D, Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, cung cấp vật tư tiêu hao, thiết bị cho Nhà máy điện Vũng Áng 1, Nhà máy điện Cà Mau 1&2, Nhà máy Đạm Cà Mau.

6.2. Doanh thu, lợi nhuận của Công ty qua các năm

6.2.1. Doanh thu thuần

Doanh thu của PV Power đến từ các hoạt động sau:

- 1) Doanh thu bán điện từ các nhà máy điện.
- 2) Doanh thu cung cấp dịch vụ đến từ dịch vụ kỹ thuật điện - PV Power Services, chuyên cung cấp dịch vụ kỹ thuật, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện.
- 3) Doanh thu bán hàng hóa chủ yếu từ hoạt động bán buôn chuyên doanh của Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí (PVMachino). Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là thương mại và xây lắp.

- 4) Doanh thu hợp đồng xây lắp và doanh thu bất động sản cũng đến từ PVMachino. Doanh thu bất động sản phát sinh từ năm 2015, sau khi PVMachino trở thành công ty con của Tổng công ty và được hợp nhất trên BCTC.

Doanh thu theo các mặt hoạt động của PV Power được thể hiện chi tiết trong bảng dưới đây:

Bảng 8: Cơ cấu doanh thu hợp nhất của PV Power

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Năm Chỉ tiêu	2016		2017		6 tháng đầu năm 2018 (đã soát xét)		6 tháng đầu năm 2018 (số tại BCTC 30/9/2018)		01/07/2018 - 30/09/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán điện	27.209	96,45%	28.861	97,14%	17.282	96,97%	17.288	96,97%	6.710	96,37%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	155	0,55%	43	0,14%	2	0,01%	2	0,01%	0,151	0,00%
Doanh thu bán hàng hóa	666	2,36%	798	2,69%	519	2,91%	519	2,91%	243,5	3,50%
Doanh thu hợp đồng xây lắp và bất động sản	181	0,64%	8,5	0,03%	18,5	0,01%	18,5	0,10%	8,7	0,12%
Tổng cộng	28.211	100%	29.710	100%	17.822	100%	17.827	100%	6.961	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017, BCTC hợp nhất đã soát xét 6 tháng, BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2018 của PV Power.

Lưu ý:

PV Power đã phát hành Báo cáo tài chính riêng/hợp nhất giữa niên độ sau soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 theo các quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tuy nhiên, tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần (ngày 01/07/2018), PV Power phát hành Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 (Được lập cho mục đích phục vụ công tác chuyển giao từ doanh nghiệp cổ phần hóa cho công ty cổ phần) - Sau đây gọi là “Báo cáo tài chính riêng kiểm toán 30/6/2018”. Trong đó, thực hiện các xử lý tài chính theo quy định tại Điều 21, Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH MTV do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn thành công ty cổ phần (các xử lý tài chính được trình bày chi tiết tại Lưu ý 1, phần 7.1, mục IV của Bản cáo bạch này). Các xử lý tài chính là nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt giữa số liệu 6 tháng đầu năm 2018 (đã soát xét) và số liệu 6 tháng đầu năm 2018 (chuyển đổi).

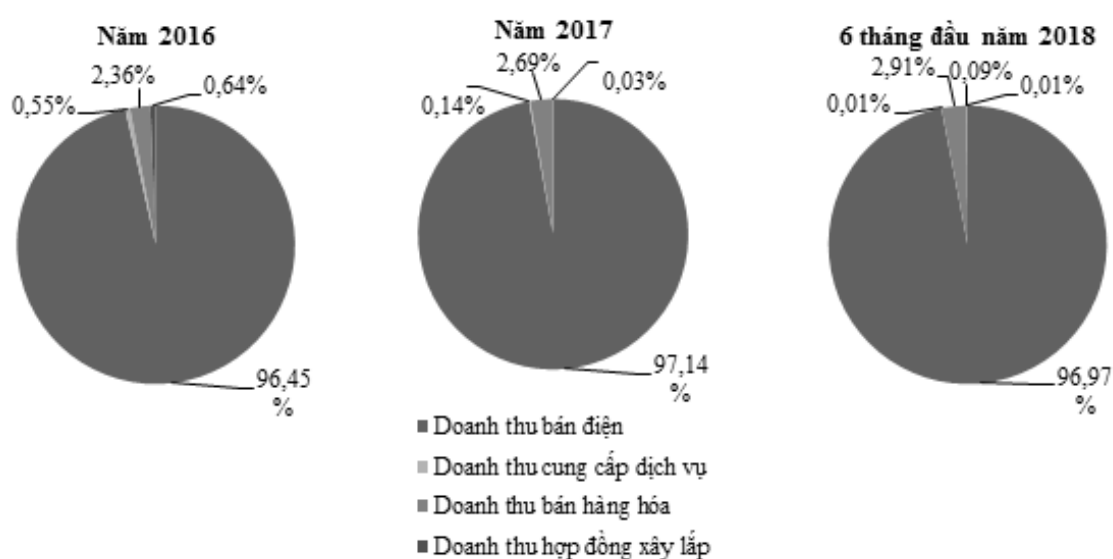
Số liệu 6 tháng đầu năm 2018 (số tại BCTC 30/9/2018) là số liệu PV Power tự tính hợp nhất hợp nhất từ “Báo cáo tài chính riêng kiểm toán 30/6/2018” kể trên và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 của các công ty con.

Tổng doanh thu hợp nhất của PV Power tăng từ 28.211 tỷ đồng năm 2016 lên 29.710 tỷ đồng năm 2017 (mức tăng 5%) chủ yếu là do tăng doanh thu bán điện (hoạt động kinh doanh chính của PV Power). Tuy sản lượng điện giảm nhẹ 2,6% từ 21.132 xuống còn 20.581 nhưng doanh thu bán điện tăng nguyên nhân là do giá bán điện tăng. Tỷ trọng doanh thu từ sản xuất kinh doanh điện trong tổng doanh thu năm 2016 là 96% (tương ứng với 27.209 tỷ đồng) tăng nhẹ lên 97% năm 2017 (tương ứng với 28.861 tỷ đồng) và giữ ở mức 97% trong 6 tháng đầu năm 2018 (tương ứng 17.282 tỷ đồng).

Lượng điện sản xuất của PV Power chủ yếu đến từ điện khí và điện than, chỉ một phần nhỏ đến từ thủy điện. Năm nhà máy điện đóng góp phần lớn doanh thu của PV Power là nhà máy điện Cà Mau 1, nhà máy điện Cà Mau 2, nhà máy điện Nhơn Trạch 1, nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và nhà máy điện Vũng Áng 1. Các doanh thu còn lại từ hoạt động cung cấp dịch vụ, bán hàng hóa, hợp đồng xây lắp và hoạt động bán bất động sản chiếm tỷ trọng nhỏ (dưới 3%). Đây chủ yếu là hoạt động của các công ty con và công ty liên kết. 6 tháng đầu năm 2018, PV Power có nguồn thu từ bán bất động sản với giá trị là hơn 16 tỷ đồng, đây là nguồn thu từ Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí.

Sau khi chuyển thành công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power vẫn diễn ra bình thường. Tổng doanh thu hợp nhất từ 01/07/2018 đến 30/09/2018 đạt 6.961 tỷ đồng, trong đó 96,37% là doanh thu bán điện tương ứng với 6.710 tỷ đồng.

Hình 14: Cơ cấu doanh thu hợp nhất của PV Power



Bảng 9: Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ PV Power*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

Năm Chỉ tiêu	2016		2017		6 tháng đầu năm 2018 (đã soát xét)		6 tháng đầu năm 2018 (đã kiểm toán)		01/07/2018 - 30/09/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán điện	18.210	99,79%	20.900	99,97%	12.654	99,99%	12.659	99,99%	4.716	99,99%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	38	0,21%	5,6	0,03%	1,7	0,01%	1,7	0,01%	0,18	0,004%
Tổng cộng	18.248	100%	20.906	100%	12.655	100%	12.661	100%	4.716	100%

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2016, 2017, BCTC riêng đã soát xét 6 tháng 2018, BCTC riêng đã kiểm toán 6 tháng 2018 (Báo cáo chuyển giao doanh nghiệp), BCTC riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2018 của PV Power.

Doanh thu Công ty mẹ Tổng công ty đóng góp từ 65%-70% tổng doanh thu hợp nhất, trong đó doanh thu bán điện cũng chiếm tỷ trọng lớn nhất với hơn 99% trong tổng doanh thu công ty mẹ. Các nhà máy điện Cà Mau 1, Cà Mau 2, Nhơn Trạch 1 và Vũng Áng 1 là chi nhánh trực thuộc của Công ty mẹ PV Power nên đây là lý do xét trong cơ cấu tổng doanh thu hợp nhất đóng góp của Công ty mẹ vẫn chiếm đa số.

Doanh thu từ bán điện của Tổng công ty chịu ảnh hưởng rất lớn bởi hai yếu tố là sản lượng điện bán và giá bán điện. Sản lượng điện sản xuất hàng năm phần lớn vẫn được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo hợp đồng mua bán điện hoặc theo thị trường phát điện cạnh tranh. Còn giá bán điện phụ thuộc tương đối nhiều vào chi phí nhiên liệu đầu vào (nhiên liệu khí đối với các nhà máy nhiệt điện khí và nhiên liệu than đối với các nhà máy nhiệt điện than).

Lưu ý:

Số liệu 6 tháng đầu năm 2018 (đã soát xét) là số đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam soát xét tại Biên bản tổng hợp kết quả soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 (gọi tắt là BCTC riêng đã soát xét 6 tháng 2018).

Số liệu 6 tháng đầu năm 2018 (đã kiểm toán) là số được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán tại Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 (Được lập cho mục đích phục vụ công tác chuyển giao từ doanh nghiệp cổ phần hóa cho công ty cổ phần) (gọi tắt là BCTC riêng đã kiểm toán 6 tháng 2018 (chuyển giao doanh nghiệp)).

Giải thích sự khác biệt của hai số liệu trên được trình bày tại Lưu ý 1, phần 7.1, mục IV của Bản cáo bạch này.

Bảng 10: Cơ cấu doanh thu bán điện của PV Power theo nhà máy*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

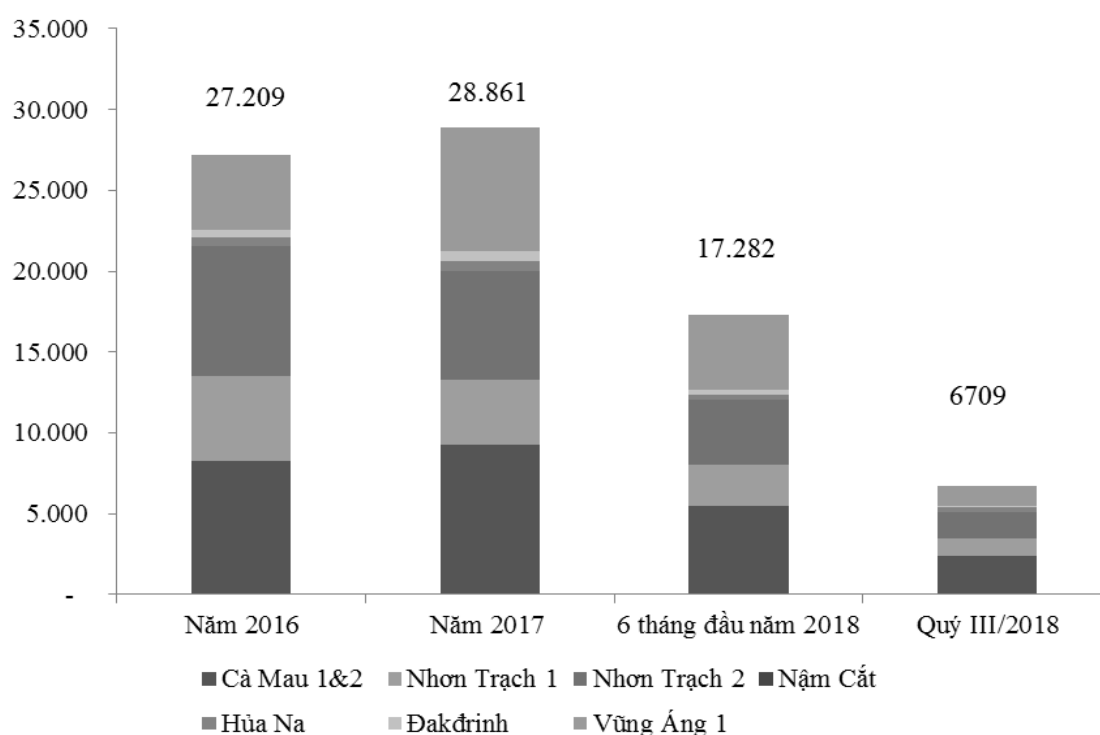
Năm Chi tiêu	2016		2017		6 tháng đầu năm 2018		Quý III/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
NMĐ Cà Mau 1&2	8.269,2	30,39%	9.259,6	32,08%	5.481,7	31,72%	2.391	36%
NMĐ Nhon Trạch 1	5.278,6	19,4%	3.984,3	13,81%	2.532,1	14,65%	1.073	16%
NMĐ Nhon Trạch 2	7.983,3	29,34%	6.761,1	23,43%	4.029,7	23,32%	1.621	24%
NMTĐ Nậm Cắt	16,9	0,06%	18	0,06%	10,7	0,06%	4	0%
NMTĐ Hòa Na	519,25	1,91%	575,8	2%	289,8	1,68%	290	4%
NMTĐ Đakđrinh	479,78	1,76%	605,9	2,1%	298,4	1,73%	78	1%
NMĐ Vũng Áng 1	4.662	17,13%	7.656,3	26,53%	4.640	26,85%	1.251	19%
Tổng cộng	27.209	100%	28.861,1	100%	17.282,3	100%	6.709	100%

Nguồn: PV Power

Sản lượng điện sản xuất của NMĐ Nhon Trạch 1 và NMĐ Nhon Trạch 2 năm 2017 giảm mạnh so với năm 2016 lần lượt 23,3% và 16,9% là nguyên nhân chính dẫn tới doanh thu bán điện của NMĐ Nhon Trạch 1 và NMĐ Nhon Trạch 2 giảm. Trong khi đó sản lượng của nhà máy thủy điện tăng làm cho doanh thu của Thủy điện Hòa Na và Thủy điện Đakđrinh tăng lần lượt là 10,7% và 26%. Sự tăng giảm sản lượng điện sản xuất giữa các nhà máy thủy điện và nhiệt điện sẽ do PV Power điều tiết căn cứ trên tình hình thực tế về điều kiện thời tiết, giá nguyên vật liệu đầu vào tùy từng thời điểm. 9 tháng đầu năm 2018, sản lượng điện sản xuất của toàn PV Power đạt 23.991 triệu kWh, bằng 83% của cả năm 2017. Quý III năm 2018 chứng kiến sự sụt giảm về doanh thu bán điện của toàn Tổng công ty (chỉ bằng 77% so với bình quân hai quý I và II năm 2018) là do sản lượng điện các nhà máy quý III năm 2018 chỉ bằng 72% so với trung bình hai quý trước như đã giải thích về sự biến động của sản lượng điện tại mục 6.1.1.

Hình 15: Cơ cấu doanh thu bán điện của PVPower theo nhà máy

Đơn vị tính: Tỷ đồng



Nguồn: PV Power

6.2.2. Cơ cấu tổng doanh thu**Bảng 11: Cơ cấu tổng doanh thu hợp nhất của PV Power**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2016		2017		6 tháng đầu năm 2018 (đã soát xét)		6 tháng đầu năm 2018 (số liệu tại BCTC 30/9/2018)		01/07/2018 - 30/09/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.212	98,33%	29.710	98,56%	17.822	98,43%	17.828	98,40%	6.961	98,05%
Doanh thu hoạt động tài chính	459	1,60%	414	1,37%	273	1,51%	273	1,50%	133	1,87%
Thu nhập khác	21	0,07%	20	0,07%	11.490	0,06%	17	0,10%	6	0,08%
Tổng cộng	28.692	100%	30.144	100%	18.106	100%	18.118	100%	7.100	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017, BCTC hợp nhất đã soát xét 6 tháng 2018 của PV Power, BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2018 của PV Power.

Bảng 12: Cơ cấu tổng doanh thu của Công ty mẹ PV Power

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Năm Chỉ tiêu	2016		2017		6 tháng đầu năm 2018 (đã soát xét)		6 tháng đầu năm 2018 (đã kiểm toán)		01/07/2018 - 30/09/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.248	95,81%	20.906	96,61%	12.655	91,23%	12.661	91,19%	4.716	99,998%
Doanh thu hoạt động tài chính	786	4,13%	704	3,26%	1.210	8,72%	1.210	8,71%	0,112	0,002%
Thu nhập khác	11	0,06%	29	0,13%	7	0,05%	13	0,10%	0,003	0,000%
Tổng cộng	19.046	100%	21.639	100%	13.873	100%	13.884	100%	4.716	100%

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2016, 2017, BCTC riêng đã soát xét 6 tháng 2018, BCTC riêng đã kiểm toán 6 tháng 2018 (chuyển giao doanh nghiệp), BCTC riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2018 của PV Power.

Trong cơ cấu tổng doanh thu của PV Power hợp nhất và công ty mẹ, doanh thu đến từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ luôn chiếm tỷ trọng lớn, từ 95% - 99% trên tổng doanh thu. Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của PV Power năm 2017 cao hơn năm 2016 hơn 2.658 tỷ đồng (tăng 14,6%). 9 tháng đầu năm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 17.377 tỷ đồng, bằng 83,1% của doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2017. Quý III năm 2019, việc giảm sản lượng điện và giảm doanh thu bán điện của từng nhà máy là nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm của doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong quý III, chỉ bằng 74,5% bình quân của hai quý trước. Việc giảm doanh thu hàng bán và cung cấp dịch vụ vào quý III năm 2018 nằm trong kế hoạch của PV Power do thời gian này là mùa mưa nên giảm huy động điện tại nhà máy nhiệt điện mà ưu tiên phát điện tại các nhà máy thủy điện có chi phí giá thành sản xuất điện thấp.

Doanh thu từ hoạt động tài chính chiếm tỷ trọng nhỏ, từ dưới 1% đến 4% và thu nhập khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Doanh thu hoạt động tài chính hàng năm bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức và lợi nhuận được chia, lãi chuyển nhượng vốn, lãi chênh lệch tỷ giá. Doanh thu hoạt động tài chính 6 tháng đầu năm của Công ty mẹ PV Power đạt 1.210 tỷ đồng là do đóng góp hơn 1.104 tỷ đồng của cổ tức và lợi nhuận được chia từ các công ty con của PV Power bao gồm Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. Khoản cổ tức và lợi nhuận được chia này được PV Power ghi nhận tại ngày Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Nghị quyết Hội đồng quản trị được ban hành.

6.2.2. Lợi nhuận gộp

Bảng 13: Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất của PV Power

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Năm Chi tiêu	2016		2017		6 tháng đầu năm 2018 (đã soát xét)		6 tháng đầu năm 2018 (chuyển đổi)		01/07/2018 - 30/09/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT
Bán điện	3.638	12,89%	4.897	16,48%	2.466	13,84%	2.465	13,82%	977	14,04%
Cung cấp dịch vụ	109	0,39%	12	0,04%	1,28	0,01%	1,28	0,01%	0,03	0,00%
Bán hàng hóa	12	0,04%	13	0,05%	0,81	0,00%	0,81	0,00%	4,3	0,06%
Xây lắp/BDS	23	0,08%	0,169	0,00%	5,36	0,00%	5,79	0,03%	1,6	0,02%
Tổng cộng	3.783	13,41%	4.923	16,57%	2.474	13,88%	2.472	13,87%	983	14,12%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2016, 2017, BCTC hợp nhất đã soát xét 6 tháng 2018 và BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2018 của PV Power.

Bảng 14: Cơ cấu lợi nhuận gộp Công ty mẹ PV Power

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Năm Chi tiêu	2016		2017		6 tháng đầu năm 2018 (đã soát xét)		6 tháng đầu năm 2018 (đã kiểm toán)		01/07/2018 - 30/09/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT
Bán điện	1.817	9,96%	2.775	13,27%	1.498	11,83%	1.496	11,82%	602	12,77%
Cung cấp dịch vụ	19	0,10%	4	0,02%	1	0,01%	1	0,01%	0,1	0,00%
Tổng cộng	1.836	10,06%	2.779	13,30%	1.499	11,84%	1.497	11,83%	602	12,77%

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2016, 2017, BCTC riêng đã soát xét 6 tháng 2018, BCTC riêng đã kiểm toán 6 tháng 2018 (chuyển giao doanh nghiệp), BCTC riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2018 của PV Power.

Năm 2017, lợi nhuận gộp hợp nhất của PV Power là 4.923 tỷ đồng, tăng 30% so với năm 2016 (3.782 tỷ đồng) chủ yếu là do tăng 1.259 tỷ đồng doanh thu bán điện, đây cũng là hoạt động có tỷ suất lợi nhuận gộp cao nhất trong các hoạt động của Tổng công ty.

Lợi nhuận gộp bán điện của toàn Tổng công ty năm 2016 là hơn 3.600 tỷ đồng với tỷ suất lợi nhuận gộp là 12,89%, trong đó lợi nhuận gộp bán điện từ Công ty mẹ là hơn 1.800 tỷ đồng, chiếm 50% tổng lợi nhuận gộp của toàn công ty. Năm 2017, lợi nhuận gộp từ bán điện của Tổng công ty hợp nhất là 4.897 tỷ đồng tăng 34% so với năm 2016 (3.638 tỷ đồng), đồng thời tỷ suất lợi nhuận gộp từ bán điện tăng lên 16,48% so với năm 2016 (12,89%). Nguyên nhân chủ yếu là do tăng doanh thu từ bán điện vì giá vốn hai năm 2016 và 2017 tăng không đáng kể (tăng 358 tỷ đồng).

Lợi nhuận gộp 6 tháng đầu năm 2018 của toàn Tổng công ty đạt 2.473 tỷ đồng với tỷ suất lợi nhuận gộp cao (13,87%), trong đó 99,68% là lợi nhuận gộp từ bán điện. Quý III/2018, lợi nhuận gộp hợp nhất của PV Power đạt 983 tỷ đồng, lợi nhuận gộp của riêng Tổng công ty là hơn 602 tỷ đồng.

6.3. Nguyên vật liệu

Chi phí nguyên vật liệu chiếm khoảng 70%-77% chi phí giá vốn hàng bán và 62%-72% tổng chi phí hàng năm của Công ty.

Bảng 15: Chi phí nguyên vật liệu hợp nhất của PV Power

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	6 tháng đầu năm 2018 (đã soát xét)	6 tháng đầu năm 2018 (chuyển đổi)	01/07/2018 - 30/09/2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.173	17.171	11.449	11.439	4.296,354
Giá vốn hàng bán	24.429	24.787	15.349	15.355	5.978
Tỷ lệ chi phí nguyên vật liệu/giá vốn hàng bán	74,39%	69,27%	74,59%	74,50%	71,86%
Tổng chi phí	27.011	27.433	16.669	16.534	6.917
Tỷ lệ chi phí nguyên vật liệu/tổng chi phí	67,28%	62,59%	68,68%	69,19%	62,11%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017, BCTC hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2018 và BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2018 của PV Power.

Bảng 16: Chi phí nguyên vật liệu Công ty mẹ PV Power

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	6 tháng đầu năm 2018 (đã soát xét)	6 tháng đầu năm 2018 (đã kiểm toán)	01/07/2018 - 30/09/2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.649	13.104	8.668	8.659	3.089
Giá vốn hàng bán	16.412	18.126	11.157	11.164	4.114

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	6 tháng đầu năm 2018 (đã soát xét)	6 tháng đầu năm 2018 (đã kiểm toán)	01/07/2018 - 30/09/2018
Tỷ lệ chi phí nguyên vật liệu/giá vốn hàng bán	70,98%	72,29%	77,69%	77,56%	75,09%
Tổng chi phí	18.012	19.582	11.988	11.853	4.783
Tỷ lệ chi phí nguyên vật liệu/tổng chi phí	64,67%	66,92%	72,32%	73,05%	64,58%

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2016, 2017, BCTC riêng đã soát xét 6 tháng đầu năm 2018 và BCTC riêng đã kiểm toán 6 tháng 2018 (chuyển giao doanh nghiệp) của PV Power, BCTC riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2018 của PV Power.

▪ Nguồn nguyên nhiên vật liệu

Nhiên liệu chính dùng trong sản xuất điện của PV Power là khí và than được dùng trong sản xuất điện của các nhà máy nhiệt điện. Các nhà máy thủy điện sử dụng dòng chảy của nước chạy qua turbin để phát điện nên không phát sinh nhu cầu lớn về nguyên nhiên vật liệu.

Về nhiên liệu khí

Nhiên liệu chính cho các nhà máy điện khí của PV Power, bao gồm Nhà máy điện Cà Mau 1 & 2, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 là khí thiên nhiên, được cung cấp bởi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP (PV Gas) thông qua hệ thống đường ống dẫn khí từ mỏ khí ngoài biển đến nhà máy chế biến khí trước khi đến trực tiếp nhà máy điện. Nguồn khí chủ yếu được lấy từ mỏ PM3 CAA cho Nhà máy điện Cà Mau 1 & 2, từ lô 06.1 và 11.2, mỏ Hải Thạch Mộc Tinh, mỏ Thiên Ưng, mỏ Đại Hùng cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 & 2.

Về nguyên liệu than

Than cho nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 tiêu thụ khoảng 2,7 triệu tấn/năm +/-10%, loại than cám 5a theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8910:2015 được lấy từ các mỏ tại tỉnh Quảng Ninh, vận chuyển tới đa bằng đường biển đến cảng nhập than của nhà máy. Ngoài ra than còn có thể được vận chuyển bằng đường bộ. Từ khi vận hành nhà máy cho đến nay, Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng Sản Việt Nam là đơn vị được giao nhiệm vụ cấp than cho nhà máy điện Vũng Áng 1.

Về nguyên liệu dầu

Đối với Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1: từ cuối năm 2018, nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 đã chuyển đổi nhiên liệu từ dầu HFO sang dầu DO để đáp ứng các yêu cầu, quy định về môi trường. Hàng năm, theo dự kiến thì Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 tiêu thụ khoảng 14.000 tấn dầu DO.

Đối với nhiệt điện khí Cà Mau 1&2 và Nhơn Trạch 1: trong trường hợp nguồn cung cấp khí bị gián đoạn và có yêu cầu huy động từ EVN, dầu Diesel sẽ được sử dụng làm nhiên liệu thay thế.

▪ Sự ổn định của nguyên nhiên liệu

Về nhiên liệu khí

Thời gian vừa qua, do hạ tầng khai thác, vận chuyển khí đã đi vào vận hành trong nhiều năm nên hay xảy ra hỏng hóc, sự cố, đặc biệt là hệ thống cấp khí cho nhà máy điện Cà Mau. Dự kiến từ năm 2020, khí sẽ được nhập khẩu từ Malaysia qua hệ thống đường ống hiện hữu để bổ sung nguồn khí thiếu hụt ở Tây Nam Bộ. Từ đó sẽ làm tăng sự ổn định của nguồn nhiên liệu khí để sản xuất điện của các nhà máy điện khí.

Về nguyên liệu than

Việt Nam là đất nước có nguồn nguyên liệu than dồi dào, đây là yếu tố thuận lợi cho việc ổn định sản xuất của nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1. PV Power có công ty con là CTCP Nhập khẩu và Phân phối Than Điện lực Dầu khí - PV Power Coal được giao nhiệm vụ đảm bảo nguồn than cung cấp cho các NMTĐ than của PetroVietnam và PV Power. Trong thời gian qua, PV Power và PV Power Coal đã ký nhiều thỏa thuận hợp tác với các đối tác là chủ mỏ và công ty thương mại than lớn trên thế giới để đảm bảo nguồn than cho các NMTĐ của PetroVietnam và PV Power trong tương lai.

Về nguyên liệu dầu

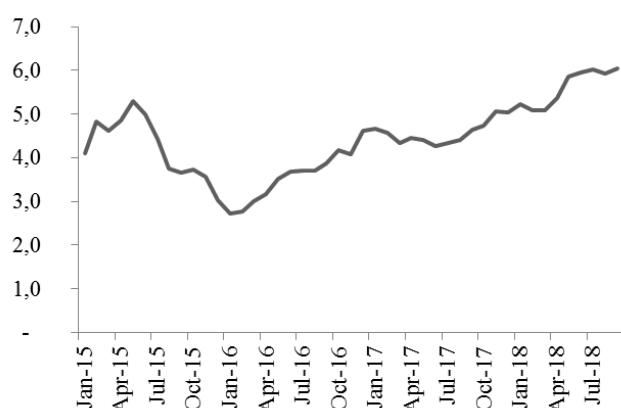
Dầu là nhiên liệu được sử dụng khi khởi động nhà máy hoặc khi nhà máy hoạt động ở tải thấp (dưới 30% chỉ đốt dầu, từ 30-60% thì đốt kèm than, dầu). Với nhu cầu 14.000 tấn dầu DO/năm, thì nguồn dầu trong nước đủ đáp ứng để sản xuất kinh doanh của Vũng Áng 1 được ổn định.

▪ Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận của PV Power

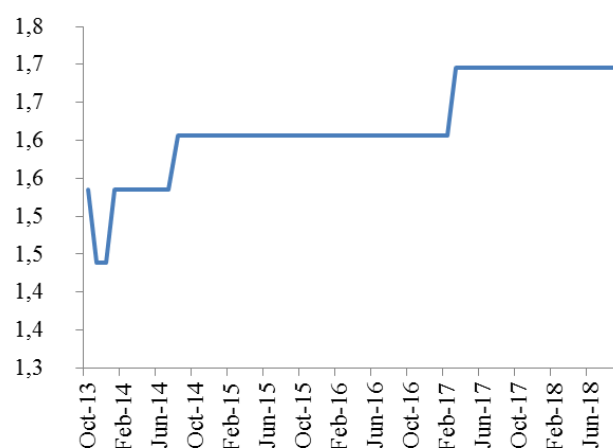
Do nguyên nhiên liệu chiếm tỷ trọng lớn, trên dưới 70% của cơ cấu giá thành, nên giá cả nguyên nhiên liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu, chi phí và lợi nhuận của PV Power. Nguồn nguyên nhiên vật liệu của PV Power chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố trong đó có sự biến động giá dầu trong và ngoài nước, chính sách giá than của cơ quan quản lý nhà nước, biến động của tỷ giá ngoại tệ và ảnh hưởng của thiên tai (bão lụt, hạn hán, cháy rừng...).

Để hạn chế sự ảnh hưởng của biến động giá cả nguyên nhiên liệu tới hoạt động sản xuất kinh doanh, PV Power đã chủ động các nguồn nguyên nhiên liệu khác nhau, có kế hoạch sử dụng, tồn kho nguyên nhiên liệu hợp lý dựa trên dự báo cung cầu và giá cả của nguyên nhiên liệu trên thị trường. Ngoài ra, PV Power thiết lập và duy trì các hợp đồng các mối quan hệ chiến lược, hợp tác lâu dài với các nhà cung cấp nhằm đảm bảo sự ổn định nguyên nhiên liệu, ổn định sản suất kinh doanh của Tổng công ty.

Hình 16: Biến động giá của khí của PV Power



Hình 17: Biến động giá của than của PV Power



Nguồn: PV Power

6.4. Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh của PV Power bao gồm: (i) chi phí giá vốn hàng bán (ii) chi phí tài chính (iii) chi phí bán hàng (iv) chi phí quản lý doanh nghiệp và (v) chi phí khác. Cơ cấu chi phí hoạt động của PV Power trong giai đoạn trước cổ phần hóa được thể hiện chi tiết trong bảng dưới đây:

Bảng 17: Cơ cấu chi phí SXKD của PV Power hợp nhất

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2016		2017		6 tháng đầu năm 2018 (đã soát xét)		6 tháng đầu năm 2018 (chuyển đổi)		01/07/2018 - 30/09/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
Chi phí giá vốn hàng bán	24.429	86,59%	24.787	83,43%	15.349	86,12%	15.355	86,13%	5.978	85,88%
Chi phí tài chính	1.798	6,37%	1.806	6,08%	893	5,01%	749	4,20%	796	11,43%
Chi phí bán hàng	17	0,06%	16	0,05%	9	0,05%	9	0,05%	4	0,06%
Chi phí QLDN	739	2,62%	799	2,69%	413	2,32%	415	2,33%	137	1,97%
Chi phí khác	27	0,10%	24	0,08%	5	0,03%	5	0,03%	3	0,04%
Tổng cộng	27.011	95,74%	27.433	92,33%	16.669	93,53%	16.534	92,74%	6.917	99,36%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017, BCTC hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2018 và BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2018 của PV Power.

Bảng 18: Cơ cấu chi phí SXKD của Công ty mẹ PV Power

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2016		2017		6 tháng đầu năm 2018 (đã soát xét)		6 tháng đầu năm 2018 (đã kiểm toán)		01/07/2018 - 30/09/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
Chi phí giá vốn hàng bán	16.412	89,94%	18.126	86,70%	11.157	88,16%	11.164	88,17%	4.114	87,23%
Chi phí tài chính	1.136	6,23%	946	4,52%	571	4,51%	426	3,37%	575	12,20%
Chi phí bán hàng	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
Chi phí QLDN	446	2,44%	505	2,42%	257	2,02%	259	2,05%	92	1,95%
Chi phí khác	18	0,10%	5	0,02%	4	0,03%	4	0,03%	2	0,05%
Tổng cộng	18.016	98,71%	19.582	93,66%	11.988	94,73%	11.853	93,62%	4.783	101,43%

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2016, 2017, BCTC riêng đã soát xét 6 tháng 2018, BCTC riêng đã kiểm toán 6 tháng 2018 (chuyển giao doanh nghiệp) của PV Power, BCTC riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2018 của PV Power.

Chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí của Tổng công ty (trên 80% tổng chi phí hợp nhất của PV Power), tiếp theo là chi phí tài chính (chiếm tỷ trọng từ 5%-6% trong tổng chi phí hợp nhất), các chi phí còn lại chiếm tỷ trọng nhỏ. Chi phí tài chính hàng năm của PV Power đạt vào khoảng trên dưới 1.000 tỷ đồng do Tổng công ty sử dụng vốn vay lớn từ các ngân hàng để tài trợ dự án. Một nét đặc thù của công ty sản xuất điện là nguồn điện sản xuất được đấu nối trực tiếp với hệ thống truyền tải điện quốc gia do vậy PV Power không mất chi phí bán hàng so với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thông thường. Chi phí quản lý doanh nghiệp hàng năm vào khoảng trên dưới 500 tỷ đồng một năm phù hợp đối với một doanh nghiệp như PV Power có đội ngũ chuyên gia, công nhân lành nghề kỹ thuật cao. Các chi phí sản xuất kinh doanh của PV Power trong những năm vừa qua hợp lý và cạnh tranh so sánh với các công ty cùng ngành nghề sản xuất điện.

Bảng 19: Cơ cấu chi phí SXKD theo yếu tố của PV Power hợp nhất

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2016		2017		6 tháng đầu năm 2018 (đã soát xét)		6 tháng đầu năm 2018 (chuyển đổi)		01/07/2018 - 30/09/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.171	60,86%	18.173	61,17%	11.449	64,24%	11.439	64,17%	4.296	61,72%
Chi phí nhân công	683	2,42%	785	2,64%	430	2,42%	463	2,60%	178	2,55%
Chi phí khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	4.316	15,30%	4.316	14,53%	2.011	11,28%	2.011	11,28%	954	13,70%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.712	6,07%	1.078	3,63%	1.209	6,78%				
Chi phí khác bằng tiền	279	0,99%	383	1,29%	189	1,06%	1.384	7,76%	511	7,34%
Tổng cộng	24.162	85,64%	24.735	83,26%	15.288	85,78%	15.298	85,81%	5.939	85,32%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất đã soát xét 6 tháng 2018 của PV Power, BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2018 của PV Power.

Bảng 20: Cơ cấu chi phí SXKD theo yếu tố của Công ty mẹ PV Power

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2016		2017		6 tháng đầu năm 2018 (đã soát xét)		6 tháng đầu năm 2018 (đã kiểm toán)		01/07/2018 - 30/09/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.649	63,84%	13.104	62,68%	8.668	68,49%	8.659	68,39%	3.089	65,50%
Chi phí nhân công	400	2,19%	448	2,14%	272	2,15%	305	2,41%	749	1,58%
Chi phí khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	3.136	17,19%	3.131	14,98%	1.421	11,23%	1.421	11,22%	655	13,90%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.419	7,78%	1.751	8,37%	982	7,76%	983	7,76%	360	7,65%

Chi phí khác bằng tiền	208	1,14%	197	0,94%	72	0,57%	58	0,46%	27	0,57%
Tổng cộng	16.812	92,13%	18.632	89,12%	11.415	90,20%	11.425	90,24%	4.206	89,19%

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2016, 2017, BCTC riêng đã soát xét 6 tháng 2018, BCTC riêng đã kiểm toán 6 tháng 2018 (chuyển giao doanh nghiệp) của PV Power, BCTC riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2018 của PV Power.

Trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh của PV Power, chi phí nguyên nhiên liệu luôn chiếm tỷ trọng cao từ 60% - 70% doanh thu thuần. Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư chiếm tỷ trọng lớn thứ 2 với 11% - 17% doanh thu thuần. Chi phí khấu hao của PV Power hàng năm vào khoảng trên 3.000 tỷ đồng là do đặc thù của ngành sản xuất điện luôn phải đầu tư tài sản cố định và bất động sản có giá trị lớn. Chi phí dịch vụ mua ngoài bao gồm các chi phí thuê các đơn vị cung cấp dịch vụ cho việc quản lý doanh nghiệp của PV Power. Chi phí nhân công và chi phí khác bằng tiền chiếm tỷ trọng nhỏ, dưới 2,2% doanh thu thuần.

6.5.Trình độ công nghệ

PV Power thực hiện tốt việc đa dạng hóa nguồn điện với các nhà máy điện tuabin khí chu trình hỗn hợp, nhiệt điện than, thủy điện. Đầu năm 2015, Tổng công ty đã tiếp nhận quản lý và vận hành Nhà máy Nhiệt điện than Vũng Áng 1 (công suất 2x600 MW) với công nghệ hiện đại, có công suất tổ máy lớn nhất Việt Nam hiện nay.

Tất cả các nhà máy điện PV Power đang quản lý vận hành đều sử dụng thiết bị, công nghệ tiên tiến, hiện đại nhất vào thời điểm lắp đặt, thân thiện với môi trường, cụ thể:

STT	Tên nhà máy điện	Nhiên liệu sử dụng	Công suất (MW)	Loại hình công nghệ
1	Cà Mau 1	Khí	750	Tua bin khí chu trình hỗn hợp
2	Cà Mau 2	Khí	750	Tua bin khí chu trình hỗn hợp
3	Nhon Trạch 1	Khí	450	Tua bin khí chu trình hỗn hợp
4	Nhon Trạch 2	Khí	750	Tua bin khí chu trình hỗn hợp
5	Vũng Áng 1	Than	1200	Nhiệt điện than phun thông số cận tới hạn
6	Hòa Na	Nước	180	Tua bin thủy lực Francis cột nước trung bình, trực đứng
7	Đakđrinh	Nước	120	Tua bin thủy lực Francis cột nước cao, trực đứng
8	Nậm Cắt	Nước	3.2	Tua bin thủy lực Francis cột nước thấp, trực ngang

Là đơn vị đi đầu trong cả nước về lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật điện, lực lượng cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật vận hành và sửa chữa bảo dưỡng nhà máy điện đang từng bước trưởng thành, làm chủ công nghệ, vận hành hiệu quả thiết bị máy móc hiện đại, dần dần thay thế nhà thầu nước

ngoài trong sửa chữa bảo dưỡng định kỳ và đã chủ động đảm đương thực hiện tốt công tác sửa chữa thường xuyên cho các nhà máy điện của PV Power.

6.6. Công tác Nghiên cứu phát triển, ứng dụng tiên bộ Khoa học – Công nghệ, Đào tạo phát triển nguồn nhân lực

a) Trình độ công nghệ và nghiên cứu, ứng dụng tiên bộ khoa học – công nghệ

Trong các năm qua, PV Power đã có nhiều hoạt động về nghiên cứu và ứng dụng Khoa học-Công nghệ, bao gồm: Liên kết, hợp tác với các Hội, đơn vị chuyên ngành điện như Hội Điện lực, Hội Năng lượng, Viện Dầu khí; Biên soạn các quy trình, quy chuẩn, trao đổi, học hỏi nâng cao khả năng trong công tác cố vấn, phản biện và thực hiện nghiên cứu khoa học; Ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện về Khoa học công nghệ với Viện Dầu khí Việt Nam, Hội Điện lực Việt Nam; Phối hợp với các đơn vị chuyên ngành điện tổ chức các Hội nghị, hội thảo chuyên ngành nhằm chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm.

Công tác nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật (gọi chung là KHCN, SK) đã luôn được Tổng công ty quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Đồng thời, PV Power cũng có các chỉ thị kêu gọi phát huy sáng kiến, áp dụng nghiên cứu khoa học vào thực tiễn sản xuất kinh doanh. Do đó, hầu hết người sử dụng lao động và người lao động trong toàn Tổng công ty đã nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác KHCN, SK trong tổng thể tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ được thực hiện và quản lý hợp lý, hiệu quả.

Bộ máy quản lý công tác KHCN, SK được tổ chức theo hệ thống thống nhất từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên. Đã thành lập Hội đồng Khoa học Công nghệ và Hội đồng Sáng kiến các cấp với vai trò, nhiệm vụ cụ thể tương ứng từng cấp.

Trong công tác KHCN, PV Power đã tự thực hiện cũng như phối hợp với các đơn vị trong/ngoài ngành để thực hiện và phản biện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học. Một số đề tài nghiên cứu khoa học có ý nghĩa trực tiếp phục vụ công việc hiện tại như:

- Nghiên cứu mô hình đào tạo lực lượng quản lý kỹ thuật, vận hành các nhà máy nhiệt điện than của Tổng công ty.
- Xây dựng quy tắc chuẩn hóa mã cơ sở dữ liệu thông tin kỹ thuật vật tư nhà máy điện.
- Tính toán kiểm tra khả năng giải tỏa công suất của Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng giai đoạn 2015-2016.

Tập trung cho công tác tiếp nhận và quản lý vận hành, PV Power đã nghiên cứu các giải pháp công nghệ nhằm nâng cao hiệu năng sản xuất của các nhà máy như: Giám sát độ rung máy phát; Giám sát vận hành từ xa; Công nghệ phun sương nâng công suất; Sử dụng lọc HEPA thay cho lọc lọc F7; Nghiên cứu và thực hiện thay mới vật tư đường khí nóng loại mới MXL 2 cho nhà máy điện Nhơn Trạch 1 nhằm đạt mục tiêu tăng hiệu suất dẫn đến việc sử dụng nhiên liệu ít hơn, giảm lượng khí thải CO₂, tăng hiệu suất tuabin và tăng đời sống nhà máy; Áp dụng triệt để các giải pháp kỹ thuật hiện đại, xây dựng quy trình tin cậy đối với công tác O&M các Nhà máy điện;

Làm chủ hoàn toàn công tác vận hành và một phần công tác sửa chữa các Nhà máy điện tuabin khí chu trình hỗn hợp.

Đến nay, PV Power đã có hàng trăm sáng kiến cấp cơ sở và 84 sáng kiến cấp Tổng công ty, đóng góp một phần không nhỏ trong việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, cũng như trong công cuộc thúc đẩy phong trào lao động sáng tạo, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh. Nổi bật trong đó là sáng kiến “Hệ thống chống tạo bọt trước bơm làm mát”. Một số sáng kiến có số tiền làm lợi lên đến 20 tỷ đồng như:

- Sáng kiến “Vệ sinh vòi đốt tuabin khí V94.3A bằng sóng siêu âm kết hợp với hóa chất” của tập thể cán bộ Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau.
- Sáng kiến tận dụng điều kiện địa chất tối đa “Bỏ bê tông áo hầm dẫn dòng thi công” của tập thể cán bộ Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na.

Bên cạnh đó, PV Power cũng triển khai các thành tựu mới nhất của công nghệ thông tin vào quản lý, giám sát vận hành, sửa chữa để giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công tác:

- Nâng cấp hệ thống Điều khiển phân tán (DCS) cho nhà máy nhiệt điện Cà Mau 1
- Phần mềm quản lý nhân sự cho toàn bộ Công ty mẹ - Tổng công ty (bao gồm các Chi nhánh) để phục vụ hiệu quả cho công tác quản trị nguồn nhân sự của Tổng Công ty: phân tích, thống kê chính xác, kịp thời về chế độ chính sách, lương, thưởng, trình độ nhân sự để ra quyết định thực hiện các chính sách nhân sự và xây dựng được bản đồ nhân lực, chuyên gia kỹ thuật cao trong Tổng Công ty.
- Tăng cường khai thác, áp dụng phần mềm quản trị tài chính kế toán (SAP) để quản lý hiệu quả nguồn lực tài chính: dự báo phải thu phải chi chính xác, quản lý hiệu quả dòng tiền, phân tích quản trị chi phí sản xuất, hợp nhất kịp thời, chính xác số liệu báo cáo tài chính từ các đơn vị, quản lý cập nhật tình hình thu/chi ngân sách.
- Triển khai kết nối, tích hợp các phần mềm liên quan quản trị nguồn lực doanh nghiệp vào hệ thống quản trị chung các nguồn lực (ERP) để hỗ trợ đắc lực cho công tác điều hành, quản trị tổng hợp cả hệ thống sản xuất của Tổng công ty bao gồm nhân lực, tài chính, tài sản, cung ứng nguyên nhiên liệu vật tư và tối ưu sản xuất, tham gia thị trường điện cạnh tranh.
- Triển khai trang bị các công cụ, giải pháp phần mềm hỗ trợ cho công tác dự báo thị trường, tính toán tối ưu chào giá cho các nhà máy điện PV Power tham gia thị trường điện Bán buôn cạnh tranh.

Triển khai chương trình đảm bảo an ninh mạng, an toàn thông tin đối phó với tình hình tội phạm mạng để đảm bảo an toàn cho hệ thống công nghệ thông tin quản lý của Tổng Công ty và vận hành tại các nhà máy điện.

b) Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

PV Power tập trung triển khai các chương trình đào tạo Thạc sỹ chuyên ngành quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh; đào tạo chuyên sâu định hướng phát triển chuyên gia O&M Nhà máy điện; đào tạo chuyên sâu lĩnh vực nhập khẩu, xây dựng và quản trị chuỗi cung ứng than; các chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản lý, kỹ năng công tác, tiếng Anh và các chương trình đào tạo kỹ thuật, bồi dưỡng thường xuyên chuyên môn cho các cán bộ nghiệp vụ tại Tổng Công ty theo yêu cầu tiêu chuẩn chức danh công việc. Kết quả từ năm 2017 đến tháng 6/2018 đã triển khai đào tạo với tổng số 5.117 lượt người với tổng số kinh phí đạt 15.360 tỷ đồng.

Kế hoạch năm 2019: Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại TCT, tập trung vào triển khai các chương trình đào tạo sau đại học; các chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản lý, kỹ năng công tác, tiếng Anh và các chương trình đào tạo kỹ thuật, bồi dưỡng thường xuyên chuyên môn cho các cán bộ nghiệp vụ tại Tổng công ty.

Công tác tuyển dụng và đào tạo nhân lực vận hành cho các dự án Nhà máy điện đáp ứng được yêu cầu công việc góp phần vào việc tiếp nhận và quản lý vận hành các Nhà máy điện đảm bảo an toàn, hiệu quả. Từ năm 2012 đến năm 2017, PV Power đã tổ chức triển khai tuyển dụng và đào tạo nhân lực vận hành, bảo dưỡng cho các dự án Nhà máy điện do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/ Tổng công ty/ Đơn vị thành viên của Tổng công ty làm chủ đầu tư với tổng số 832 cán bộ công nhân viên.

Công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các nhà máy điện được lãnh đạo PV Power luôn quan tâm và chỉ đạo sát sao nhằm tạo đội ngũ nhân lực có chất lượng có thể sử dụng kế thừa tại các dự án do PV Power quản lý vận hành. PV Power điều động cán bộ kỹ thuật nòng cốt tại các Nhà máy điện Cà Mau và Nhơn Trạch 1 để làm nòng cốt trong công tác đào tạo và quản lý vận hành Nhà máy điện tại Nhơn Trạch 2, Vũng Áng 1...

Công tác đào tạo chuyên sâu định hướng phát triển chuyên gia: Đã xây dựng và triển khai Đề án đào tạo chuyên sâu tiến tới công nhận chuyên gia lĩnh vực vận hành bảo dưỡng Nhà máy điện cho 50 cán bộ kỹ thuật nòng cốt; Đề án đào tạo chuyên sâu lĩnh vực nhập khẩu, xây dựng và quản lý chuỗi cung ứng than với số lượng 27 cán bộ.

6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

a) Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Hiện tại PV Power đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, dịch vụ theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 do tập đoàn BSI cấp chứng nhận.

b) Bộ phận kiểm tra chất lượng của Tổng công ty

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 hiện nay đang được áp dụng, quản lý và duy trì như sau:

- Ban chỉ đạo ISO thực hiện xây dựng, duy trì và phát triển Hệ thống.
- Tổng công ty tổ chức đánh giá nội bộ định kỳ 2 lần/năm; Đơn vị cấp chứng nhận tổ chức đánh giá giám sát 1 lần/năm để đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng và nhằm phát hiện

những điểm chưa phù hợp (nếu có) để khắc phục, cải tiến Hệ thống cho phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

6.8. Hoạt động marketing

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh từng năm, Tổng công ty luôn có kế hoạch truyền thông, tổ chức các sự kiện phù hợp với mục tiêu phát triển. Ngoài ra Tổng công ty cũng triển khai công tác an sinh xã hội hàng năm góp phần khẳng định trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng. Tầm nhìn trở thành Tổng công ty sản xuất điện năng hàng đầu Việt Nam và trong khu vực. Hướng tới sản xuất nguồn điện chất lượng cao, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường. Phát triển trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, phù hợp với chủ trương của Chính phủ và xu thế của thế giới.

6.9. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền



Hiện tại, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đang sở hữu và khai thác bản quyền, nhãn hiệu hàng hóa đã đăng ký tại Cục sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ và ủy quyền cho PV Power sử dụng: chữ PETROVIETNAM, hình ngọn lửa và chữ POWER.

6.10. Danh mục các hợp đồng lớn đang được thực hiện

Tình hình ký kết các Hợp đồng mua bán điện (PPA) như sau:

6.10.1. Hợp đồng mua bán điện

- Hợp đồng mua bán điện Nhà máy nhiệt điện Cà Mau 1 và Nhà máy nhiệt điện Cà Mau 2 số 01/ĐLDKCM-EVN-2008 ký ngày 08/01/2008 giữa Tập đoàn Điện lực Việt nam và Công ty TNHH MTV Điện lực Dầu khí Cà Mau. Thời hạn: 20 năm kể từ ngày vận hành kinh doanh. Một phần sản lượng điện (khoảng 20MW) của Nhà máy điện Cà Mau 2 được dành để bán cho Nhà máy Đạm Cà Mau.
- Hợp đồng mua bán điện nhà máy Nhơn Trạch 1 Số 07/2012/ HĐ-NMĐ-NT1, ký ngày 09/7/2012. Hiệu lực từ ngày 01/5/2012 đến (i) ngày kết thúc hoạt động của Thị trường phát điện cạnh tranh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc (ii) 10 năm kể từ ngày vận hành thương mại của nhà máy.
- Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Điện Vũng Áng 1 số 02/2016/HĐ-NMĐ-VA1, ký ngày 17/8/2016. Hợp đồng có hiệu lực từ 0h00 ngày 01/01/2016 đến (i) ngày kết thúc hoạt động của Thị trường phát điện cạnh tranh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc (ii) 10 năm kể từ ngày vận hành thương mại của nhà máy.

Lưu ý: Đối với các hợp đồng mua bán điện, theo Thông tư 13/2017/TT-BCT ngày 03/08/2017 của Bộ Công thương về sửa đổi Thông tư 56/2014/TT-BCT quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện; Thông tư 30/2014/TT-

BCT quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh và Thông tư 57/2014/TT-BCT quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện, thời hạn hợp đồng quy định là 20 năm theo đó các bên sẽ gia hạn hợp đồng trước khi thời hạn này kết thúc thời hạn.

6.10.2. Hợp đồng bảo dưỡng, sửa chữa

- Hợp đồng số 0811-O&M-CM-008/ĐLDKCM-PVPS ngày 28/11/2008 giữa Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam với Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam về "Công tác bảo trì, sửa chữa Nhà máy điện Cà Mau 1&2 trong giai đoạn 100.000 EOH đầu tiên" với Giá trị hợp đồng tạm tính là 1.417.723,08 EUR và 542.988.937.292 VNĐ. Thời gian bắt đầu thực hiện Hợp Đồng được tính từ : Nhà máy điện Cà Mau 1 bắt đầu từ 8.000 EOH trở đi, Nhà máy điện Cà Mau 2 bắt đầu từ lần đốt lửa đầu tiên. Riêng công tác sửa chữa thường xuyên sẽ được tính từ 01/05/2008. Thời hạn của Hợp Đồng sẽ kết thúc khi mỗi tua bin khí đạt được một trong các điều kiện sau tùy theo điều kiện nào đến trước:

(i) Khi một trong hai điều kiện sau tùy thuộc điều kiện nào đến trước:

- a. Khi mỗi Tua bin khí đạt 100.000 giờ vận hành tương đương tính từ lần đốt lửa đầu tiên, hoặc
- b. Hoàn thành lần sửa chữa định kỳ thứ mười hai (12) cho mỗi tua bin khí

(ii) Mười sáu (16) năm kể từ ngày Hợp Đồng được ký kết.

Riêng công tác sửa chữa thường xuyên sẽ kết thúc sau 12,25 năm (tương đương 49 quý hay 147 tháng) kể từ ngày 01/5/2008.

- HĐ số 38/PVP-PVPS/2010/LTMA-NT1 ký ngày 04/8/2010 giữa Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power Services) về việc bảo trì, sửa chữa dài hạn Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 trong 108.000 EOH đầu tiên với giá trị: 126.615.071,07 Euro và 558.874.712.609 VNĐ.

Trong năm 2017 có phát sinh:

- Phụ lục số 38 của Hợp đồng số 38/PVP-PVPS/2010/LTMA-NT1 chuyển đổi vật tư đường khí nóng từ thế hệ MXL sang MXL2 với giá trị là 35.899.628,43 Euro và 468.614.802 VNĐ
- Biên bản thỏa thuận ngày 25/12/2017 với Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam về việc cung cấp Bearing #4 với giá trị tạm tính là 23.381,89 Euro .
- Biên bản thỏa thuận ngày 06/12/2017 về việc xử lý bất thường tầng cánh động LP ST18 trong quá trình thực hiện đại tu lần 2 NMT Nhơn Trạch 1 năm 2017 với giá trị tạm tính là 5.839.615.083 VNĐ.
- Biên bản thỏa thuận ngày 18/10/2017 với Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam về việc cung cấp dịch vụ kiểm tra, phục hồi các tầng cánh động/tĩnh và VIGV của cánh máy nén gió GT11, GT12 trong kỳ đại tu lần 2 NMT Nhơn Trạch 1.
- Biên bản thỏa thuận ngày 16/10/2017 với Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu

khí Việt Nam về cung cấp chuyên gia giám sát kỹ thuật phục vụ công tác đại tu lần 2 tổ máy GT11, GT12 và Hp/IP ST18 NMD Nhơn Trạch 1 năm 2017 với giá trị dự kiến là 108.197.365.724 VNĐ

- Biên bản thỏa thuận ngày 16/10/2017 với Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam về cung cấp công cụ dụng cụ chuyên dụng phục vụ công tác đại tu lần 2 tổ máy GT11, GT12 NMD Nhơn Trạch 1 năm 2017 với giá trị dự kiến là 8.122.689.483 VNĐ.

Trong năm 2018 có phát sinh phần công việc khắc phục bất thường tuabin hơi hạ áp với các hợp đồng lớn sau:

- Hợp đồng số A18072220001 rev2 ngày 13/9/2018 ký với EUGEN ARNOLD PTE LTD về dịch vụ khắc phục bất thường tuabin hơi hạ áp với giá trị hợp đồng là 648.000 USD
- Biên bản thỏa thuận ngày 06/3/2018 với Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam về việc cung cấp Vật tư hoàn trả Genco 3 và dự phòng thay thế với giá trị tạm tính là 202.388,85 Euro.
- Biên bản thỏa thuận ngày 08/3/2018 với Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam về việc cung cấp cánh động LP ST18 với giá trị tạm tính là 304.028,40 Euro.
- HĐ số 21/HĐ/PVPOWER-PVPS ngày 08/9/2015 về việc Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 năm 2015 giữa Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power) và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power Services) với giá trị 165.154.251.561 VNĐ, thời gian thực hiện hợp đồng từ 01/01/2015 -31/12/2015.
- HĐMR số 01 của HĐ 21 ký ngày 31/3/2016 giữa PV Power và PV Power Services về việc “Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy điện Vũng Áng 1 năm 2016” với giá trị 89.848.242.373 đồng, thời gian thực hiện 01/01/2015 – 31/12/2016.
- HĐMR số 02 của HĐ 21 ký ngày 24/7/2017 về việc Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 năm 2017 giữa Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam với giá trị 89.848.242.373 VNĐ, thời gian thực hiện 01/01/2017 đến 31/12/2017.
- HĐMR số 03 của HĐ 21 ký ngày 20/7/2018 giữa Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam về việc Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 năm 2018 với giá trị 75.955.791.551 VNĐ thời gian thực hiện 01/01/2018 đến 31/12/2018.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1.Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong hai (02) năm gần nhất và quý gần nhất

Bảng 21: Tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất PV Power

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/giảm	6 tháng đầu năm 2018 (đã soát xét)	6 tháng đầu năm 2018 (số liệu tại BCTC 30/9/2018)	01/07/2018 - 30/09/2018
1	Tổng giá trị tài sản	69.732	60.583	-13,1%	64.221	64.264	61.401
2	Vốn chủ sở hữu	26.797	27.724	3,5%	27.224	26.252	26.551
3	Doanh thu thuần	28.212	29.710	5,3%	17.822	17.828	6.961
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.702	2.737	60,9%	1.440	1.580	188
5	Lợi nhuận khác	(6)	(4)	-34,8%	7	12	3
6	Lợi nhuận trước thuế	1.696	2.734	61,2%	1.447	1.592	192
7	% LNTT/DTT	6,0%	9,2%	53,1%	8,1%	8,9%	
8	Lợi nhuận sau thuế	1.517	2.602	71,5%	1.325	1.468	184
9	% LNST/DTT	5,4%	8,8%	62,8%	7,4%	8,2%	
10	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%		0%	0%	0%
11	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	5,66%	9,38%	65,7%	4,87%	5,59%	

Nguồn: PV Power

Bảng 22: Tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ PV Power

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/giảm	6 tháng đầu năm 2018 (đã soát xét)	6 tháng đầu năm 2018 (đã kiểm toán)	01/07/2018 - 30/09/2018
1	Tổng giá trị tài sản	48.590	42.788	-11,9%	47.359	47.595	45.730
2	Nợ phải trả	25.849	19.430	-24,8%	23.246	24.262	22.230
3	Vốn chủ sở hữu	22.741	23.358	2,7%	24.114	23.333	23.500
4	Doanh thu thuần	18.248	20.906	14,6%	12.655	12.660	4.716
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.041	2.033	95,3%	1.881	2.021	47
6	Lợi nhuận khác	(6,55)	25	-	4	9	1

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/ giảm	6 tháng đầu năm 2018 (đã soát xét)	6 tháng đầu năm 2018 (đã kiểm toán)	01/07/2018 - 30/09/2018
7	Lợi nhuận trước thuế	1.034	2.057	98,9%	1.885	2.031	48
8	% LNNT/DTT	5,7%	9,8%	73,6%	14,9%	16,04%	
9	Lợi nhuận sau thuế	939	1.969	109,7%	1.786	1.931	43
10	% LNST/DTT	5,1%	9,4%	83,0%	14,1%	15,25%	
11	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	-	0%	0%	
12	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	4,13%	8,43%	104,2%	7,41%	8,28%	

Nguồn: PV Power

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của PV Power là sản xuất và kinh doanh điện. Hoạt động kinh doanh này có đặc điểm là tài sản chỉ tăng trưởng mạnh trong các năm PV Power thực hiện đầu tư lớn, ngoài các năm đó, tài sản thường giảm đi do giảm khấu hao tài sản cố định và trả nợ gốc vay. Năm 2017, tổng tài sản hợp nhất của PV Power giảm 13,1% từ 69,7 nghìn tỷ đồng còn 60,6 nghìn tỷ đồng chủ yếu là do khấu hao tài sản cố định và giảm các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn. Tổng tài sản tăng nhẹ lên 64,2 nghìn tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2018 do tăng trưởng các khoản mục tiền và tương đương tiền và phải thu khách hàng ngắn hạn. Tại 30/9/2018, tổng tài sản của PV Power có thay đổi với số tại 30/6/2018 do PV Power thực hiện các xử lý tài chính khi chuyển từ Công ty TNHH MTV thành Công ty cổ phần.

Tổng doanh thu thuần hợp nhất của PV Power tăng từ 28,2 nghìn tỷ đồng năm 2016 lên 29,7 nghìn tỷ đồng năm 2017 (mức tăng 5%) chủ yếu là do tăng doanh thu bán điện là hoạt động kinh doanh chính của PV Power. Trong 6 tháng đầu năm 2018, doanh thu PV Power đạt 17,8 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 15% so với cùng kỳ năm 2017. Doanh thu hợp nhất của PV Power tăng do có sự đóng góp lớn từ tăng doanh thu của Công ty mẹ từ 18,2 nghìn tỷ đồng năm 2016 lên 20,9 nghìn tỷ đồng năm 2017 với mức tăng 14,56%. 6 tháng đầu năm 2018, Doanh thu thuần của Công ty mẹ PV Power đạt 12,7 tỷ đồng, chiếm trên 70% tổng doanh thu của toàn Tổng công ty. Quý III năm 2018, sau khi chuyển đổi loại hình thành công ty cổ phần, các hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power diễn ra bình thường, doanh thu thuần của toàn Tổng công ty và Công ty mẹ đạt lần lượt là 6.900 tỷ đồng và 4.700 tỷ đồng.

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận sau thuế 2017 của PV Power hợp nhất có sự tăng trưởng mạnh mẽ, lần lượt đạt mức tăng 60,9% và 71,5%. Nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu 2017 tăng trưởng 5,3% trong khi giá vốn chỉ tăng hơn 1% và các chi phí khác tăng không đáng kể so với 2016. Sáu tháng 2018 cũng chứng kiến tốc độ tăng trưởng ấn tượng về lợi nhuận sau thuế

của toàn PV Power với mức tăng 25,5% so với cùng kỳ năm 2017 từ 1.055 tỷ đồng lên 1.325 tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế năm 2017 của Công ty mẹ tăng trưởng ấn tượng hơn so với Tổng công ty hợp nhất, tăng trên 1000 tỷ đồng từ 929 tỷ đồng năm 2016 lên đến 1.969 tỷ đồng năm 2017. Nguyên nhân cũng do giá vốn hàng bán tăng chậm hơn nhiều lần so với mức tăng doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ, chi phí tài chính giảm trong khi các chi phí khác tăng không nhiều.

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2018 đạt 1.931 tỷ đồng, bằng 2,3 lần cùng kỳ năm 2017 nguyên nhân là do phát sinh hơn 1.100 tỷ đồng cổ tức và lợi nhuận được chia từ các công ty con dẫn đến Doanh thu hoạt động tài chính tăng đột biến trong khi các chi phí không thay đổi nhiều. Quý III năm 2018, lợi nhuận sau thuế hợp nhất và riêng công ty mẹ chỉ đạt lần lượt là 184 tỷ đồng và 43 tỷ đồng, giảm so với quý I và quý II năm 2018. Nguyên nhân thứ nhất là do hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra bình thường, không xuất hiện doanh thu tài chính đột biến như quý I và II trong khi doanh thu thuần lại giảm 25,5% so với các quý trước. Nguyên nhân thứ 2 là do PV Power tiếp tục trích lập lại dự phòng nợ xấu trong kỳ từ 01/7/2018 đến 30/9/2018 (số tiền khoản 9 tỷ đồng) và trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (số tiền khoảng 20 tỷ đồng) do trước đó trong BCTC tại thời điểm chuyển thành công ty cổ phần, PV Power phải thực hiện hoàn nhập các dự phòng tài chính theo quy định cổ phần hóa. Khoản mục ảnh hưởng nhiều nhất đến lợi nhuận quý III của PV Power là khoản lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện được phản ánh vào chi phí tài chính với số tiền hơn 302,3 tỷ đồng. Ngoài khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo quy định trong kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/9/2018, PV Power ghi nhận thêm khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/6/2018 cho Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam bàn giao sang cho Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần theo quy định về xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần với số tiền 124,3 tỷ đồng.

Lưu ý 1: Bổ sung các Thuyết minh tại BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2018 của PV Power

– **Bổ sung thuyết minh cho các khoản mục thuộc Vốn chủ sở hữu (số dư đầu kỳ, các phát sinh trong kỳ) như sau:**

Thuyết minh cho các khoản mục thuộc Vốn chủ sở hữu (số dư đầu kỳ, các phát sinh trong kỳ)

Đơn vị: Triệu đồng

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại ngày 01/7/2018	23.419	(311)	227.887	(191.306)	(85.859)	100.794	512.771	2.269.244	26.251.936
Lợi nhuận trong kỳ							184.183		184.183
Tăng vốn do nhận bàn giao tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối cho cổ đông không kiểm soát							(36.952)	36.952	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh do hợp nhất							(9.151)	(3)	(9.154)
Xử lý đặc biệt về vốn quỹ					85.859		38.419		124.278
Trích quỹ thuộc vốn chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ ngoài vốn chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/9/2018	23.419	(311)	227.887	(191.306)	-	100.794	689.269	2.306.193	26.551.242

- ✓ Vốn chủ sở hữu (VCSH) đầu kỳ (số dư tại ngày 01/7/2018) là số liệu được hợp nhất từ các BCTC sau:
 - (i) BCTC riêng (Công ty mẹ) đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Được lập cho mục đích phục vụ công tác chuyển giao từ doanh nghiệp cổ phần hóa cho công ty cổ phần). BCTC này lập theo các quy định về lập và trình bày BCTC và bao gồm các xử lý tài chính theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; và
 - (ii) BCTC và BCTC sau soát xét của các công ty con lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018.
- ✓ VCSH cuối kỳ (số dư tại ngày 30/9/2018): được hợp nhất từ BCTC riêng Công ty mẹ và BCTC công ty con được lập cho kỳ kế toán từ 01/7/2018 đến 30/9/2018.

✓ Thặng dư vốn cổ phần là Phần thặng dư cổ phần theo tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ trong số dư thặng dư cổ phần của các công ty con gồm Công ty CP Thủy điện Bắc Kan(BKN) và Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. Đây là chi phí phát sinh phục vụ phát hành cổ phiếu để tăng vốn của các công ty con này.

✓ Vốn khác của chủ sở hữu trên BCTC hợp nhất bao gồm:

+ Phần được hưởng theo tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ từ Vốn khác của chủ sở hữu của Công ty CP Thủy điện Hòa Na (54 tỷ).

+ Phần chia cổ tức bằng cổ phiếu Công ty mẹ nhận được từ CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (173 tỷ)

✓ Chênh lệch đánh giá lại tài sản (- 191.306 triệu đồng) là giá trị cổ phiếu do Công ty mẹ được chia cổ tức không phải bằng tiền từ Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty con) trong giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/6/2018 được đánh giá theo giá tại ngày 30/6/2018 (29.100 đồng/CP - Theo quy định về xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần).

✓ Chênh lệch tỷ giá hối đoái đầu kỳ (- 85 tỷ): Số cuối kỳ trên BCTC riêng (Công ty mẹ) đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Được lập cho mục đích phục vụ công tác chuyển giao từ doanh nghiệp cổ phần hóa cho công ty cổ phần).

Theo đó, tại ngày 30/6/2018, khi xử lý tài chính theo Nghị định 126/2017: Công ty mẹ đánh giá chênh lệch tỷ giá giai đoạn 01/01/2018 đến 30/6/2018: lỗ 124 tỷ nhưng không hạch toán vào Báo cáo kết quả kinh doanh mà theo dõi và chuyển cho công ty cổ phần; Đồng thời được bù trừ với lãi chênh lệch tỷ giá năm 2017: 38 tỷ nên còn lỗ là 124 tỷ - 38 tỷ = 85 tỷ.

✓ Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ: Sang kỳ kế toán đầu tiên của Công ty cổ phần (từ 01/7/2018 đến 30/9/2018), Công ty mẹ xử lý phần chênh lệch tỷ giá được bàn giao sang vào báo cáo kết quả kinh doanh nên không còn chênh lệch tỷ giá cuối kỳ 85 tỷ.

✓ Quỹ đầu tư phát triển đầu kỳ: là số liệu được hợp nhất từ các BCTC sau: (i) BCTC riêng (Công ty mẹ) đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Được lập cho mục đích phục vụ công tác chuyển giao từ doanh nghiệp cổ phần hóa cho công ty cổ phần). BCTC này lập theo các quy định về lập và trình bày BCTC và bao gồm các xử lý tài chính theo quy định tại Nghị định số 126/2017. Theo đó, toàn bộ số dư quỹ đầu tư phát triển của Công ty mẹ đều được sử dụng để bù đủ Vốn điều lệ của Công ty cổ phần; và (ii) BCTC và BCTC sau soát xét của các công ty con lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018.

✓ Quỹ đầu tư phát triển cuối kỳ: số liệu hợp nhất từ BCTC riêng và BCTC công ty con được lập cho kỳ kế toán từ 01/7/2018 đến 30/9/2018.

✓ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và Lợi ích cổ đông không kiểm soát đầu kỳ và cuối kỳ cũng được hợp nhất từ các BCTC như đối với Quỹ đầu tư phát triển.

Khoản Xử lý đặc biệt về vốn quỹ tại cột Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với giá trị (38.419 triệu đồng) là Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện cuối năm 2017 khi xử lý tài chính của Công ty mẹ thì đã bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá nên đến 30/9/2018, PV Power thực hiện hoàn nhập lại.

- **Bổ sung chi tiết Trích lập dự phòng nợ xấu phát sinh phát sinh trong kỳ (Thuyết minh 9, trang 23)**

✓ Số dư trích lập dự phòng đến 30/9/2018:

Đơn vị: Triệu đồng

	30/09/2018	01/07/2018
Công ty mẹ	9.007	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	7.658	-
Các đối tượng khác	1.349	-
Các công ty con	236.550	237.125
Công ty CP thủy điện ĐắcĐrinh	7.045	7.045
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	7.045	7.045
Công ty CP Thủy điện Hủa Na	2.321	-
Công ty xây dựng 319 Bộ Quốc Phòng	2.321	-
Công ty CP Máy - TB Dầu khí	227.184	230.080
Công ty CP XN khẩu Tân Hồng	96.857	96.857
Công ty CP Tập đoàn Vina Megastar	33.628	33.628
Công ty TNHH Thành Đức	20.394	20.394
Công ty CP Thương mại - XNK D&T	14.285	15.485
Công ty CP xây lắp dầu khí IMICO	15.382	14.682
Công ty CP xây lắp dầu khí Hà Nội	8.067	8.067
Công ty TNHH Vạn Phúc	7.037	7.037
Công ty CP Viccom	5.606	5.606
Các đối tượng khác	25.928	28.324
Cộng	245.557	237.125

✓ Trích thêm trong kỳ từ 01/7/2018 đến 30/9/2018

Đơn vị: Triệu đồng

	01/07/2018 đến 30/09/2018
Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực dầu khí Việt Nam - CTCP (*)	9.007
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	7.658
Các đối tượng khác	1.349
Hoàn nhập dự phòng Công ty CP Máy-Thiết bị Dầu khí	(575)

(*) Do BCTC tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần Công ty mẹ phải hoàn nhập dự phòng

- **Bổ sung chi tiết Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (Thuyết minh 32, trang 35)**

Đơn vị: Triệu đồng

	30/09/2018	01/07/2018
Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực dầu khí Việt Nam - CTCP	302.350	0
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh	43.907	31.101
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	49.196	0
Tổng cộng	395.453	31.101

Ngoài khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo quy định trong kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/9/2018 (số tiền 178.072 triệu đồng), Công ty mẹ ghi nhận thêm khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 do Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam bàn giao sang cho Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần theo quy định về xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần số tiền: 124.278 triệu đồng

Lưu ý 2:

Theo Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 (được lập cho mục đích phục vụ công tác chuyển giao từ doanh nghiệp cổ phần hóa cho công ty cổ phần) (Sau đây gọi tắt là “Báo cáo tài chính chuyển đổi”), Tổng công ty đã thực hiện xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Theo quy định tại Điều 21 của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước và công ty TNHH MTV do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần (“Nghị định 126”):

Số dư các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi (nếu có) được sử dụng để bù đắp các tổn thất theo quy định hiện hành, số còn lại hoàn nhập vào kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cổ phần hóa.

Đối với các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, Tổng công ty đánh giá lại theo quy định và không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Số dư khoản chênh lệch tỷ giá tại thời điểm này thực hiện chuyển giao cho công ty cổ phần (sau chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước) theo dõi và xử lý theo quy định.

Đối với khoản lợi nhuận sau thuế, cổ tức được chia từ hoạt động đầu tư tài chính (đã có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên tại tổ chức nhận vốn góp) phát sinh từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần nhưng chưa thu được tiền, Tổng công ty thực hiện ghi tăng doanh thu cho hoạt động tài chính đồng thời ghi tăng nợ phải thu.

Đối với cổ phiếu doanh nghiệp cổ phần hóa đã được nhận thêm từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần mà không phải trả tiền, Tổng công ty căn cứ số lượng cổ phiếu nhận được để ghi tăng giá trị vốn nhà nước (theo giá được xác định theo nguyên tắc quy định tại Điều 32 Nghị định 126) đồng thời ghi tăng giá trị khoản đầu tư tài chính.

PV Power đã ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị số 41/NQ-ĐLTK ngày 28/9/2018 về việc thông qua phương án tạm phân phối lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2018 của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam. Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2018 của Tổng công ty tăng từ 1.786 tỷ đồng lên xấp xỉ 1.931 tỷ đồng là do PV Power đã xử lý tài chính như sau:

TT	Diễn giải	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2018 (đã bao gồm các xử lý tài chính theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP)	1.930.894.513.821
	<i>Trong đó:</i>	
	- <i>LNST theo BCTC riêng 6 tháng đầu năm 2018 sau soát xét</i>	<i>1.786.432.025.911</i>
	- <i>Các điều chỉnh do xử lý tài chính theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP</i>	<i>158.981.869.493</i>
	+ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	14.314.910.614
	+ Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	20.389.289.671
	+ Hoàn nhập khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	124.277.669.208
	- <i>Các xử lý khác so với BCTC riêng 6 tháng đầu năm 2018</i>	<i>(14.519.381.583)</i>
2	Trích quỹ đầu tư phát triển 11% (2=11%\times1)	212.398.396.520
3	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (Ước tính 03 tháng lương thực hiện của người lao động Công ty Mẹ 6 tháng đầu năm 2018) (3=3.2)	61.064.380.192

4	Trích quỹ thưởng người quản lý (Ước tính 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý 6 tháng đầu năm 2018) (4=4.2)	748.676.118
5	Lợi nhuận còn lại nộp Tập đoàn (5 = 1 -2 -3 - 4)	1.656.683.060.991

Theo đó, trên Bảng cân đối kế toán, PV Power đã thực hiện chuyển khoản lợi nhuận phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (số tiền tạm tính là 1.656.683.060.991 đồng) từ khoản mục Vốn chủ sở hữu thành khoản mục Phải trả ngắn hạn khác và thực hiện một số xử lý tài chính khác liên quan đến cổ tức bằng cổ phiếu từ CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, kết chuyển khoản mục Quỹ đầu tư phát triển để tăng đủ số vốn điều lệ của Tổng công ty sau cổ phần hóa, đánh giá lại chênh lệch tỷ giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại 30/6/2018, hàng tồn kho, dự phòng đầu tư tài chính dẫn đến Vốn chủ sở hữu giảm từ 24.114 tỷ đồng xuống còn 23.333 tỷ đồng, Nợ phải trả tăng từ 23.246 tỷ đồng lên 24.262 tỷ đồng. Số liệu trên có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền. Chi tiết xử lý tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 19, Thuyết minh số 32, và Thuyết minh số 34 trong BCTC riêng đã kiểm toán 6 tháng 2018 (chuyển giao doanh nghiệp) của PV Power, cụ thể như sau:

- (i) Theo Nghị quyết số 41/NQ-ĐKDK ngày 28/9/2018 của HĐQT Tổng công ty về việc thông qua phương án tạm phân phối lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2018 của Công ty mẹ - Tổng công ty, Tổng công ty đã tạm trích quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 212.398.396.520 đồng, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý với số tiền là 61.813.056.310 đồng và lợi nhuận phải nộp về Tập đoàn với số tiền là 1.656.683.060.991 đồng.
- (ii) Theo quyết định số 2580/QĐ-DKVN ngày 03/5/2018 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán và Phương án phân phối lợi nhuận của Tổng công ty, lợi nhuận sau thuế năm 2016 của Tổng công ty được phê duyệt là 938.167.410.521 đồng. Tổng công ty không được phê duyệt trích Quỹ đầu tư phát triển năm 2016 theo Nghị quyết số 15/NQ-ĐLCK-HĐTV ngày 08/02/2017 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty với số tiền là 273.779.026.580 đồng và lợi nhuận sau thuế phải nộp bổ sung về Tập đoàn là 299.349.681.936 đồng.
- (iii) Trong giai đoạn từ ngày 31/12/2015 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) đến ngày 30/6/2018 (thời điểm cuối cùng trước khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần vào ngày 01/7/2018), Tổng công ty nhận được 6.574.080 cổ phiếu do Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (công ty con) chia cổ tức bằng cổ phiếu. Tổng công ty đã sử dụng giá tại ngày 30/6/2018 là 29.100 đồng/cổ phiếu để quy đổi giá trị của số cổ phiếu trên thành 191.305.728.000 đồng và ghi nhận tăng vốn nhà nước theo quy định.
- (iv) Trong kỳ, Tổng công ty đã thực hiện kết chuyển khoản mục Quỹ đầu tư phát triển để tăng đủ số vốn điều lệ của Tổng công ty sau cổ phần hóa theo phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt tại Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 08/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam. Sau khi Tổng công ty ghi nhận tăng đủ số vốn điều lệ của Tổng công ty sau cổ phần hóa là 23.418.716.000.000 đồng, số tiền còn lại của Quỹ đầu tư phát triển được kết

chuyển sang khoản mục phải trả cổ phần hóa cho chủ sở hữu. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.

- (v) Tại ngày 30/6/2018, Tổng công ty thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo quy định và chuyển giao cho công ty cổ phần (sau chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước) theo dõi và xử lý theo quy định.
- (vi) Tại ngày 30/6/2018, Tổng công ty thực hiện bù trừ lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31/12/2017 (được thể hiện trên khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước”) với lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ nêu tại mục (v).

Lưu ý 3:

Tại Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017 và Báo cáo tài chính hợp nhất đã soát xét giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018, Công ty TNHH Deloitte Việt Nam có nhấn mạnh và lưu ý như sau:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 9 và Thuyết minh số 16 phần Phụ lục IV - Một số thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, số dư khoản mục hàng tồn kho và công nợ phải trả người bán của Tổng công ty bao gồm khoảng 2.481 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2.481 tỷ VND) liên quan đến giá trị vật tư, thiết bị nhập khẩu phục vụ công tác bảo dưỡng Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2 (thuộc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam) và máy Điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 (thuộc Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 - Công ty con của Tổng công ty). Theo xác định của Tổng công ty, giá trị hàng tồn kho và công nợ phải trả nêu trên sẽ được quyết toán và điều chỉnh khi Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí (Công ty con của Tổng công ty) hoàn thiện các thủ tục cần thiết với nhà thầu Siemens liên quan đến chuyển đổi chủ thể hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power Services - Công ty con của PV Power) có số dư hàng tồn kho bao gồm giá trị vật tư, thiết bị dự phòng nhập khẩu, chi phí dịch vụ kỹ thuật và các chi phí phát sinh khác của PV Power Services phục vụ việc bảo dưỡng, sửa chữa, đại tu các tổ hợp tuabin khí tại Nhà máy điện Cà Mau 1, Nhà máy điện Cà Mau 2 và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 theo hợp đồng bảo trì dài hạn giữa PVPS với nhà thầu Siemens (Siemens Aktiengesellschaft và Công ty TNHH Siemen Việt Nam), với tổng số tiền khoảng 2.481 tỷ VND. Đối với số dư hàng tồn kho này, PV Power Services là trung gian ghi nhận giữa các nhà thầu thực hiện dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy điện với các nhà máy điện. Đồng thời, PV Power Services cũng ghi nhận công nợ phải trả với nhà thầu Siemens tương ứng với giá trị hàng tồn kho này.
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam đã ký hợp đồng chuyển giao chủ thể hợp đồng bảo dưỡng giữa các Nhà thầu phụ sửa chữa bảo dưỡng OEM với các nhà máy điện, theo đó, PV Power Services có trách nhiệm quyết toán chi phí, giá trị vật tư, thiết bị đã nhập từ nhà thầu trong giai đoạn thực hiện hợp đồng với tư cách Nhà thầu chính. PV Power Services đang hoàn tất các thủ tục để quyết toán, thống nhất giá trị với các Nhà

thầu phụ sửa chữa bảo dưỡng OEM và các nhà máy điện, dự kiến thực hiện xong trong năm 2019.

- Theo đó, số dư các khoản mục hàng tồn kho và công nợ phải trả tương ứng nêu trên sẽ được điều chỉnh khi PV Power Services hoàn tất các thủ tục với bên liên quan về việc chuyển đổi chủ thể hợp đồng bảo dưỡng với nhà thầu và các nhà máy điện.

Lưu ý 4:

Tại Báo cáo tài chính chuyển đổi, Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã nhấn mạnh như sau: “các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện và kiểm tra và phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán tiền thu từ cổ phần hóa, chi phí cổ phần hóa và quyết định công bố giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần, xác định số phải nộp bổ sung về Quỹ hỗ trợ và sắp xếp và phát triển doanh nghiệp”. Hiện nay, PV Power đang phối hợp với các cơ quan chức năng để hoàn tất quyết toán tài chính, thực hiện các công việc bàn giao từ công ty TNHH thành công ty cổ phần.

Lưu ý 5:

- Chi phí tài chính

- Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Trong chi phí tài chính 6 tháng đầu năm 2018 được thể hiện trong Báo cáo tài chính Công ty mẹ PV Power đã soát xét 30/06/2018, Chi phí tài chính được hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn có giá trị 34,5 tỷ do PV Power hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư tài chính vào Công ty CP Thủy điện Sông Vàng (25,4 tỷ) do PV Power đã thoái 100% vốn đầu tư tại công ty này; và hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư tài chính vào Công ty CP Thủy điện Hòa Na (9,24 tỷ).

- Lỗ chênh lệch tỷ giá

Nguyên nhân có sự khác nhau của lỗ chênh lệch tỷ giá tại khoản mục Chi phí tài chính của BCTC soát xét 30/06/2018 và BCTC kiểm toán 30/06/2018 là do trong BCTC soát xét, lỗ chênh lệch tỷ giá 136,9 tỷ bao gồm lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện (12,6 tỷ) và lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (124 tỷ). Trong BCTC kiểm toán công ty mẹ 6 tháng chỉ còn lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện (12 tỷ) do 124 tỷ lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện phải thực hiện xử lý tài chính, không được hạch toán, mà được bàn giao cho Công ty cổ phần.

- Cổ tức, lợi nhuận được chia

Trong doanh thu hoạt động tài chính 6 tháng đầu năm 2018 được thể hiện trong Báo cáo tài chính Công ty mẹ PV Power đã soát xét 30/06/2018, cổ tức, lợi nhuận được chia có giá trị 1.105 tỷ đồng bao gồm các khoản cổ tức được chia từ các công ty con, được Tổng Công ty ghi nhận tại ngày của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị của các công ty con này, thay vì được ghi nhận tại ngày Tổng Công ty nhận được thông báo về quyền nhận cổ tức. PVPower sẽ nộp về Tập đoàn khi có quyết định phê duyệt Phân phối lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn cho PVPower và/hoặc quyết toán cổ phần hóa được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cụ thể như sau:

- Nghị quyết số 64/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, thông qua kế hoạch chi trả 12% cổ tức năm 2017, chưa xác định ngày chốt quyền ghi nhận. Tổng Công ty xác định cổ tức được hưởng là 9.180.000.000 VND.
- Nghị quyết số 0101/NQ/MTB-HĐQT ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Công ty Cổ Phần Máy – Thiết bị Dầu khí, về việc phân phối lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 0,67% mệnh giá, chốt quyền chi trả cổ tức vào ngày 11 tháng 7 năm 2018. Số tiền 8.311.406.310 VND cổ tức Tổng Công ty được hưởng sẽ được chi trả vào ngày 30 tháng 8 năm 2018.
- Nghị quyết số 14/NQ-CPNT2 ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2018 với tỷ lệ 15% mệnh giá, chưa xác định ngày chốt quyền nhận cổ tức. Tổng Công ty xác định cổ tức được hưởng là 256.389.120.000 VNĐ.
- Nghị quyết số 15/NQ-CPNT2 ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, thông qua việc chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế lũy kế từ ngày 20 tháng 6 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 với tỷ lệ chi trả là 27,92% mệnh giá, ngày chốt quyền chi trả cổ tức vào 16 tháng 7 năm 2018. Tổng Công ty đã nhận được 477.225.615.360 VNĐ vào ngày 30 tháng 7 năm 2018.

Lưu ý 6:

Xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần

Tổng Công ty lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 trong đó ghi nhận một số nghiệp vụ xử lý tài chính tại thời điểm chuyển thành công ty cổ phần như trình bày tại phần chính sách kế toán như sau:

(i) Các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, các khoản phải thu và hàng tồn kho:

Đơn vị: Triệu đồng

	Số dư đã trích lập tại ngày 30/6/2018	Giá trị tổn thất do Tổng Công ty xác định	Giá trị dự phòng hoàn nhập vào kết quả kinh doanh
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	20.389	-	20.389
Dự phòng giảm giá các khoản phải thu	14.315	-	14.315
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-
Tổng cộng	34.704	-	34.704

(i) Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

Đơn vị: Triệu đồng

	Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tại ngày 30/6/2018	Chênh lệch tỷ giá chuyển giao cho công ty cổ phần
Lỗi chênh lệch tỷ giá	124.278	85.859

Tổng Công ty xác định kỳ hoạt động cuối cùng của Công ty TNHH MTV là kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và báo cáo tài chính gần nhất Tổng Công ty lập là báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Do đó, Tổng Công ty đánh giá lại chênh lệch tỷ giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (ngày trước liền kề với ngày Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần) so với ngày 31 tháng 12 năm 2017 (thời điểm gần nhất Tổng Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và ghi nhận vào kết quả kinh doanh), với số tiền lỗi chênh lệch tỷ giá là 124.277.669.208 VND. Đồng thời, Tổng Công ty thực hiện bù trừ lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (được thể hiện trên khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước”, với số tiền là 38.418.515.703 VND) với lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ nêu trên, để xác định chênh lệch tỷ giá cần chuyển giao cho công ty cổ phần theo dõi và xử lý theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ là 85.859.153.505 VND.

(iii) Trong giai đoạn từ ngày 31 tháng 12 năm 2015 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 (thời điểm cuối cùng trước khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần vào ngày 01 tháng 7 năm 2018), Tổng Công ty nhận được 6.574.080 cổ phiếu do Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (công ty con) chia cổ tức bằng cổ phiếu. Tổng Công ty đã sử dụng giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 29.100 VND/cổ phiếu để quy đổi giá trị của số cổ phiếu trên thành 191.305.728.000 VND và ghi nhận tăng vốn nhà nước.

(iv) Vốn điều lệ, các quỹ:

Trong kỳ, Tổng Công ty đã thực hiện kết chuyển khoản mục Quỹ đầu tư phát triển để tăng số vốn điều lệ của Tổng Công ty thành 23.418.716.000.000 VND (Thuyết minh số 23). Vốn điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất của Tổng Công ty phê duyệt theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán tiền thu từ cổ phần hóa, chi phí cổ phần hóa và quyết định công bố giá trị thực tế vốn nhà nước tài thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần, xác định số phải nộp bổ sung về Quỹ hỗ trợ và sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Các khoản mục trên báo cáo tài chính riêng và các thuyết minh tương ứng có thể thay đổi tùy thuộc vào sự phê duyệt cuối cùng của các cơ quan có thẩm quyền.

Các xử lý hoàn nhập lại tại Báo cáo tài chính riêng kỳ 01/07/2018 đến 30/9/2018

Số xử lý hoàn nhập lại	Số tiền (triệu đồng)
Dự phòng phải thu khó đòi	9.007
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	20.389
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	124.278

Lưu ý 7:**Về dự án nhà máy thủy điện Luang Prabang**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Thủy điện Luang Prabang là 129.647.670.047 VND. Tại thời điểm này, Dự án này đang trong quá trình xây dựng và hiện đang tạm dừng.

Theo Thông báo số 6789/TB-DKVN ngày 27 tháng 10 năm 2016 về kết luận của Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về triển khai các nội dung công việc của Dự án thủy điện Luang Prabang tại Lào, Tập đoàn giao cho Tổng Công ty làm việc với Bộ Năng lượng và Mỏ của Lào để hoàn thành việc ký kết Biên bản ghi nhớ dự án Thủy điện Luang Prabang (MOU) thay thế cho MOU gia hạn lần 3 (hết hạn vào ngày 26 tháng 12 năm 2016), với thời gian gia hạn tiếp theo đến tháng 9 năm 2019, như đã được Bộ Công Thương (Việt Nam) và Bộ Năng lượng và Mỏ (Lào) đàm phán và thống nhất.

Theo Thông báo số 379/TB-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2016 về kết luận của Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng tại cuộc họp triển khai Biên bản ghi nhớ giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào về hợp tác phát triển các dự án thủy điện tại Lào, liên kết hệ thống điện và mua bán điện, Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng giao Bộ Công thương chỉ đạo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Tập đoàn) xây dựng phương án thành lập công ty cổ phần gồm Tập đoàn, ít nhất một doanh nghiệp Việt Nam có năng lực, kinh nghiệm, Công ty PT Sole của Lào để thực hiện dự án Thủy điện Luang Prabang.

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Tổng Công ty (ngày 27 tháng 3 năm 2017), Tổng Công ty đang tiếp tục làm việc với Bộ Năng lượng và Mỏ của Lào để gia hạn MOU lần 4 cho dự án này. Do đó, Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đưa ra vấn đề nhấn mạnh về dự án này trên báo cáo kiểm toán độc lập số 744/VN1A-HN-BC ngày 27 tháng 3 năm 2017 như đã nêu trên.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Thủy điện Luang Prabang là 130.844.764.417 VND.

Theo Thông báo số 1484/KHĐT4 ngày 18 tháng 7 năm 2017, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đã gia hạn MOU lần 4 với thời gian gia hạn tiếp theo đến tháng 9 năm 2019.

Tổng Công ty đang tích cực bám sát Chính phủ, Bộ Công thương, Tập đoàn để thực hiện các công việc liên quan theo chỉ đạo.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty

Trong những năm qua, nền kinh tế Thế giới nói chung và kinh tế Việt nam nói riêng gặp nhiều khó khăn, bất ổn đặc biệt từ năm 2011 nền kinh tế toàn cầu bước vào cuộc khủng hoảng nợ công, cùng suy thoái kinh tế tại nhiều nền kinh tế đầu tàu như Châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản. Diễn biến này đã làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power trên cả phương diện đầu vào và đầu ra trong giai đoạn từ năm 2012 đến nay. Ngoài ra, trong thời gian này, khí hậu biến đổi không ngừng cùng với bão lụt, thiên tai cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power.

Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách nêu trên nhưng trong giai đoạn này, PV Power vẫn có sự tăng trưởng ổn định, đã mạnh dạn đổi mới và áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật. Có được kết quả đó là do các yếu tố thuận lợi, khó khăn sau:

7.3. Thuận lợi

- PV Power là đơn vị hoạt động thuộc một trong năm lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam, thường xuyên nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Lãnh đạo Tập đoàn trong mọi hoạt động của Tổng công ty, được sự hỗ trợ về việc thu xếp vốn cho các dự án, công ty thành viên.
- Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam được tổ chức theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, với quy mô lớn, bao gồm các Công ty con có tư cách pháp nhân gắn bó lâu dài với nhau về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường và các dịch vụ kinh doanh khác, từ đó phát huy được các lợi thế ngành. Với mô hình tổ chức và quản lý vốn góp tại các đơn vị thành viên hiện nay đã đảm bảo việc tuân thủ chủ trương của Chính phủ/Tập đoàn về không đầu tư hoạt động ngoài lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính.
- Sau 10 năm thành lập, PV Power ngày càng tích lũy được bề dày kinh nghiệm, có được đội ngũ cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật có năng lực và nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý vận hành, sửa chữa các NMD có quy mô lớn, công nghệ cao.

7.4. Khó khăn

- Sản xuất điện của các nhà máy điện khí phụ thuộc nhiều vào khả năng cấp khí của PVGas và mức độ huy động điện của EVN. Để giảm thiểu rủi ro của nguyên liệu khí đầu vào PV Power thường xuyên phối hợp chặt chẽ với EVN/A0, PV Gas đảm bảo luôn sẵn sàng độ khả dụng cao nhất cho nhà máy. Ngoài ra, PV Power cũng đã xây dựng phương án dự trữ đủ dầu DO để đảm bảo nhà máy vận hành liên tục, đáp ứng nhu cầu huy động của A0, đặc biệt trong giai đoạn bảo dưỡng sửa chữa giàn khí. Đối với đầu ra, PV Power và các công ty con đã ký kết hợp đồng với EVN đối với điện khí nhằm đảm bảo tiêu thụ hết sản lượng điện sản xuất.
- Thị trường điện Việt Nam đang trong giai đoạn hoàn thiện cơ chế hoạt động, kết quả tham gia thị trường điện phụ thuộc khá nhiều vào sản lượng điện hợp đồng được phân bổ và giá thị trường toàn phần.
- Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 mới vào giai đoạn vận hành nên chưa ổn định, gặp nhiều sự cố, đặc biệt là hệ thống bốc dỡ nhiên liệu than. Điều kiện thời tiết khu vực Vũng Áng rất khắc nghiệt, ảnh hưởng đến việc bốc, hút than tại cảng nhà máy. Để giảm thiểu tác

động của khó khăn này, PV Power đã tăng cường công tác quản lý vận hành, kịp thời khắc phục các lỗi sự cố do nhà máy đang trong giai đoạn đầu vận hành.

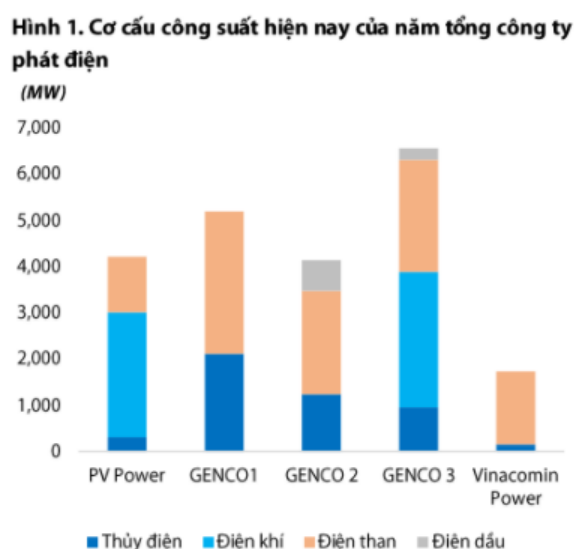
8. Vị thế của Tổng công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

8.1. Vị thế của Tổng công ty trong ngành

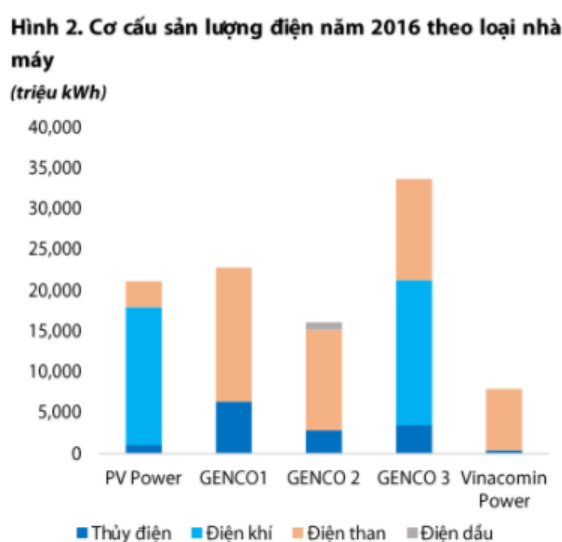
Qua 11 năm xây dựng và phát triển, bằng sự lao động, sáng tạo miệt mài của tập thể người lao động, đến nay PV Power đã trở thành một trong những nhà cung cấp điện năng hàng đầu tại Việt Nam. Sự bổ sung các nguồn điện liên tục, ổn định với chất lượng cao từ các nhà máy nhiệt điện khí, thủy điện và nhiệt điện than của PV Power là rất quan trọng, cần thiết, có ý nghĩa lớn trong việc cung ứng đảm bảo ổn định điện cho toàn hệ thống lưới điện quốc gia. Đặc biệt trong các mùa khô liên tục các năm, sự có mặt lần lượt của các Nhà máy Nhiệt điện khí Cà Mau 1&2 (năm 2007, 2008); Nhơn Trạch 1 (năm 2008); Nhơn Trạch 2 (năm 2011); Nhà máy Phong điện Phú Quý (năm 2012) (hiện đã bàn giao cho EVN); các Nhà máy Thủy điện Nậm Cắt (năm 2012); Hòa Na (năm 2013); Đakđrinh (năm 2014) và Nhà máy Nhiệt điện than Vũng Áng 1 (năm 2015), đã khẳng định vị thế và vai trò của PV Power trong ngành điện Việt Nam. Với công suất lắp đặt 4.208,2 MW, bằng khoảng 9,4% công suất đặt cả nước (xấp xỉ 45.000 MW) ¹, PV Power cung cấp cho quốc gia sản lượng điện ổn định khoảng 21 tỷ kWh/năm, bằng khoảng 11-13% sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống.

Tổng quan về năng lực hoạt động của PV Power như sau:

Hình 18: Công suất lắp đặt và cơ cấu nguồn điện



Nguồn: RongViet Research, dữ liệu tại ngày 20/12/2017



Nguồn: RongViet Research

- Tổng công suất lắp đặt của PV Power đạt 4.208,2MW, chiếm 9,4% trong tổng số 45.000MW công suất toàn hệ thống điện Việt Nam. PV Power hiện có quy mô công suất đứng thứ 3 trong số 5 doanh nghiệp lớn cùng ngành, gồm: Tổng công ty Phát điện 1, 2, 3 (GENCO 1, 2, 3) và Vinacomin Power.

¹ <https://www.evn.com.vn/d6/news/Van-hanh-he-thong-dien-nam-2018-Co-du-dien-dap-ung-nhu-cau-su-dung-6-12-21197.aspx>

- Xét về cơ cấu nguồn điện, PV Power đã thực hiện tốt việc đa dạng hóa nguồn điện với các nhà máy điện tuabin khí chu trình hỗn hợp, nhiệt điện than, thủy điện. Đặc biệt, nếu đem so sánh với các Tổng công ty phát điện lớn cùng ngành, chỉ có PV Power và GENCO 3 đang sở hữu các nhà máy nhiệt điện khí với quy mô tương đồng (PV Power: 2.700 MW và GENCO 3: 2.929MW).

Bảng 23: Sản lượng điện sản xuất của PV Power so với cả nước

Đơn vị: triệu kWh

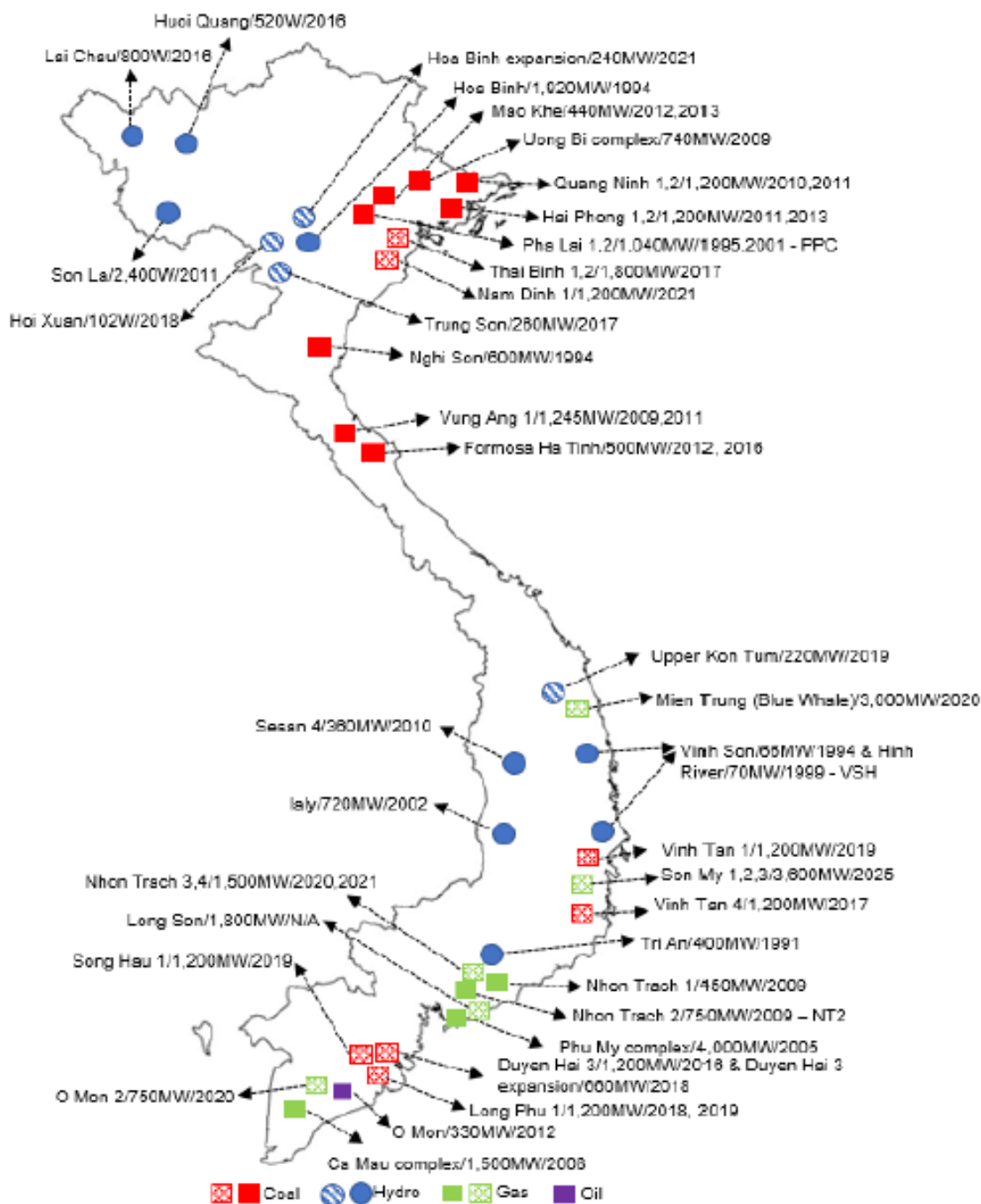
Đơn vị	2013	2014	2015	2016	2017	9 tháng đầu năm 2018
PV Power	16.177	16.054	21.470	21.132	20.581	16.038
Sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống	124.454	140.237	157.600	176.990	197.810 ²	
PV Power so với toàn hệ thống	13,0%	11,4%	13,6%	11,9%	10,4%	

Nguồn: PV Power + Petrotimes + EVN

Về sản lượng điện sản xuất, từ năm 2015 đến nay, hàng năm PV Power sản xuất được trên dưới 21 tỷ kWh điện, đáp ứng 11%-13% nhu cầu phụ tải cả nước. Hết quý III/2018, sản lượng điện được cung cấp bởi PV Power ổn định so với mọi năm, đạt khoảng 16 tỷ kWh (16.038 tỷ kWh).

² Tạm ước tính theo công bố của EVN: <http://petrotimes.vn/san-luong-dien-toan-he-thong-dat-hon-181-ty-kwh-501079.html>

Hình 19: Sơ đồ công suất điện tại Việt Nam



Nguồn: VCSC Research

8.2. So sánh tình hình tài chính và hoạt động của các công ty cùng ngành

Hoạt động chính của PV POWER là sản xuất và kinh doanh điện năng, do vậy chúng tôi lựa chọn các doanh nghiệp trong cùng ngành sản xuất và kinh doanh điện năng để so sánh với PV POWER. Hiện nay, có khá nhiều doanh nghiệp đang hoạt động trong ngành này, trong đó có khoảng hơn 20 công ty đã niêm yết/đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán. Tuy nhiên, đa số các doanh nghiệp trong ngành này có quy mô nhỏ hơn PV POWER rất nhiều, do đó chúng tôi chỉ lựa chọn năm công ty khác có quy mô tương đồng về công suất thiết kế tại nhà máy điện để so sánh về hiệu quả tài chính và hoạt động với PV POWER. Các tổng công

ty/công ty được lựa chọn bao gồm: Tổng công ty Phát điện 3 - GENCO 3 (PGV), Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP (DTK), CTCP Nhiệt điện Hải Phòng (HND), CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (DNH), CTCP Nhiệt điện Phả Lại (PPC).

Bảng so sánh PV POWER với các doanh nghiệp cùng ngành sản xuất và kinh doanh điện năng theo BCTC kiểm toán năm 2017 như sau:

Bảng 24: So sánh với các công ty cùng ngành theo số liệu BCTC 2017 đã kiểm toán

Đơn vị: tỷ đồng

Mã CK	Tên Công ty	Vốn điều lệ 2017	Vốn chủ sở hữu 2017	Tổng tài sản 2017	Tổng Doanh thu 2017	LNST 2017	LNST/VCSH 2017 (%)	LNST/TTS 2017 (%)
POW	TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	21.774	27.724	60.583	29.710	2.602	9,39%	4,29%
PGV	TCT phát điện 3	10.562	9.790	81.385	37.907	317	3,24%	0,39%
DTK	TCT Điện lực TKV - CTCP	6.800	7.195	25.071	11.153	678	9,42%	2,70%
HND	CTCP Nhiệt điện Hải Phòng	5.000	5.186	15.155	9.095	396	7,64%	2,61%
DNH	CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	4.224	5.585	7.674	1.664	659	11,80%	8,59%
PPC	CTCP Nhiệt điện Phả Lại	3.262	5.477	7.548	6.236	854	15,59%	11,31%

Hệ số LNST/VCSH của PV POWER là 9,39%, xấp xỉ DTK, cao hơn khá nhiều so với PGV và HND tuy nhiên lại thấp hơn DNH và PPC. Đối với hệ số LNST/TTS, PV POWER chỉ thấp hơn DNH và PPC, và cao hơn rõ rệt so với các công ty so sánh còn lại. Cần lưu ý rằng, DNH và PPC có hệ số tài chính tốt hơn PV POWER nhưng đây là các công ty có quy mô nhỏ hơn tương đối so với PV POWER, nếu so sánh với các công ty có quy mô tương đồng hơn như PGV, DTK, HND thì PV POWER có hiệu quả hoạt động vượt trội hơn.

8.3. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành Điện Việt Nam là một trong những ngành then chốt, hấp dẫn đầu tư do tốc độ tăng trưởng kinh tế, nhu cầu sử dụng điện năng tại Việt Nam ngày một tăng cao và kỳ vọng tiếp tục phát triển. Sản lượng điện tiếp tục gia tăng, từ 101,5 tỷ kWh (năm 2011) lên khoảng 157,6 tỷ kWh (vào năm 2015), bình quân tăng khoảng 11,6%/năm, công suất đặt tăng từ 24.744 MW (năm 2011) lên đến 38.800 MW (năm 2015), bình quân tăng khoảng 11,9%/năm.

Theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh, nhằm cung cấp đủ nhu cầu điện trong nước, đáp ứng cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7,0%/năm trong giai đoạn 2016-2030. Với mức tăng trưởng GDP 7,0%/năm, dự kiến nhu cầu sử dụng điện trên toàn quốc tăng trưởng bình quân 10,6%/năm, mục tiêu cụ thể phát triển nguồn điện như sau:

- Điện thương phẩm: Năm 2020 khoảng 235-245 tỷ kWh; năm 2025 khoảng 352-379 tỷ kWh; năm 2030 khoảng 506-559 tỷ kWh.
- Điện sản xuất và nhập khẩu: Năm 2020 khoảng 265-278 tỷ kWh; năm 2025 khoảng 400-431 tỷ kWh và năm 2030 khoảng 572-632 tỷ kWh.

Cũng theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh, tổng mức đầu tư cho ngành điện Việt Nam giai đoạn 2016-2020 là 858,66 nghìn tỷ đồng (tương đương gần 40 tỷ USD, trung bình 7,9 tỷ USD/năm), giai đoạn 2021-2030 là 2.347,99 nghìn tỷ đồng (tương đương 108 tỷ USD, trung bình hơn 10,8 tỷ USD/năm), trong đó khoảng 74% giá trị là dành cho đầu tư nguồn điện. Do đó nhu cầu vốn đầu tư trong thời gian tới rất cao và mang lại hiệu quả hấp dẫn.

Ngành điện trong thời gian tới có những lợi thế do nhu cầu sử dụng điện ngày một gia tăng do sự phát triển kinh tế và các yếu tố xã hội con người.

Thực hiện tái cơ cấu ngành điện để từng bước phát triển thị trường điện cạnh tranh lành mạnh trên cơ sở bảo đảm an ninh cung cấp điện, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh điện; đưa ra tín hiệu giá một cách công khai, minh bạch để thu hút đầu tư, phát triển ngành điện bền vững, loại bỏ dần thế độc quyền của EVN trong khâu phát điện và khuyến khích các nhà đầu tư tư nhân tham gia để tạo ra một thị trường điện cạnh tranh thực sự. Nhằm chuyển đổi cơ cấu thị trường, ngày 08/11/2013, Quyết định số 63/2013/QĐ-TTg được ban hành, quy định về lộ trình, các điều kiện và cơ cấu ngành điện để hình thành và phát triển các cấp độ thị trường điện lực Việt Nam, hướng đến năm 2023 thị trường điện bán lẻ cạnh tranh sẽ được vận hành.

Hiện nay, thị trường điện nhận được sự quan tâm đặc biệt của Nhà nước nhằm chuyển ngành điện theo cơ chế thị trường, tăng tính minh bạch và cạnh tranh, bên cạnh đó sẽ đảm bảo sự phát triển vững mạnh của ngành, phục vụ nhu cầu cung cấp điện cho các hoạt động sản xuất và đời sống chính trị xã hội của đất nước. Điện lực được đánh giá là ngành thiết yếu của nền kinh tế quốc dân, phục vụ sản xuất kinh doanh và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt. Sự phát triển của ngành điện có ý nghĩa nền tảng đối với công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nói riêng và sự phát triển của nền kinh tế nói chung.

8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Chiến lược phát triển của Tổng công ty được đánh giá là phù hợp với định hướng phát triển của ngành cũng như chính sách của Nhà nước. Trong suốt những năm tháng hoạt động và phát triển, lịch sử của PV Power luôn gắn liền với lịch sử và định hướng phát triển của ngành điện

Việt Nam. Theo sát sự điều chỉnh về quy hoạch điện, PV Power đã từng bước thể hiện sự đúng đắn trong định hướng phát triển và hoạt động phù hợp với định hướng của ngành và chính sách Nhà nước.

a. Về hoạt động đầu tư

Việc sở hữu các nhà máy đã hoàn thành và phát điện ổn định hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mới của PV Power. Trong thời gian tới, PV Power có kế hoạch đầu tư 2 dự án nhiệt điện khí Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4, đồng thời cung cấp dịch vụ quản lý & vận hành cho 10 dự án điện do PVN làm chủ đầu tư với tổng công suất của 12 dự án là 10.350MW, dự kiến đi vào vận hành từ 2021 đến 2025, sẽ mang lại cơ hội tăng trưởng tốt cho PV Power sau giai đoạn 2025.

b. Về hoạt động sản xuất điện

Hiện tại PV Power có các nhà máy điện sử dụng tuabin khí với tổng công suất lắp đặt 2.700MW, nhiệt điện than với tổng công suất lắp đặt 1.200MW và thủy điện với tổng công suất lắp đặt 308,2MW. Tổng công suất lắp đặt của PV Power chiếm khoảng 9,4% tổng công suất đặt của toàn hệ thống năm 2015, trong đó phần lớn công suất phát điện của PV Power thuộc các nhà máy tại khu vực phía Nam là khu vực có nhu cầu phụ tải điện rất lớn và công suất phát còn thiếu hụt. Do đó, các nhà máy của PV Power tại khu vực này được huy động phát điện ở tần suất rất cao và chế độ phát ổn định.

Trong tương lai, cùng với sự thiếu hụt nguồn phát khu vực phía Nam, các nhà máy điện của PV Power vẫn sẽ chiếm lợi thế về khả năng được huy động ở mức cao.

c. Về hoạt động trong thị trường điện

Theo lộ trình thị trường điện do Chính phủ phê duyệt: thị trường điện Việt Nam đi qua các cấp độ sau:

Cấp độ 1: Thị trường phát điện cạnh tranh (VCGM: Vietnam Competitive Generation Market): đang thực hiện.

Đối với PV Power, thuận lợi từ việc tham gia thị trường phát điện cạnh tranh từ những ngày đầu đã giúp Tổng công ty thu được nhiều kinh nghiệm, từng bước nâng cao mức độ am hiểu thị trường và năng lực của đội ngũ cán bộ phụ trách công tác thị trường điện đã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Tổng công ty. Hiện tại, PV Power đang có 05 nhà máy tham gia thị trường điện (gồm: Nhà máy Nhiệt điện khí Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2; Nhà máy thủy điện Hòa Na, Đakđrinh và Nhà máy Nhiệt điện than Vũng Áng 1), việc chào giá và tham gia thị trường phát điện cạnh tranh hiệu quả là một bước chuẩn bị tốt cho việc bước sang các giai đoạn tiếp theo của thị trường điện.

Cấp độ 2: Thị trường bán buôn điện cạnh tranh (VWEM: Vietnam Wholesale Electricity Market)

- Thí điểm từ 2016-2018
- Hoàn chỉnh (dự kiến) từ 2019-2021.

Ngày 24/8/2018, Bộ Công Thương đã phê duyệt phương án triển khai thực hiện Thị trường bán buôn điện cạnh tranh năm 2019, theo đó các nhà máy điện Phú Mỹ 1 và Phú Mỹ 4 tiếp tục được phân bổ sản lượng hợp đồng cho 05 Tổng công ty điện lực. Các nhà máy điện mới: Vĩnh Tân 4, Thái Bình 1, Vĩnh Tân 4 mở rộng, Duyên Hải 3 cũng sẽ được phân bổ sản lượng hợp đồng cho 05 Tổng Công ty điện lực. Trong thời gian tới, khi bước sang giai đoạn thị trường bán buôn thanh toán thực và thị trường bán buôn điện hoàn chỉnh, các nhà máy điện của PV Power với công suất lớn, nhiên liệu ổn định, nằm trong khu vực có nhu cầu điện cao...vẫn sẽ là đối tượng ưu tiên và có nhiều tiềm năng để giao dịch với các Tổng công ty Điện lực và các khách hàng lớn.

Cấp độ 3: Thị trường bán lẻ điện cạnh tranh (VCRM: Vietnam Competitive Retail Market)

- Thí điểm từ 2021-2023,
- Hoàn chỉnh từ 2023.

Trong giai đoạn cuối của lộ trình phát triển thị trường điện, PV Power được dự đoán vẫn sẽ có ưu thế trên thị trường và tiến tới tham gia cạnh tranh khâu bán lẻ.

Với vị thế là nhà sản xuất điện lớn tham gia vào thị trường cạnh tranh và góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, PV Power luôn nhận được sự quan tâm của Đảng, Chính Phủ, các Bộ, Ngành và Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Tổng công ty

Tổng số lao động của Tổng công ty tại ngày 01/07/2018 là 1.206 người. Đội ngũ cán bộ nhân viên phát triển song song với quy mô ngày càng mở rộng của Tổng công ty, trong đó trên 69% lao động có trình độ đại học và trên đại học; đội ngũ cán bộ, chuyên gia kỹ thuật của PV Power dù còn trẻ nhưng đã sớm làm chủ được công nghệ, vận hành thông suốt các nhà máy điện.

Cơ cấu lao động chi tiết được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 25: Cơ cấu lao động của Tổng công ty tại thời điểm 01/07/2018

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ lao động	1.206	100%
- Đại học và trên đại học	837	69,4%
- Cao đẳng	141	11,69%
- Trung cấp	21	1,74%

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
- Công nhân kỹ thuật và Lao động phổ thông	207	17,16%
Theo hợp đồng lao động	1.206	100%
- Diện không phải ký hợp đồng lao động (người quản lý)	16	1,33%
- Hợp đồng không xác định thời hạn	869	72,06%
- Hợp đồng có thời hạn từ đủ 1 năm đến 3 năm	318	26,37%
- Hợp đồng có thời hạn dưới 1 năm	3	0,25%
Theo giới tính	1.206	100%
- Nam	972	80,6%
- Nữ	234	19,4%
Lao động nghỉ việc	0	0%

Nguồn: PV Power

9.2.Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Thời giờ làm việc bình thường của mỗi CBCNV không quá 08 giờ trong 01 ngày, 48 giờ trong 01 tuần (đối với người lao động làm các công việc không đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm).

Công ty luôn đảm bảo để người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Pháp luật như: nghỉ phép, ốm, thai sản, hưu trí, trợ cấp thôi việc,

Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Hàng năm xây dựng kế hoạch tuyển dụng, tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho lực lượng cán bộ quản lý các cấp đương nhiệm và cán bộ quy hoạch các kiến thức quản lý doanh nghiệp toàn diện (xây dựng chiến lược, quản trị tài chính, quản trị nhân sự, quản lý đầu tư, thương mại quốc tế...) để lực lượng này có trình độ, năng lực tổ chức và chỉ đạo điều hành thực hiện hiệu quả các kế hoạch sản xuất kinh doanh, có tinh thần trách nhiệm, sáng tạo và thích ứng với những thay đổi;

Thường xuyên tổ chức các chương trình trong nước và ngoài nước để đào tạo kỹ sư tài năng, chuyên gia kỹ thuật với mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật hiểu biết rộng về lý thuyết cơ sở và sâu về kiến thức chuyên môn, nắm bắt công nghệ mới, có kỹ năng phân tích, chẩn đoán, suy xét để giải quyết các tình huống phức tạp. Chú trọng đào tạo chuyên gia trong các lĩnh vực mũi nhọn như quản lý hệ thống điện, tự động hóa và công nghệ thông tin...

Đổi mới hình thức đào tạo: chú trọng đào tạo lại, đào tạo nâng cao đối với lực lượng lao động trực tiếp quản lý kỹ thuật - vận hành về nghiệp vụ và chuyên môn bằng các chương trình đào tạo phù hợp, thiết thực, hiệu quả trong khuôn khổ kinh phí đào tạo hàng năm của đơn vị. Tổ

chức thường xuyên các buổi bồi huấn chuyên môn, nghiệp vụ, truyền đạt kinh nghiệm vận hành thực tiễn cho các công nhân, kỹ sư tại các phân xưởng, tổ đội sản xuất. Tổ chức thường xuyên sát hạch trình độ, kỹ năng cho lực lượng vận hành để đảm bảo đủ năng lực thực hiện công việc theo quy trình, quy phạm.

Chính sách lương, thưởng, trợ cấp và phúc lợi ưu đãi:

Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách tiền lương theo vị trí chức danh công việc, gắn với thành tích công tác, kinh nghiệm, năng lực của từng người lao động đóng góp cho Công ty. Cơ chế trả lương, thưởng minh bạch, rõ ràng, phản ánh đúng trách nhiệm và mức độ phức tạp công việc, gắn với hiệu quả năng suất và chất lượng thực hiện công việc, có chế độ đãi ngộ phù hợp đối với lực lượng lao động chất lượng cao để thu hút và xây dựng được đội ngũ chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực sản xuất - kinh doanh. Hàng năm, căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh và chủ trương của Ban điều hành, Công ty đều tiến hành rà soát, điều chỉnh các quy định trả lương kịp thời để tiền lương thực sự là đòn bẩy tăng năng suất lao động, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Mức tăng lương hàng năm dựa vào thành tích của nhân viên và kết quả kinh doanh của Công ty. Xây dựng cơ chế đánh giá kết quả thực hiện công việc theo hiệu quả, năng suất và chất lượng trên cơ sở đưa vào áp dụng hệ thống bảng điểm cân bằng (Balanced Scorecard-BSC) và hệ thống chỉ số đo lường hiệu suất (Key Performance Indicator - KPI);

Áp dụng cơ chế tiền lương đối với người quản lý gắn với kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh (doanh thu, lợi nhuận...), năng suất lao động của đơn vị;

Chính sách khen thưởng: hàng năm Công ty có chế độ thưởng khuyến khích tăng năng suất lao động theo kết quả SXKD hàng quý/06 tháng và thưởng cuối năm.

Thưởng khuyến khích tăng năng suất lao động được áp dụng cho CBCNV khi hoàn thành hoặc vượt năng suất trong từng giai đoạn khác nhau với các mức thưởng khác nhau và được điều chỉnh theo từng thời điểm.

Thưởng hàng năm được căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh hàng năm của Công ty và mức độ hoàn thành công việc của người lao động, người sử dụng lao động thưởng cho người lao động làm việc tại Công ty theo phòng ban/vị trí cụ thể.

Chính sách đối với người lao động: Đảm bảo người lao động trong Công ty được hưởng đầy đủ các chính sách, chế độ theo đúng quy định của Nhà nước và Thỏa ước lao động tập thể. Luôn quan tâm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tạo môi trường và điều kiện lao động thoải mái, hợp vệ sinh, tổ chức các phong trào văn hóa văn nghệ thể thao... tạo không khí vui tươi phấn khởi. Ngoài ra người lao động còn được hưởng một số hỗ trợ khác như sinh con, hiếu hỉ, sinh nhật, ..., mức hỗ trợ được thay đổi theo từng thời kỳ phù hợp với tình hình thực tế.

Công ty luôn thực hiện tốt chế độ bảo hiểm y tế, khám chữa bệnh; trang bị đầy đủ dụng cụ, phương tiện AT-BHLĐ cho người lao động.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị Công ty đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.
- Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng công ty.
- Tổng công ty chuyển đổi thành Công ty cổ phần bắt đầu từ ngày 01/7/2018 do đó chưa thực hiện chi trả cổ tức lần nào.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND), được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

❖ Trích khấu hao tài sản cố định

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.
- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc và thiết bị	7 – 20
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị văn phòng	3 – 5
Tài sản cố định khác	3 – 5

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán 6 tháng 2018 (chuyển giao doanh nghiệp) của PV Power

- Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất lâu dài không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

❖ **Mức lương bình quân**

Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2017 và 6 tháng đầu năm 2018 là 25,8 triệu đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập tương đương với các doanh nghiệp khác trong ngành, phù hợp với kinh nghiệm và trình độ của lao động Tổng công ty.

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Các khoản nợ đến hạn luôn được Tổng Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc khế ước tiền vay. Tổng Công ty hiện không có khoản nợ quá hạn nào tính đến thời điểm lập Bản cáo bạch này.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty thực hiện nghiêm túc việc khai, nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế Giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhà đất, tiền thuê đất và các loại thuế khác theo quy định của Nhà nước. Các mức thuế suất đang áp dụng cho Công ty là:

- Thuế Giá trị gia tăng đối với mặt hàng kinh doanh là 10%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Theo Luật doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ của Công ty quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và theo pháp luật hiện hành, cụ thể như sau:

Bảng 26: Số dư các quỹ Công ty mẹ PV Power

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ				
	31/12/ 2016	31/12/ 2017	30/06/ 2018 (đã soát xét)	30/06/ 2018 (đã kiểm toán)	30/09/2018
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	78.823	128.733	128.733	128.733	128.733
Quỹ khen thưởng phúc lợi	122.991	151.461	94.031	102.088	27.552
Quỹ đầu tư phát triển	939.892	1.519.448	1.559.020	0	0
Tổng	1.141.706	1.799.642	1.781.784	230.821	156.285

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2016, 2017, BCTC riêng đã soát xét 6 tháng đầu năm 2018 và BCTC riêng đã kiểm toán 6 tháng 2018 (chuyển giao doanh nghiệp) của PV Power, BCTC riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2018 của PV Power.

Bảng 27: Số dư các quỹ PV Power hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Hợp nhất				
	31/12/ 2016	31/12/ 2017	30/06/ 2018 (đã soát xét)	30/06/ 2018 (chuyển đổi)	30/09/ 2018
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	122.037	171.199	170.732	170.732	170.532
Quỹ khen thưởng phúc lợi	148.375	174.367	123.608	131.665	49.194
Quỹ đầu tư phát triển	1.037.876	1.618.253	1.659.876	100.794	100.794
Tổng	1.308.288	1.963.819	1.954.216	403.191	320.520

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017, BCTC hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2018 và BCTC và hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2018 của PV Power.

Lưu ý: PV Power đã thực hiện kết chuyển khoản mục Quỹ đầu tư phát triển để tăng đủ số vốn điều lệ của Tổng công ty sau cổ phần hóa theo phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt tại Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 08/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam. Sau khi Tổng công ty ghi nhận tăng đủ số vốn điều lệ của Tổng công ty sau cổ phần hóa là 23.418.716.000.000 đồng, số tiền còn lại của Quỹ đầu tư phát triển được kết chuyển sang khoản mục phải trả cổ phần hóa cho chủ sở hữu. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền. Do vậy, Quỹ đầu tư phát triển của Công ty mẹ Tổng công ty tại BCTC chuyển đổi 30/06/2018 (đã kiểm toán) và BCTC 9 tháng là 0 đồng.

❖ Tổng dư nợ vay

Công ty không có nợ quá hạn tại ngày 30/9/2018. Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn được báo cáo chi tiết tại BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2017, BCTC riêng và hợp nhất đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2018 của PV Power, BCTC riêng và hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2018 của PV Power. Chi tiết nợ vay ngắn và dài hạn như sau:

Bảng 28: Thông tin chi tiết nợ vay ngắn hạn của PV Power tại 31/12/2017, 30/06/2018 và 30/9/2018

Đơn vị: Triệu đồng

	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2017	30/06/2018	30/09/2018	31/12/2017	30/06/2018	30/09/2018
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	-	-	108.588	61.887	77.959
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	-	-	6.475	-	6.423
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	-	21.204	16.105	28.123

	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2017	30/06/2018	30/09/2018	31/12/2017	30/06/2018	30/09/2018
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	-	-	-	-
Vay cá nhân	-	-		3.150	100	
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (1)	-	1.900.315	1.185.592	-	1.900.315	1.185.592
Ngân hàng CitiBank (2)	-	487.149	495.000	-	487.149	495.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (3)	-	707.770	780.078	-	707.770	780.078
Vay dài hạn đến hạn trả	4.056.955	3.966.577	4.026.593	5.959.085	5.889.242	5.861.499
Tổng	4.056.955	7.061.811	6.487.264	6.098.503	9.062.569	8.434.676

Nguồn: BCTC riêng và BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017, BCTC riêng và hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2018 và BCTC riêng đã kiểm toán 6 tháng 2018 (chuyển giao doanh nghiệp) của PV Power, BCTC riêng và hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2018 của PV Power.

- (1) Phản ánh khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) theo Hợp đồng tín dụng số MMD201812051281 ngày 30 tháng 3 năm 2018 với hạn mức tín dụng là 2.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh điện. Lãi suất cho vay được thỏa thuận theo từng lần giải ngân.
- (2) Phản ánh khoản vay Ngân hàng Citibank – Chi nhánh Hà Nội, theo Hợp đồng tín dụng ngày 10 tháng 4 năm 2018 với hạn mức tín dụng là 21.900.000 USD. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được thỏa thuận theo từng lần giải ngân.
- (3) Phản ánh khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh, theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/3236045 ngày 26 tháng 4 năm 2018 với hạn mức tín dụng là 1.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán. Lãi suất cho vay được thỏa thuận theo từng lần giải ngân.

**Bảng 29: Thông tin chi tiết nợ vay dài hạn của PV Power tại
31/12/2017, 30/06/2018 và 30/09/2018**

Đơn vị: Triệu đồng

	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2017	30/06/2018	30/09/2018	31/12/2017	30/06/2018	30/09/2018
Ngân hàng HSBC - khoản vay tài trợ cho NMNĐ Vũng Áng 1 (1)	10.469.903	9.198.171	9.296.304	10.469.903	9.198.171	9.296.304

	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2017	30/06/2018	30/09/2018	31/12/2017	30/06/2018	30/09/2018
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản - khoản vay tài trợ cho NMNĐ Vũng Áng 1 (1)	980.311	901.219	824.190	980.311	901.219	824.191
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (2)	1.868.440	1.783.511	1.698.582	1.868.440	1.783.511	1.698.582
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (3)	1.236.521	937.825	952.964	1.237.515	945.621	961.704
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (4)	843.130	803.639	803.639	843.130	803.639	803.639
Ngân hàng Credit Agricole CIB (5)	263.481	133.223	135.373	263.481	133.223	-
Ngân hàng Citibank				3.697.773	3.153.659	3.202.679
Ngân hàng Credit Agricole Corporate and Investment				2.913.712	2.719.840	2.763.747
Ngân hàng Phát triển Việt Nam				1.472.339	1.362.339	1.272.339
Ngân hàng TMCP An Bình				432.485	419.985	417.485
Ngân hàng TMCP Quân đội				306.730	300.291	293.853
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam				233.703	215.727	206.739
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng				17.241	14.778	13.546
Vay cá nhân				880	-	-
Tổng	15.661.786	13.757.587	13.711.053	24.737.642	21.952.002	21.890.181

Nguồn: BCTC riêng và BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017, BCTC riêng và hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2018 và BCTC riêng đã kiểm toán 6 tháng 2018 (chuyển giao doanh nghiệp) của PV Power, BCTC riêng và hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2018 của PV Power.

(1) Theo Nghị quyết số 753/NQ-DKVN ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“Tập đoàn”), Tập đoàn chấp thuận bàn giao tài sản Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Sân phân phối 500kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng cho Tổng Công ty từ 24h ngày 31 tháng 12 năm 2015. Theo đó, Tập đoàn chuyển cho Tổng Công ty các hợp đồng vay có gốc USD tài trợ cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 764.516.576,33 USD (tương đương 16.034.180.412.163 VND). Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, số dư của các khoản vay này là 440.636.546,06 USD (tương đương 10.099.389.636.037 VND, trong đó, lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh tại thời điểm cuối kỳ do đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ này và được ghi nhận vào kết

quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018 là 112.362.154.363 VND). Định kỳ đến hạn trả nợ, Tổng Công ty chuyên tiền về Tập đoàn để thực hiện trả nợ gốc, lãi các khoản vay này cho Ngân hàng.

- (2) Phản ánh khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVcomBank) theo Hợp đồng tín dụng số 06/2016/PVPower/HĐCV/PVBHO ngày 23 tháng 5 năm 2016 với tổng số tiền vay là 2.038.298.426.086 VND. Thời hạn vay là 12 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 09 tháng 8 năm 2016) để thực hiện nhận chuyển giao Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Sân phân phối 500kV Trung tâm điện lực Vũng Áng. Lãi suất cho vay trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên cố định là 8%/năm, lãi suất sau khi kết thúc 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 2,35%/năm, trong đó lãi suất tham chiếu là trung bình lãi suất huy động vốn cá nhân bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau theo thông báo của 05 Ngân hàng (Vietcombank, BIDV, Agribank, Vietinbank và PvcomBank). Lãi suất cho vay được điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ ngày kế tiếp ngày kết thúc thời hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Nợ gốc được trả định kỳ 6 tháng/lần, lãi vay được trả theo các kỳ hạn tính lãi vào ngày cuối cùng của mỗi kỳ hạn tính lãi, với mỗi kỳ tính lãi là 6 tháng liên tiếp nhau. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (3) Tổng Công ty được Tập đoàn ủy quyền chịu trách nhiệm về hợp đồng tín dụng dài hạn với số tiền 270.000.000 USD, ký giữa Tập đoàn và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, trong đó Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam là ngân hàng đầu mối. Khoản vay này để phục vụ cho dự án Nhà máy Điện Cà Mau 1 bao gồm: (a) Khoản vay thứ nhất với số tiền 198.140.214,94 USD chịu lãi suất là bình quân lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm USD kỳ hạn 6 tháng trả lãi sau của 5 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Sở Giao dịch, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 Thành phố Hồ Chí Minh cộng (+) 1,7%/năm; (b) Khoản vay thứ hai với số tiền 71.859.785,06 USD chịu lãi suất là bình quân lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của 5 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Sở Giao dịch, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 Thành phố Hồ Chí Minh cộng (+) 2,5%/năm. Toàn bộ gốc vay sẽ được trả làm 20 lần bằng nhau, 6 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng bảo lãnh không hủy ngang của Bộ Tài chính cho 100% giá trị khoản vay (bao gồm nợ gốc, nợ lãi).
- (4) Vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) bao gồm 2 hợp đồng:
Hợp đồng vay SHB để tài trợ cho dự án nâng công suất Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1. Hạn mức vay 76.200.000.000 VND. Thời hạn vay 9 năm kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên,

thời gian ân hạn 1 năm. Lãi suất năm đầu cố định là 7%/năm, năm thứ 2 cố định là 7,5%, từ năm thứ 3 trở đi lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng tại SHB cộng biên độ 1,5%. Lãi vay trả 6 tháng/lần trùng với thời gian trả gốc. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Hợp đồng vay SHB theo Hợp đồng tín dụng số 470/2016/HĐTDDH-PVPOWER/SHB.110100 ngày 28 tháng 11 năm 2016 để thực hiện nhận chuyển giao Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Sân phân phối 500kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng với tổng số tiền vay là 2.000.000.000.000 VND. Thời hạn vay của hợp đồng là 12 năm kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên (ngày 30 tháng 11 năm 2016). Lãi suất trong 02 năm đầu cố định là 8%/năm, lãi suất áp dụng từ năm thứ 3 trở đi bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 2,15%/năm, trong đó lãi suất tham chiếu bằng trung bình lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau của 04 Ngân hàng (Vietcombank, Vietinbank, Agribank và SHB) được công bố tại thời điểm điều chỉnh. Lãi vay trả 6 tháng/lần trùng với thời gian trả gốc. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

- (5) Vay dài hạn từ Ngân hàng Credit Agricole CIB (trước đây là Ngân hàng Calyon) bao gồm hợp đồng sau:

Hợp đồng thương mại bổ sung cho Hợp đồng tín dụng xuất khẩu giữa Tập đoàn với Ngân hàng Credit Agricole CIB, Ngân hàng KfW và Ngân hàng BNP Paribas, trong đó Ngân hàng Credit Agricole CIB là ngân hàng đầu mối. Theo đó, Tập đoàn được phép rút tối đa 116.500.000 USD để trả cho 15% giá trị hàng hóa, dịch vụ từ Đức, 100% giá trị hàng hóa, dịch vụ từ nước ngoài trừ nước Đức và 100% giá trị hàng hóa, dịch vụ từ Việt Nam và các chi phí khác liên quan đến Nhà máy Điện Cà Mau 2. Khoản vay chịu lãi suất cố định 5,9%/năm và phí bảo lãnh Chính phủ 0,25%/năm trên số dư nợ giảm dần, thanh toán làm 20 lần, 6 tháng một lần trong vòng 10 năm kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2009. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, số dư khoản vay này tại Tổng Công ty là 5.812.500 USD, tương đương 133.222.500.000 VND. Bắt đầu từ kỳ trả nợ ngày 26 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty chuyển tiền về Tập đoàn để thực hiện trả nợ gốc, lãi của khoản vay này cho Ngân hàng.

❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

Bảng 30: Tình hình công nợ hợp nhất của PV Power

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Hợp nhất				
	31/12/2016	31/12/2017	30/6/2018 (đã soát xét)	30/6/2018 (chuyển đổi)	30/9/2018
Các khoản phải thu	10.433.528	6.783.281	9.739.084	9.762.511	6.288.541
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	9.827.335	6.507.249	9.502.785	9.508.254	5.917.864
Trả trước cho người bán ngắn hạn (1)	256.677	118.597	126.272	126.272	220.923

Chỉ tiêu	Hợp nhất				
	31/12/2016	31/12/2017	30/6/2018 (đã soát xét)	30/6/2018 (chuyển đổi)	30/9/2018
Phải thu ngắn hạn khác	323.650	338.832	321.321	324.963	355.166
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(178.023)	(220.803)	(251.440)	(237.125)	(245.557)
Phải thu dài hạn của khách hàng	164.487	-	740	740	740
Phải thu dài hạn khác	39.401	39.407	39.407	39.407	39.407
Các khoản phải trả	12.378.858	7.982.409	11.871.215	12.887.131	10.386.166
Phải trả người bán ngắn hạn	6.168.777	5.041.088	6.736.089	6.736.331	5.035.304
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	4.069	7.332	7.272	7.272	11.017
Thuế và các khoản phải nộp cho NN	375.325	150.588	267.032	268.690	246.006
Phải trả người lao động	209.038	201.112	74.294	106.916	158.346
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.656.589	1.380.403	1.985.988	1.993.946	1.765.800
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn (2)	-	98	629	629	1.835
Phải trả ngắn hạn khác	714.114	331.953	1.526.704	2.506.920	2.110.602
Dự phòng phải trả ngắn hạn (3)	913.551	482.860	824.232	809.394	617.583
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	148.375	174.367	123.608	131.665	49.194
Phải trả dài hạn khác	718	636	766	766	800
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	12.958	6.933	-	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	53.305	33.841	153.869	153.869	219.145
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	122.037	171.199	170.732	170.732	170.532

Nguồn: BCTC BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017, BCTC hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2018 và BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2018 của PV Power.

Lưu ý:

(1) Trả trước cho người bán - Thuyết minh cho 3.2. Báo cáo tài chính (BCTC) hợp nhất kỳ 01/7/2018 đến 30/9/2018

Trả trước cho người bán ngắn hạn (220.923 triệu đồng) tại 30/9/2018 bao gồm

Đơn vị: Triệu đồng

Trả trước cho khách hàng khác	215.140
Trả trước cho nhà thầu xây lắp	49.586
Trả trước cho người bán hàng hóa dịch vụ	165.555
Trả trước cho khách hàng là bên liên quan	5.782
Viện Dầu khí Việt Nam	263
TCT Bảo dưỡng SC Công trình DK	2.647
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	30
TCT Dung dịch khoan và hóa phẩm Dầu Khí -CTCP	2.842
Tổng cộng	220.923

(2) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn: 1.835 triệu đồng là khoản doanh thu chưa thực hiện của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (công ty con của PV Power).

(3) Dự phòng phải trả ngắn hạn tại 30/9/2018 (617.583 triệu đồng) và Dự phòng phải trả dài hạn tại 30/9/2018 (219.145 đồng)

Đơn vị: Triệu đồng

	Số tiền
Dự phòng phải trả ngắn hạn	617.583
Công ty ĐLDK Cà Mau	311.373
Công ty ĐLDK Hà Tĩnh	305.842
Công ty CPDVKT Dầu khí (PVPS)	368
Dự phòng phải trả dài hạn	219.145
Công ty CP ĐLDK Nhơn Trạch 2	31.268
Công ty ĐLDK Cà Mau	5.493
Công ty ĐLDK Nhơn Trạch	182.384
Tổng cộng	836.728

Dự phòng phải trả phản ánh chi phí bảo trì, sửa chữa được Tổng Công ty trích trước cho Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2, Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1, Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 2 và Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1.

- Chi phí bảo trì, sửa chữa của Nhà máy Điện Cà Mau 1 được xác định theo Hợp đồng về “Công tác bảo trì, sửa chữa Nhà máy Điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2 trong giai đoạn 100.000 giờ hoạt động quy đổi (EOH) đầu tiên” giữa Tổng Công ty Điện lực Dầu khí

Việt Nam và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam. Mức phí bảo trì và sửa chữa quy định trong Hợp đồng sửa đổi số 4 là tổng của 1.288.839,16 EUR và 493.626.306.629 VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng), được Tổng Công ty phân bổ trong thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2017 đến ngày 31 tháng 7 năm 2020.

- Chi phí bảo trì, sửa chữa của Nhà máy Điện Cà Mau 2 được xác định theo Quyết định số 08/QĐ-ĐLĐK-HĐTV ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty về việc phê duyệt phạm vi công việc và dự toán chi phí trung tu Nhà máy Điện Cà Mau 2 tại 75.000 EOH trong năm 2018 là 305.007.711.522 VND (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) và nguồn vốn thực hiện là nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.
- Chi phí bảo trì, sửa chữa trích trước của Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1 được xác định là chi phí kỳ thanh tra C của Hợp đồng số 38/PVP-PVPS/2010/LTMA-NT1 tháng 8 năm 2010 về bảo trì, sửa chữa Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1 trong giai đoạn 108.000 giờ hoạt động quy đổi (EOH) đầu tiên giữa Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam. Mức phí bảo trì và sửa chữa quy định trong Hợp đồng là tổng của 115.104.610,6 EUR và 508.067.920.553 VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng), được Tổng Công ty phân bổ trong thời gian 144 tháng.
- Chi phí bảo trì, sửa chữa của Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 được xác định theo Quyết định số 599/QĐ-ĐLĐK-HĐTV ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty về việc phê duyệt dự toán chi phí sửa chữa định kỳ Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 năm 2018.
- Chi phí bảo trì, bảo dưỡng định kỳ của nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 2 được trích trên cơ sở Thỏa thuận chuyển giao và Hợp đồng sửa đổi của Hợp đồng sửa chữa dài hạn Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 cho công tác bảo trì máy móc, thiết bị chính của Nhà máy điện Chu trình hỗn hợp trong thời hạn 11,7 năm hoặc 100.000 giờ EOH cho mỗi tổ máy.

Bảng 31: Tình hình công nợ Công ty mẹ PV Power

Chỉ tiêu	Công ty mẹ				
	31/12/2016	31/12/2017	30/06/2018 (đã soát xét)	30/06/2018 (đã kiểm toán)	30/09/2018
Các khoản phải thu	6.231.936	4.519.623	7.614.544	7.637.994	4.373.480
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (1)	5.717.850	4.163.360	6.503.640	6.509.133	3.897.991
Trả trước cho người bán ngắn hạn (2)	142.397	42.794	60.388	60.388	156.784
Phải thu ngắn hạn khác (3)	383.566	322.154	1.064.610	1.068.253	327.493
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(12.097)	(8.906)	(14.315)	-	(9.007)
Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-	-	-
Phải thu dài hạn khác	220	220	220	220	220

Chỉ tiêu	Công ty mẹ				
	31/12/2016	31/12/2017	30/06/2018 (đã soát xét)	30/06/2018 (đã kiểm toán)	30/09/2018
Các khoản phải trả	6.089.570	3.768.262	6.392.980	7.408.920	6.058.223
Phải trả người bán ngắn hạn	2.606.667	2.170.887	3.275.156	3.275.422	2.124.226
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.162	2.162	1.710	1.710	1.732
Thuế và các khoản phải nộp cho NN	46.566	10.525	79.015	80.673	55.479
Phải trả người lao động	149.206	139.774	32.058	64.680	114.144
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.537.281	376.852	894.941	902.899	771.775
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác (5)	602.866	294.798	937.882	1.918.098	2.029.472
Dự phòng phải trả ngắn hạn (6)	913.551	482.492	823.865	809.026	617.215
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	122.991	151.461	94.031	102.088	27.553
Phải trả dài hạn khác	19	19	19	19	19
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn (6)	29.439	10.560	125.572	125.572	187.877
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	78.823	128.733	128.733	128.733	128.733

Nguồn: BCTC riêng và BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017, BCTC riêng và hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2018 và BCTC riêng đã kiểm toán 6 tháng 2018 (chuyển giao doanh nghiệp) của PV Power, BCTC riêng và hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2018 của PV Power.

(1) Tại Báo cáo tài chính Công ty mẹ PV Power đã soát xét 30/06/2018, trong khoản mục Phải thu của khách hàng ngắn hạn chủ yếu là khoản phải thu tiền điện của Công ty Mua bán điện (EVN/EPTC) với giá trị là 6.446 tỷ đồng tại 30/06/2018. Trong đó, số dư tiền điện Công ty Mua bán Điện chưa thanh toán cho Tổng Công ty phát sinh từ việc chưa thống nhất về tỷ giá áp dụng cho giá bán điện hàng tháng là khoảng 280,5 tỷ VND.

Theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước tại Công văn số 961/NHNN-QLNH ngày 9 tháng 02 năm 2018 về việc điều chỉnh giá bán điện của Nhà máy Điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2 để đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, Công ty Mua bán Điện đã gửi Công văn số 2057/EPTC-KDMĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 cho Tổng Công ty về việc đàm phán giá điện Hợp đồng mua bán điện Nhà máy điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2 và đề nghị tạm thanh toán cho giá bán điện hàng tháng trên cơ sở tỷ giá là 15.894 VND/USD (tỷ giá tại thời điểm ký Hợp đồng mua bán điện năm

2008), bắt đầu từ tháng 02 năm 2018. Tuy nhiên, Tổng Công ty không đồng ý với đề nghị của Công ty Mua bán Điện và vẫn đang áp dụng tỷ giá trung tâm tại ngày xuất hóa đơn cho giá bán điện hàng tháng (theo quy định tại hợp đồng mua bán điện – PPA hiện hành). Tại ngày 30/9/2018, số dư tiền điện Công ty Mua bán Điện chưa thanh toán cho Tổng Công ty phát sinh từ việc chưa thống nhất về tỷ giá áp dụng cho giá bán điện hàng tháng là khoảng 452,5 tỷ đồng.

Hiện nay, Tổng Công ty và Công ty Mua bán Điện vẫn đang tiếp tục làm việc về tỷ giá áp dụng cho giá bán điện hàng tháng.

(2) Trả trước cho người bán

Đơn vị: Triệu đồng

	30/09/2018	01/07/2018
1. Trả trước các bên liên quan	21.803	12.507
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	11.966	7.902
Công ty CP Máy-Thiết bị Dầu khí	3.379	
Tổng công ty Bảo dưỡng sửa chữa công trình Dầu khí - Công ty CP	3.354	667
Tổng công ty Dung dịch khoan và hóa phẩm Dầu khí	2.842	3.675
Viện Dầu khí Việt Nam	263	263
2. Trả trước khác	134.980	47.881
Tổng cộng	156.784	60.388

(3) Tại BCTC Công ty mẹ PV Power đã soát xét 30/06/2018, khoản mục Phải thu ngắn hạn khác có khoản phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với giá trị là 219,5 tỷ đồng tại 30/06/2018. Khoản mục này giải thích như sau:

Số dư phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chủ yếu phản ánh khoản phải thu phần giá trị Sân phân phối 500 kV phân bổ cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và phí bảo hiểm tài sản của Sân phân phối 500 kV đã bàn giao về Tập đoàn theo Nghị quyết số 8642/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc chấp thuận nhận lại giá trị tài sản Sân phân phối 500kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng đã chuyển giao cho Tổng Công ty tại Nghị quyết số 753/NQ-DKVN ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tập đoàn đã chấp thuận thanh toán với Tổng công ty khi hoàn thành việc chuyển giao sân phân phối 500kv cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Đến 30/9/2018, số dư phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam vẫn là 219,5 tỷ đồng, PV Power đang tiếp tục thực hiện quyết toán với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam khoản phải thu này.

- (4) Tại BCTC Công ty mẹ PV Power đã soát xét 30/06/2018 và BCTC Công ty mẹ PV Power 30/9/2018, khoản mục Phải thu ngắn hạn khác có khoản phải thu Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch với giá trị là 44,7 tỷ đồng tại 30/06/2018 và tại 30/9/2018. Khoản mục này giải thích như sau:

Phải thu Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch chủ yếu phản ánh khoản phải thu chi phí hoạt động của Ban Chuẩn bị Sản xuất Vũng Áng 1, chi phí đào tạo học viên Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng.

Khoản phải thu này dự kiến sẽ được cân trừ vào công nợ phải trả Ban Quản lý/Tập đoàn Dầu khí phát sinh trong giai đoạn bàn giao nhà máy điện Vũng Áng 1 khi Quyết toán dự án được phê duyệt.

- (5) Tại Báo cáo tài chính Công ty mẹ PV Power đã soát xét 30/06/2018, khoản mục Chi phí trả trước có khoản trả trước đối với Chi phí sửa chữa bảo dưỡng hợp đồng O&M với giá trị là 92,2 tỷ đồng tại 30/06/2018. Khoản mục này giải thích như sau:

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng hợp đồng O&M phản ánh số tiền thanh toán phí huy động cho nhà thầu nước ngoài và giá trị còn lại của Hợp đồng “Tiểu tu năm 2008” chưa phân bổ vào chi phí sửa chữa bảo dưỡng hợp đồng O&M Nhà máy Điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2 với số tiền lần lượt là 83.175.178.991 VND và 9.037.816.009 VND. Phí huy động và Hợp đồng “Tiểu tu năm 2008” này được phân bổ vào chi phí theo giá trị hợp đồng tương ứng với thời gian quy đổi 100.000 EOH.

Đến 30/9/2018, số tiền thanh toán phí huy động cho nhà thầu nước ngoài và giá trị còn lại của Hợp đồng “Tiểu tu năm 2008” chưa phân bổ vào chi phí bảo dưỡng sửa chữa hợp đồng O&M nhà máy điện Cà Mau 1 và nhà máy điện Cà Mau 2 với số tiền lần lượt là 71.293.010.561 đồng và 7.746.699.433 đồng.

- (6) Dự phòng phải trả ngắn và dài hạn

Đơn vị: Triệu đồng

	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018
Số đầu kỳ/năm	934.598	493.052
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ/năm	194.884	845.334
(Hoàn nhập) dự phòng		-39.780
Các khoản dự phòng đã sử dụng	-324.390	-364.008
Số cuối kỳ/năm	805.092	934.598
Chi tiết		
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Dự phòng phải trả ngắn hạn	617.215	809.026

Dự phòng phải trả dài hạn	187.877	125.572
	805.092	934.598

(7) Tại Báo cáo tài chính Công ty mẹ PV Power đã kiểm toán 30/06/2018, khoản mục Phải trả ngắn hạn khác có khoản phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với giá trị là 1.860 tỷ đồng tại 30/06/2018. Khoản mục này bao gồm lợi nhuận còn phải nộp PVN năm 2017 là 203 tỷ và lợi nhuận phải nộp PVN 6 tháng 2018 (Sau khi xử lý tài chính theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP). Do chưa quyết toán xong chi phí cổ phần hóa tại thời điểm chuyển đổi thành công ty cổ phần nên khoản phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại 30/9/2018 vẫn là 1.860 tỷ đồng.

❖ *Các khoản dự phòng phải trả*

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản dự phòng phải trả phản ánh chi phí bảo trì, sửa chữa của Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2, Nhà máy Điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 1, Nhà máy Điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 được xác định theo hợp đồng, dự toán công tác bảo trì, sửa chữa (hợp đồng O&M) và kế hoạch sửa chữa các nhà máy điện này. Theo Báo cáo tài chính Công ty mẹ PV Power đã soát xét 30/06/2018, các khoản dự phòng phải trả như sau:

- Chi phí bảo trì, sửa chữa của Nhà máy Điện Cà Mau 1 được xác định theo Hợp đồng về “Công tác bảo trì, sửa chữa Nhà máy Điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2 trong giai đoạn 100.000 giờ hoạt động quy đổi (EOH) đầu tiên” giữa Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam. Mức phí bảo trì và sửa chữa quy định trong Hợp đồng sửa đổi số 4 là tổng của 1.288.839,16 EUR và 493.626.306.629 VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng), được Tổng Công ty phân bổ trong thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2017 đến ngày 31 tháng 7 năm 2020.
- Chi phí bảo trì, sửa chữa của Nhà máy Điện Cà Mau 2 được xác định theo Báo cáo số 05/BC-KTKH ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc Dự toán chi phí trung tu Nhà máy Điện Cà Mau 2 tại 75.000 EOH trong năm 2018. Tổng dự toán chi phí trung tu Nhà máy Điện Cà Mau 2 tại 75.000 EOH năm 2018 là 274.818.367.311 VND (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) và nguồn vốn thực hiện là nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.
- Chi phí bảo trì, sửa chữa trích trước của Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1 được xác định là chi phí kỳ thanh tra C của hợp đồng bảo trì, sửa chữa Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1 trong giai đoạn 108.000 giờ hoạt động quy đổi (EOH) đầu tiên số 38/PVP-PVPS/2010/LTMA-NT1 tháng 8/2010 giữa Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam. Mức phí bảo trì và sửa chữa quy định trong Hợp đồng là tổng của 115.104.610,6 EUR và 508.067.920.553 VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng), được Tổng Công ty phân bổ trong thời gian 144 tháng.

- Chi phí bảo trì, sửa chữa của Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 được xác định theo Quyết định số 387/QĐ-ĐLĐK-HĐTV ngày 27 tháng 4 năm 2018 về việc phê duyệt dự toán chi phí sửa chữa định kỳ Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 năm 2018. Tổng dự toán chi phí sửa chữa, bảo dưỡng Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 năm 2018 là 671.727.911.339 VND và nguồn vốn thực hiện là nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Tổng Công ty đã trích lập dự phòng 305.842.316.922 VND cho chi phí sửa chữa này và ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018.

❖ Công nợ của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và người có liên quan

Hiện nay, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng không có khoản nợ nào đối với Tổng công ty.

Theo Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 (Được lập cho mục đích phục vụ công tác chuyển giao từ doanh nghiệp cổ phần hóa cho công ty cổ phần) của PV Power và Báo cáo tài chính giai đoạn 01/07/2018 đến 30/9/2018, các khoản nợ của cổ đông lớn của PV Power là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và đối tượng có liên quan của PV Power bao gồm các Công ty con, công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cùng với PV Power như sau:

Bảng 32: Công nợ của đối tượng có liên quan với PV Power

Đơn vị: triệu đồng

Đối tượng có liên quan	Mối quan hệ	30/06/2018 (đã kiểm toán)	30/9/2018
Tiền gửi ngắn hạn		43.549	1.644
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Cùng Tập đoàn	43.549	1.644
Phải thu khách hàng		46.461	48.122
Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Cùng Tập đoàn	45.584	47.118
Công ty cổ phần Thủy điện Đakdrin	Công ty con	676	676
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Công ty con		232
Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam			20
Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí	Cùng Tập đoàn	140	0
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần	Cùng Tập đoàn	61	63
Công ty CP dịch vụ bảo vệ an ninh Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn		13
Trả trước cho người bán		12.507	5.782

Đối tượng có liên quan	Mối quan hệ	30/06/2018 (đã kiểm toán)	30/9/2018
Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty con	7.902	0
Tổng công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	Cùng Tập đoàn	3.675	2.842
Tổng công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí	Cùng Tập đoàn	667	2.647
Viện Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn	263	263
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Cùng Tập đoàn	0	30
Phải thu khác		1.020.521	284.104
Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Công ty con	733.615	0
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ - Cổ đông lớn	219.500	219.500
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	Cùng Tập đoàn	44.717	44.717
Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí	Công ty con	11.959	8.311
Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty con	9.180	9.180
Công ty cổ phần PVI	Cùng Tập đoàn	1.550	1.550
Công ty Cổ phần Xây dựng công nghiệp và dân dụng Dầu khí	Cùng Tập đoàn	0	845

Chi tiết các khoản nợ tại 30/6/2018 được trình bày tại Thuyết minh số 32: Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan tại Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 33: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty mẹ PV Power

Các chỉ tiêu	Công ty mẹ				
	Năm 2016	Năm 2017	6 tháng 2018 (đã soát xét) (*)	6 tháng 2018 (đã kiểm toán) (*)	Quý III/2018 (*)
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	0,98	0,95	1,01	0,94	0,99

Các chỉ tiêu	Công ty mẹ				
	Năm 2016	Năm 2017	6 tháng 2018 (đã soát xét) (*)	6 tháng 2018 (đã kiểm toán) (*)	Quý III/2018 (*)
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,92	0,85	0,94	0,88	0,91
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
Hệ số Nợ/Tổng tài sản (%)	53%	45%	49%	51%	49%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (%)	114%	83%	96%	104%	95%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay hàng tồn kho (lần)	26,62	28,34	13,84	12,62	4,54
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (lần)	0,37	0,46	0,28	0,27	0,10
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	5,15%	9,42%	14,12%	15,25%	0,92%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân (%)	4,19%	8,54%	7,53%	8,27%	0,18%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/TTS bình quân (%)	1,90%	4,31%	3,96%	4,27%	0,09%
Hệ số Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần (%)	5,70%	9,72%	14,86%	15,97%	1%

Bảng 34: Các chỉ tiêu tài chính của PV Power hợp nhất

Các chỉ tiêu	Hợp nhất				
	Năm 2016	Năm 2017	6 tháng 2018 (đã soát xét) (*)	6 tháng 2018 (số liệu tại BCTC 30/9/2018) (*)	Quý III/2018(*)
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn	1,02	0,99	0,95	0,90	0,96

Các chỉ tiêu	Hợp nhất				
	Năm 2016	Năm 2017	6 tháng 2018 (đã soát xét) (*)	6 tháng 2018 (số liệu tại BCTC 30/9/2018) (*)	Quý III/2018(*)
hạn (lần)					
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,84	0,74	0,77	0,73	0,74
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
Hệ số Nợ/Tổng tài sản (%)	62%	54%	58%	59%	57%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (%)	160%	119%	136%	145%	131%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay hàng tồn kho (lần)	6,93	7,21	4,10	4,10	1,56
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (lần)	0,40	0,46	0,28	0,28	0,11
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	5,38%	8,76%	7,43%	8,24%	2,65%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân (%)	5,71%	9,54%	4,86%	5,49%	0,70%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/TTS bình quân (%)	2,15%	3,99%	2,07%	2,29%	0,29%
Hệ số Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần (%)	6,03%	9,21%	8,08%	8,86%	2,71%

Nguồn: BCTC riêng và BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017, BCTC riêng và hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2018 và BCTC riêng đã kiểm toán 6 tháng 2018 (chuyển giao doanh nghiệp) của PV Power, BCTC riêng và hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2018 của PV Power.

Lưu ý : (*) Các chỉ tiêu tài chính được tính toán dựa trên số liệu trong kỳ.

Nhìn chung, các chỉ tiêu tài chính của PV Power khá tốt, cho thấy mức độ rủi ro thấp và hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện. Hệ số thanh toán ngắn hạn và hiện hành của Công ty mẹ và Hợp nhất lần lượt đều ở mức xấp xỉ 1 lần và 0,8 lần, cho thấy khả năng thanh toán của PV Power tốt và rủi ro không thanh toán nợ ngắn hạn đúng hạn là thấp. Cơ cấu vốn của PV Power cũng ổn định và lành mạnh với tỷ lệ nợ/tổng tài sản đạt khoảng 50% đối với Công ty mẹ và 60% đối với số Hợp nhất. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời cao cho thấy PV Power đang hoạt động hiệu quả so với các công ty cùng quy mô trong cùng ngành với tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần đạt lần lượt 14.1% đối với Công ty mẹ và 7.4% đối với số Hợp nhất trong 6 tháng 2018.

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

Bảng 35: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND/ CCCD	Chức danh
12.1	Hội đồng quản trị			
1	Hồ Công Kỳ	1964	011149162	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2	Lê Như Linh	1967	011546842	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc
3	Vũ Huy An	1959	011018183	Thành viên Hội đồng Quản trị
4	Nguyễn Hữu Quý	1960	010168518	Thành viên Hội đồng Quản trị
5	Phạm Xuân Trường	1963	033063001837	Thành viên Hội đồng Quản trị
12.2	Ban Tổng giám đốc			
1	Lê Như Linh	Đã trình bày mục 12.1.2		
2	Hoàng Văn Nghiệp	1959	012888797	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Thị Ngọc Bích	1972	001172005484	Phó Tổng Giám đốc
4	Nguyễn Duy Giang	1975	040075000509	Phó Tổng Giám đốc
5	Nguyễn Mạnh Tường	1973	034073005431	Phó Tổng Giám đốc
6	Nguyễn Minh Đạo	1972	031072000430	Phó Tổng Giám đốc
7	Phan Đại Thành	1972	011608864	Phó Tổng Giám đốc
12.3	Ban kiểm soát			
1	Vũ Quốc Hải	1966	011223642	Trưởng Ban kiểm soát
2	Vũ Thị Ngọc Dung	1972	011951053	Thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND/ CCCD	Chức danh
3	Lý Thị Thu Hương	1978	011830145	Thành viên Ban kiểm soát
12.4	Kế toán trưởng			
1	Hà Thị Minh Nguyệt	1970	001170012555	Kế toán trưởng

Lưu ý: Ngày 26/6/2018, Tổng công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Ngày 31/08/2018, Tổng công ty trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5712/UBCK-GSĐC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Do mới chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH thành Công ty cổ phần đại chúng nên số lượng thành viên hội đồng quản trị điều hành, không điều hành, độc lập của PV Power chưa đáp ứng được yêu cầu của Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng. PV Power xin cam kết sẽ xin ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông để kiện toàn bộ máy lãnh đạo, đáp ứng yêu cầu của pháp luật.

12.1. Hội đồng quản trị

12.1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **Hồ Công Kỳ**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 27/06/1964
- CMND: 011149162, Ngày cấp: 27/12/2004, Nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: P 25.5 Tòa nhà CT3 - Vimeco, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

❖ *Quá trình công tác:*

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
02/1986 - 11/1991	Nhà máy Đồ hộp xuất khẩu Nghĩa Đàn, Nghệ An	Nhân viên phòng Kế toán tài vụ; từ 3/1989 Phó phòng Kế toán tài vụ
12/1991 - 12/1992	Q.KTT Nhà máy Đồ hộp xuất khẩu Nghĩa Đàn, Nghệ An sau đổi thành Nhà máy chế biến nông sản xuất khẩu Nghĩa Đàn, Nghệ An	Trưởng Phòng Kế toán tài vụ
01/1993 - 02/1994	Thanh tra tỉnh Nghệ An	Thanh tra viên
3/1994 - 8/1994	Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An	Cán bộ Bảo hiểm xã hội
9/1994 - 9/1998	Công ty Xi măng Nghệ An	Kế toán trưởng Ban QLDA, Kế toán trưởng công ty
10/1998 - 11/2000	Công ty Xi măng Nghệ An	Phó Giám đốc
12/2000 - 12/2001	Ban QLDA Khu liên hợp thể thao	Kế toán trưởng

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
	Quốc gia Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	
01/2002 - 5/2006	Khu Liên hợp thể thao Quốc gia Mỹ Đình	Phó Giám đốc Ban QLDA
6/2006 - 02/2007	Vụ Kế hoạch Tài chính, Ủy ban Thể dục Thể thao	Phó Vụ trưởng
3/2007 - 8/2007	Ban QL các DA Thủy điện, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
5/2007 - 9/2007	Công ty CP Thủy điện Hòa Na (kiêm nhiệm)	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
9/2007 - 01/2008	Ban QL các Dự án Thủy điện	Tổng Giám đốc
02/2008 - 7/2008	Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác tài sản Dầu khí	Tổng Giám đốc
8/2008 - 02/2009	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
3/2009 - 11/2010	Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú-Sông Hậu, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Trưởng ban
11/2010 - 05/2013	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chánh Văn phòng
5/2013 - 12/2014	Công đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ tịch
01/2015 – 25/6/2018	Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLDK Việt Nam	Chủ tịch HĐQT
26/6/2018 - nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Chủ tịch HĐQT

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 701.258.777 cổ phần, chiếm 29,94% vốn điều lệ
Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 701.205.677 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu: 53.100 cổ phần
- ❖ Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 53.100 cổ phần trong 06 tháng đầu kể từ ngày niêm yết, nắm giữ 26.550 cổ phần trong 06 tháng tiếp theo
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

12.1.2. Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: **Lê Như Linh**
- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 07/07/1967
- CMND: 011546842, Ngày cấp: 10/10/2011, Nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: T2701 - Nhà 28 tầng Làng Quốc tế Thăng Long, Cầu Giấy, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế địa chất, Thạc sỹ Kinh tế địa chất Dầu khí, Tiến sĩ Kinh tế

❖ *Quá trình công tác:*

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
10/1990 - 02/1994	Đại học Mỏ địa chất	Giảng viên
03/1994 - 10/2006	Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)	Chuyên viên
10/2006 - 12/2007	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phó trưởng ban Kế hoạch đầu tư
12/2007 - 07/2009	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Trưởng ban Đầu tư phát triển
08/2009 - 03/2010	Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Dầu khí	Chủ tịch Hội đồng quản trị
04/2010 - 12/2013	Tổng công ty Dầu Việt Nam	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng thành viên
12/2013 - 01/12/2018	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	Phó Bí thư Đảng ủy, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng quản trị
01/12/2018 - nay	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	Thành viên Hội đồng quản trị
1/12/2018 - nay	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 468.481.120 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ
Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 468.374.320 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
- ❖ Các cam kết nắm giữ: không có.
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có

- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

12.1.3. Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: **Vũ Huy An**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 21/01/1959
- Số CMND: 011018183, Ngày cấp: 06 /12/2010, Nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: Căn 402-A2 Nhà Công vụ VPCP Hoàng Cầu, Ô Chợ Dừa, Đống Đa – Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
3/1982 - 4/1990	Công ty Vật tư Tổng hợp Hà Nam Ninh	Cán bộ Kế toán – Bí thư Đoàn TNCS HCM
5/1990 - 8/1998	Công ty Vật tư Tổng hợp Hà Nam Ninh	Phó phòng Kế toán
8/1998 - 3/2001	Sở Tài chính Nam Định	Chuyên viên Phòng Ngân sách xã
3/2001 - 5/2003	Sở Tài chính Nam Định	Phó Phòng Ngân sách xã, Phó Phòng Đầu tư
6/2003 - 3/2007	Sở Tài chính Nam Định	Trưởng Phòng Đầu tư
4/2007 - 6/2008	Sở Tài chính Nam Định	Trưởng Phòng Quản lý ngân sách
7/2008 - 11/2008	Sở Tài chính Nam Định	Phó Giám đốc
12/2008 - 5/2009	Công ty cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị
6/2009 - 9/2013	Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí VN	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
10/2013 - 5/2015	Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (tổ chức tài chính được hình thành trên cơ sở hợp nhất giữa PVFC và WESTERN BANK)	Thành viên HĐQT
6/2015 - 10/2015	Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Thành viên HĐQT

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
10/2015 25/6/2018	Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLDK Việt Nam	Thành viên HĐQT
26/6/2018 - nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Thành viên HĐQT

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 234.241.460 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ
Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 234.187.160 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu: 54.300 cổ phần
- ❖ Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 54.300 cổ phần trong 06 tháng đầu kể từ ngày niêm yết, nắm giữ 27.150 cổ phần trong 06 tháng tiếp theo. Trong đó Cam kết nắm giữ 1.500 cổ phần được mua theo Khoản 2, Điều 48, Nghị định 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần đến 01/07/2021
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

12.1.4. Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: **Nguyễn Hữu Quý**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 16/9/1960
- Số CMND: 010168518, Ngày cấp: 15/8/2005, Nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: 16 Phố Hàng Cháo, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại thương, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Thạc sỹ thương mại quốc tế
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
3/1985-5/1987	Công ty XNK Khoáng sản (Bộ Thương mại)	Cán bộ Phòng Giá cả & Ngoại hối
5/1987-2/1990	Công ty XNK Khoáng sản (Bộ Thương mại)	Cán bộ Phòng Kế toán tài vụ
02/1990-5/1995	Công ty XNK Khoáng sản	Cán bộ, Phó trưởng phòng Thị

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
	(Bộ Thương mại)	trưởng
5/1995-3/2007	Tổng công ty Dầu khí Việt Nam	Cán bộ Phòng Thương mại, Phó trưởng phòng Thị trường thuộc Ban Thương mại
3/2007-8/2008	Tổng công ty Dầu khí Việt Nam	Thành viên Ban kiểm soát thuộc Hội đồng quản trị
5/2007-8/2008	Tổng công ty Thăm dò - Khai thác dầu khí	Kiểm soát viên (kiêm nhiệm)
8/2008-2/2009	Công ty TNHH 1TV Cung ứng nhân lực và Dịch vụ Dầu khí.	Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc
2/2009 – 25/6/2018	Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLDK Việt Nam	Thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên
26/6/2018 - nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Thành viên HĐQT

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 234.191.860 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ
Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 234.187.160 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu: 4.700 cổ phần
- ❖ Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 4.700 cổ phần trong 06 tháng đầu kể từ ngày niêm yết, nắm giữ 2.350 cổ phần trong 06 tháng tiếp theo. Trong đó Cam kết nắm giữ 1.500 cổ phần được mua theo Khoản 2, Điều 48, Nghị định 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần đến 01/07/2021.
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

12.1.5. Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: **Phạm Xuân Trường**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 14/01/1963
- Số CMND: 033063001837, ngày cấp 21/04/2017, nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ: Phòng 506, Nhà B5 Làng QT Thăng Long, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hệ thống Điện, Thạc sỹ Kỹ thuật điện
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
6/1985 - 9/1985	Bộ tư lệnh Phòng không	Học viên sỹ quan dự bị
12/1985 - 12/1987	Chi nhánh điện Kim Môn – Sở Điện lực Hải Hưng	Cán bộ Kỹ thuật
01/1988 - 6/1992	Sở Điện lực Hải Hưng	Trưởng ca Điều độ, Phòng Điều độ- Thông tin
7/1992 - 12/1992	Sở Điện lực Hải Hưng	Phó phòng, phụ trách phòng Phòng Điều độ-Thông tin
01/1993 - 3/1997	Sở Điện lực Hải Hưng	Trưởng Trung tâm điều độ - Thông tin, Bí thư đoàn thanh niên
4/1997 - 7/1998	Điện lực Hưng Yên	Trưởng phòng kỹ thuật- An toàn, Đảng ủy viên, Bí thư Đoàn thanh niên
8/1998 - 10/2004	Điện lực Hưng Yên	Phó Giám đốc
11/2004 - 3/2008	Sở Công nghiệp Hưng Yên	Giám đốc
4/2008 - 25/6/2018	Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLDK Việt Nam	Phó Tổng giám đốc
26/6/2018 - nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Thành viên HĐQT

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 234.210.260 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ
Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 234.187.160 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu: 23.100 cổ phần
- ❖ Các cam kết nắm giữ (nếu có): Cam kết nắm giữ 23.100 cổ phần trong 06 tháng đầu kể
từ ngày niêm yết, nắm giữ 11.550 cổ phần trong 06 tháng tiếp theo.
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

12.2. Ban Tổng Giám đốc

12.2.1. Tổng Giám đốc Lê Như Linh - xem mục 12.1.2

12.2.2. Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: **Hoàng Văn Nghiệp**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/08/1959
- CMND: 012888797 Ngày cấp: 23/06/2006 Nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: Phòng 414 - CT5 Mỹ Đình, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy điện

❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1982-1990	Tổng Công ty Sông Đà – Bộ Xây dựng	Chuyên viên Trung tâm thí nghiệm
1990-1997	Công ty Xây dựng Thủy điện Vĩnh Sơn – Tổng Công ty Sông Đà.	Phó Giám đốc Xí nghiệp thủy công
1997-1998	Công ty Sông Đà 3 – Tổng Công ty Sông Đà	Phó Giám đốc
1998-2006	Công ty Sông Đà 3 - Tổng Công ty Sông Đà	Giám đốc
2006-10/2007	Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	Chủ tịch Hội đồng quản trị
11/2007 -11/2008	Tổng Công ty Sông Đà	Phó phòng Tổ chức Đào tạo
11/2008 – 25/6/2018	Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLTK Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
26/6/2018 đến nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Phó Tổng Giám đốc

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 32.400 cổ phần

Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Cổ phần cá nhân sở hữu: 32.400 cổ phần

❖ Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 32.400 cổ phần trong 06 tháng đầu kể từ ngày niêm yết, nắm giữ 16.200 cổ phần trong 06 tháng tiếp theo. Trong đó Cam kết nắm giữ 1.500 cổ phần được mua theo Khoản 2, Điều 48, Nghị định 59/2011/NĐ-CP của Chính

phủ ngày 18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần đến 01/07/2021.

- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có

12.2.3. Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Ngọc Bích**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 13/11/1972
- CMND: 001172005484, Ngày cấp: 27/10/2015, Nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: Khu đô thị Ciputra, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Đô thị, Thạc sĩ Quy hoạch đô thị
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1994 - 2000	Ban quản lý dự án thị xã Hà Đông	Chuyên viên
2000 - 2001	Công ty Tài chính Dầu khí	Chuyên viên Phòng dịch vụ tài chính tiền tệ
2001 - 6/2005	Công ty tài chính Dầu khí	Chuyên viên Phòng Đầu tư
7/2005 - 12/2006	Công ty tài chính Dầu khí	Phó Phòng phụ trách Phòng Đầu tư
12/2006 - 07/2007	Công ty Tài chính Dầu khí	Trưởng Phòng Đầu tư
07/2007 - 09/2008	Ngân hàng Thương mại cổ phần Dầu khí - Phụ trách khối Ngân hàng Đầu tư.	Thành viên Ban trụ bị thành lập
09/2008 - 5/2009	Công đoàn Dầu khí Việt Nam	Phó chủ tịch
05/2009 – 25/6/2018	Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLĐK Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
26/6/2018 đến nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Phó Tổng Giám đốc

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 41.705 cổ phần

Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Cổ phần cá nhân sở hữu: 41.705 cổ phần

- ❖ Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 41.705 cổ phần trong 06 tháng đầu kể từ ngày niêm yết, nắm giữ 20.853 cổ phần trong 06 tháng tiếp theo. Cam kết nắm giữ 5.000 cổ phần được mua theo Khoản 2, Điều 48, Nghị định 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần đến 01/07/2028.
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có

12.2.4. Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: **Nguyễn Duy Giang**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 09/07/1975
- CMND: 040075000509, ngày cấp 24/05/2018, nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: Phòng 610 nhà CT1B Khu Đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán tổng hợp, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
9/1996-3/2001	Công ty xi măng Hoàng Mai thuộc Tổng công ty xi măng Việt Nam	Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán
3/2001-10/2007	Công ty xi măng Hoàng Mai thuộc Tổng công ty xi măng Việt Nam	Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán, Phó trưởng phòng Kinh doanh,
10/2007-3/2009	Ban Quản lý các dự án Thủy điện, thuộc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Trưởng phòng, Phó phòng Kinh tế Kế hoạch
3/2009-10/2009	Công ty tư vấn QLDA Điện lực Dầu khí Việt Nam thuộc Tổng công ty ĐLTK Việt Nam	Phó Tổng giám đốc
10/2009 - 7/2014	Tổng công ty ĐLTK Việt Nam	Trưởng Ban Kinh tế Kế hoạch

7/2014-01/2015	Tổng công ty ĐLTK Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
01/2015 - 11/2015	Tổng công ty ĐLTK Việt Nam Nhiệt điện Sông Hậu 1	Phó Tổng Giám đốc Phó Trưởng Ban QLDA
11/2010 – 25/6/2018	Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLTK Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
26/6/2018 đến nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Phó Tổng Giám đốc

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 22.000 cổ phần
Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu: 22.000 cổ phần
- ❖ Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 22.000 cổ phần trong 06 tháng đầu kể từ ngày
niêm yết, nắm giữ 11.000 cổ phần trong 06 tháng tiếp theo.
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không có

12.2.5. Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: **Nguyễn Mạnh Tường**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/09/1973
- CMND: 034073005431, Ngày cấp: 24/07/2017, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và
DLQG về Dân cư
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: 123, đường D3, phường 25, Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Thạc sỹ kỹ thuật
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
6/1998 - 10/2000	Ban quản lý dự án khí, PV GAS	Kỹ sư cơ khí, Phòng Kỹ thuật
11/2000 - 9/2001	Ban CBĐT Công trình Khí Điện Đạm Cà Mau, PVN	Kỹ sư cơ khí, Phòng Kỹ thuật
9/2001 – 3/2003	Ban quản lý dự án Khí Điện Đạm Cà Mau, PVN	Trưởng nhóm Cơ khí, Phòng kỹ thuật khí

6/2003 - 7/2006	Ban quản lý dự án Khí Điện Đạm Cà Mau, PVN	Phó trưởng phòng dự án khí
8/2006 - 10/2007	Ban quản lý dự án Khí Điện Đạm Cà Mau, PVN	Phó trưởng phòng phụ trách, Trưởng phòng Phòng dự án Khí
10/2007 - 3/2009	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	Phó Giám đốc Ban QLDA Khí Tây Nam Bộ
3/2009 – 5/2010	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phó Trưởng Ban QLDA Khí Tây Nam Bộ
5/2010 – 4/2012	Cty Điều Hành Đường ống Lô B – Ô Môn	Phó Giám đốc
10/2012 - 11/2015	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	Quyền Trưởng ban, Trưởng ban Xây dựng
12/2015 - 5/2017	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	Thành viên Hội đồng quản trị
6/2017 – 25/6/2018	Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLKD Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
26/6/2018 đến nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Phó Tổng Giám đốc

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 50.000 cổ phần
Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu: 50.000 cổ phần
- ❖ Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 50.000 cổ phần trong 06 tháng đầu kể từ ngày niêm yết, nắm giữ 25.000 cổ phần trong 06 tháng tiếp theo.
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không có

12.2.6. Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: **Phan Đại Thành**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/06/1970
- CMND: 011608864, Ngày cấp: 08/12/2009, Nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: Tầng 7, tòa R1A, Chung cư Royal City, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
6/1993 - 10/1994	Công ty Công nghệ mới – Viện khoa học Việt Nam	Chuyên viên
10/1994 - 12/1996	Công ty liên doanh Thép Việt – Úc Hải Phòng	Phó trưởng Phòng Kỹ thuật
1/1997 - 8/2002	Tổng Công ty Cơ khí xây dựng	Phó trưởng Phòng Kế hoạch đầu tư
9/2002 - 6/2003	Tổng Công ty Cơ khí xây dựng	Phó trưởng Phòng Kế hoạch thống kê
7/2003 - 2/2005	Công ty xây lắp và dịch vụ kỹ thuật Tổng Công ty Cơ khí xây dựng	Giám đốc
3/2005 - 10/2007	Công ty Cổ phần xây dựng và lắp máy điện nước số 3	Giám đốc
11/2007 - 4/2010	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	Tổng Giám đốc
4/2010 - 5/2012	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	Tổng Giám đốc
5/2012 – 10/2015	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	Giám đốc
10/2015 – 5/2018	Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLĐK Việt Nam	Trưởng ban Kỹ thuật
01/6/2018 – 25/6/2018	Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLĐK Việt Nam	Phó Tổng giám đốc
26/6/2018 đến nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Phó Tổng Giám đốc

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 6.100 cổ phần
 Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 Cổ phần cá nhân sở hữu: 6.100 cổ phần
- ❖ Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 6.100 cổ phần trong 06 tháng đầu kể từ ngày niêm yết, nắm giữ 5.000 cổ phần trong 06 tháng tiếp theo. Cam kết nắm giữ 5.000 cổ phần được mua theo Khoản 2, Điều 48, Nghị định 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày

18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần đến 01/07/2028.

- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không có

12.2.7. Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: **Nguyễn Minh Đạo**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 17/6/1972
- CMND: 031072000430, Ngày cấp: 27/10/2004, Nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: Số 1, Ngõ 44 Võ Thị Sáu, Thanh Nhân, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thiết kế, Xây dựng và Vận hành đường ống và bể chứa Dầu khí; Tiến sỹ Đường ống – Bể chứa
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
9/2000 – 6/2003	Ban Quản lý nhà máy lọc dầu Dung Quất	Kỹ sư
7/2003 – 12/2003	Phòng Công nghệ Mỏ, Công ty Đầu tư và Phát triển Dầu khí (PIDC)	Kỹ sư
01/2004 – 10/2006	Ban Xây dựng, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên
11/2006 – 02/2008	Ban Xây dựng, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phó trưởng ban
3/2008 – 7/2008	Công ty CP Hóa Dầu và Xơ sợi tổng hợp Dầu khí (PVTex)	Chủ tịch HĐQT
7/2008 – 14/7/2009	Công ty CP Hóa Dầu và Xơ sợi tổng hợp Dầu khí (PVTex)	Tổng giám đốc
15/7/2009 – 02/2010	Ban Đầu tư Phát triển, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Trưởng ban
3/2010 – 3/2011	Ban Khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Trưởng ban

4/2011 – 31/5/2018	Ban Xây dựng, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Trưởng ban
01/6/2018 – 02/7/2018	Văn phòng HĐTV, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cán bộ
03/7/2018 đến nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Phó Tổng giám đốc

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 0 cổ phần
Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
- ❖ Các cam kết nắm giữ: Không có.
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không có

12.3. Ban kiểm soát

12.3.1. Trưởng ban Kiểm soát

- Họ và tên: **Vũ Quốc Hải**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 25/09/1966
- Số CMND: 011223642, Ngày cấp: 08/9/2010, Nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 11 LK 7 đô thị Xa La, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
10/1987 - 9/1992	Trường ĐH Thương mại	Giáo viên bộ môn kế toán
9/1992 - 8/1993	Làm nghĩa vụ quân sự - D5 – E165 – F312 Sóc sơn, Hà Nội	Binh nhì
02/1994 - 5/2002	Công ty Chế biến và kinh doanh các sản phẩm dầu mỏ PetroVietnam, nay là TCT Dầu PV-Oil	Chuyên viên, Phó phòng Tài chính Kế toán
5/2002 - 12/2007	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên (Phó trưởng ban Ban kiểm toán nội bộ từ tháng 2/2007)
01/2008 - 08/2010	Tổng công ty ĐLĐK Việt Nam	Thành viên Hội đồng thành viên kiêm kiểm soát viên phụ trách

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
08/2010 – 25/6/2018	Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLKD Việt Nam	Kiểm soát viên phụ trách
26/6/2018 - nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Trưởng Ban Kiểm soát

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 2.900 cổ phần
Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu: 2.900 cổ phần
- ❖ Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 2.900 cổ phần trong 06 tháng đầu kể từ ngày niêm yết, nắm giữ 1.450 cổ phần trong 06 tháng tiếp theo.
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có

12.3.2. Thành viên ban Kiểm soát

- Họ và tên: **Vũ Thị Ngọc Dung**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 17/03/1972
- Số CMND: 011951053, Ngày cấp: 18/08/2011, Nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: E11-No5 Đô thị mới Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế và Kỹ thuật, Cử nhân Tiếng Anh, Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính, Lưu thông tiền tệ và Tín dụng. Chứng chỉ hành nghề kế toán.
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
12/1993 - 10/2000	Công ty VPP Cửu Long 1	Cán bộ Lao động tiền lương
11/2000 - 12/2004	Công ty Tài chính Dầu khí	Chuyên viên kế toán
1/2005 - 4/2007	Công ty Tài chính Dầu khí	Phó phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ
4/2007 - 11/2009	Công ty Tài chính Dầu Khí/ Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí	Trưởng phòng/ Giám đốc Ban Kiểm tra kiểm soát Nội bộ
12/2009 - 9/2013	Tổng công ty Tài chính CP	Giám đốc ban/Trưởng ban Kế

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
	Dầu khí	hoạch
10/2013 – 14/7/2014	Ngân hàng Thương mại CP Đại chúng Việt Nam	Trưởng Ban Kế hoạch - Khối Tài chính Kế toán
15/7/2014 - 4/2015	Ngân hàng Thương mại CP Đại chúng Việt Nam	Phó Giám đốc Khối Tài chính Kế toán
5/2015 – 25/6/2018	Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLĐK Việt Nam	Kiểm soát viên chuyên trách
26/6/2018 - nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Kiểm soát viên

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 25.200 cổ phần

Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Cổ phần cá nhân sở hữu: 25.200 cổ phần

- ❖ Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 25.200 cổ phần trong 06 tháng đầu kể từ ngày niêm yết, nắm giữ 12.600 cổ phần trong 06 tháng tiếp theo. Trong đó Cam kết nắm giữ 5.000 cổ phần được mua theo Khoản 2, Điều 48, Nghị định 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần đến 01/07/2028.
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có

12.3.3. Thành viên ban Kiểm soát

- Họ và tên: **Lý Thị Thu Hương**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 14/12/1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 011830145, Ngày cấp: 04/01/2012, Nơi cấp: Hà Nội
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 30, Số 6 ngách 2 ngõ 125 phố Trung Kính
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Thạc sỹ Kinh tế
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
3/2001 - 5/2005	Công ty Tài chính Dầu khí	Chuyên viên Phòng Tài chính kế toán
6/2005 - 9/2006	Công ty Tài chính Dầu khí	Phó phòng Kế toán
10/2006 - 3/2008	Tổng công ty Tài chính Dầu khí	Kế toán trưởng
4/2008 - 5/2009	Tổng công ty Tài chính Dầu khí	Trưởng Ban Kiểm soát
6/2009 – 25/6/2018	Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLDK Việt Nam	Kiểm soát viên
26/6/2018 - nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Kiểm soát viên

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 15.700 cổ phần

Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Cổ phần cá nhân sở hữu: 5.700 cổ phần

- ❖ Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 5.700 cổ phần trong 06 tháng đầu kể từ ngày niêm yết, nắm giữ 5.000 cổ phần trong 06 tháng tiếp theo. Trong đó Cam kết nắm giữ 5.000 cổ phần được mua theo Khoản 2, Điều 48, Nghị định 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần đến 01/07/2028.
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không có

12.4. Kế toán trưởng

- Họ và tên: **Hà Thị Minh Nguyệt**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 06/06/1970
- CMTND: 001170012555 Ngày cấp: 28/12/2017 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Nơi ở hiện nay: 30 Nguyễn Thị Định – Trung hòa – Cầu giấy – Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kế toán
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
05/1992 – 05/2004	Sở giao dịch ngân hàng Ngoại thương VN	Kế toán viên
05/2004 – 12/2005	Sở giao dịch ngân hàng Ngoại thương VN	Phó phòng giao dịch 1
2006 – 12/2007	Sở giao dịch ngân hàng Ngoại thương VN	Phó phụ trách kế toán
01/2008 – 10/2008	Ban trụ bị thành lập ngân hàng Dầu khí	Kế toán trưởng
10/2008 – 09/2010	Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	Trưởng ban
09/2010 – 25/6/2018	Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLDK Việt Nam	Kế toán trưởng
26/6/2018 đến nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Kế toán trưởng

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 800 cổ phần

Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Cổ phần cá nhân sở hữu: 800 cổ phần

❖ Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 800 cổ phần trong 06 tháng đầu kể từ ngày niêm yết, nắm giữ 400 cổ phần trong 06 tháng tiếp theo.

❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không có

13. Tài sản

Bảng 36: Danh sách tài sản của Tổng công ty tại thời điểm 30/09/2018

Đơn vị: Tỷ đồng

Tài sản	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ Giá trị còn lại/ nguyên giá	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ Giá trị còn lại/ nguyên giá
1. Tài sản cố định hữu hình	46.955	26.710	56,88%	69.263	41.026	59,23%

Nhà cửa vật kiến trúc	6.336	4.667	73,66%	17.961	13.684	76,19%
Máy móc thiết bị	38.179	20.104	52,66%	48.722	25.353	52,04%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	221	36	16,45%	318	70	22,05%
Thiết bị văn phòng	94	21	22,28%	137	37	26,97%
TSCĐ hữu hình khác	2.125	1.882	88,54%	2.125	1.882	88,54%
2. Tài sản cố định vô hình	35	11	31,33%	96	63	65,73%
Giá trị quyền sử dụng đất	8	7	89,56%	56	55	98,63%
Phần mềm máy tính	27	4	14,07%	38	7	19,91%
Tài sản cố định vô hình khác	3	1	27,41%	3	1	24,82%

Nguồn: BCTC riêng và BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

13.1 Tài sản là Quyền sử dụng đất

Bảng 37: Đất đai Tổng công ty đang quản lý và sử dụng

STT	Địa điểm	Diện tích đất (m ²)	Hình thức sở hữu	Đơn vị quản lý, sử dụng
I	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau			
1	Khu đất xây dựng Nhà máy điện Cà Mau 1 - xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	240.792,3	Trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê	Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau
2	Khu đất xây dựng Nhà máy điện Cà Mau 2 - xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	109.434,2	Trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê	Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau
3	Khu đất xây dựng cảng nhập dầu DO - Nhà máy điện Cà Mau 1- xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	103.445,3	Trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê	PV Power
4	Khu đất Hành lang cây xanh - Nhà máy điện Cà Mau 1- xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	84.739,8	Trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê	PV Power

STT	Địa điểm	Diện tích đất (m ²)	Hình thức sở hữu	Đơn vị quản lý, sử dụng
5	Khu đất xây dựng nhà ở cho CBCNV giai đoạn 1 phục vụ quản lý vận hành Nhà máy điện Cà Mau 1 và Nhà máy điện Cà Mau 2 - Phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	33.806	Trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê	Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau
6	Khu đất xây dựng nhà ở cho CBCNV giai đoạn 2 phục vụ quản lý, vận hành Nhà máy điện Cà Mau 1 và Nhà máy điện Cà Mau 2 - Phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	47.639,8	Trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê	Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau
II	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch			
1	Khu đất xây dựng Nhà máy điện Nhơn Trạch 1- áp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	314.155	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2/PV Power
2	Khu đất xây dựng Trạm bơm tăng áp - Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 - áp Đoàn Kết, xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	2.121	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch
3	Khu đất xây dựng Nhà ở cho CBCNV Tiểu khu 1 - Khu dân cư Phước An – Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	8.410	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng	Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch
4	Khu đất xây dựng Nhà ở cho CBCNV Tiểu khu 2 - Khu dân cư Phước An – Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	10.967,9	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng	Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch

STT	Địa điểm	Diện tích đất (m ²)	Hình thức sở hữu	Đơn vị quản lý, sử dụng
III	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh			
1	Khu đất xây dựng Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 - xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	427.735,4	Nhà nước cho thuê đất, tiền thuê đất được nộp hàng năm	Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh
2	Khu đất xây dựng khu nhà ở CBCNV giai đoạn quản lý, vận hành nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 - phường Kỳ Thịnh, phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	45.040 m ²	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh
3	Khu đất xây dựng sân phân phối 500kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng - xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	106.420	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh
	Các khu đất còn lại Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh đang sử dụng để vận hành NMD Vũng Áng 1			
4	Khu đất xây dựng Trạm bơm tuần hoàn và cửa lấy nước làm mát - xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	165.413	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh
5	Khu đất xây dựng Tuyến kênh thải nước làm mát và băng tải than - xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	23.451	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh
6	Khu đất xây dựng Đường ống nước mặt bằng trạm bơm tuần hoàn - xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	15.602,3	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh
7	Khu đất xây dựng Bãi thải xỉ - xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	196.245	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức các năm tiếp theo**14.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2018, 2019****Bảng 38: Kế hoạch sản lượng điện Công ty mẹ và các đơn vị thành viên**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2018 ³	KH 2019 ⁴
1	Công ty mẹ PV Power	Triệu kWh	15.809,9	16.109,9
-	NMĐ Cà Mau 1&2	Triệu kWh	7.333,1	7.144,1
-	NMĐ Nhơn Trạch 1	Triệu kWh	2.811,7	3.100,0
-	NMĐ Vũng Áng 1	Triệu kWh	5.665,1	5.865,8
2	Các đơn vị thành viên	Triệu kWh	5.760,4	5.890,3
-	NMĐ Nhơn Trạch 2	Triệu kWh	4.600,0	4.700,0
-	NMĐ Hòa Na	Triệu kWh	635,7	650,6
-	NMĐ Đakđinh	Triệu kWh	510,0	525,0
-	NMĐ Nậm Cắt	Triệu kWh	14,7	14,7
	Tổng cộng	Triệu kWh	21.570,3	22.000,3

Bảng 39: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức hợp nhất

Chỉ tiêu	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2018		TH 9 tháng đầu năm 2018 so với KH 9 tháng 2018	Kế hoạch năm 2018		% tăng giảm KH 6 tháng cuối năm 2018 so với TH 6 tháng cuối năm 2017	Kế hoạch năm 2019	
	TH 6 tháng đầu 2018	TH Quý III năm 2018		KH năm 2018	KH 6 tháng cuối 2018		KH năm 2019	% tăng giảm KH năm 2019 so với KH năm 2018
Doanh thu (tỷ đồng)	17.828	6.961	105,6%	31.416	14.037	-1,25%	33.045	5,19%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	1.592	191	124,2%	2.326	953	-39,38%	2.500	7,48%

³ Căn cứ Nghị quyết số 3782/NQ-DKVN ngày 26/6/2018 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch SXKD năm 2018 của TCT.

⁴ Căn cứ Tờ trình số 1265/TTr-ĐLĐK ngày 07/11/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty ĐLĐK Việt Nam – CPTCP về việc thông qua Kế hoạch SXKD năm 2019 của PV Power.

Chỉ tiêu	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2018		TH 9 tháng đầu năm 2018 so với KH 9 tháng 2018	Kế hoạch năm 2018		% tăng giảm KH 6 tháng cuối năm 2018 so với TH 6 tháng cuối năm 2017	Kế hoạch năm 2019	
	TH 6 tháng đầu 2018	TH Quý III năm 2018		KH năm 2018	KH 6 tháng cuối 2018		KH năm 2019	% tăng giảm KH năm 2019 so với KH năm 2018
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	1.468	184	126,1%	2.114	858	-44,50%	2.250	6,43%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	8,23%	2,64%	119,5%	6,73%	6,11%		6,81%	1,17%

Nguồn: PV Power

Bảng 40: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức Tổng công ty mẹ

Chỉ tiêu	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2018		TH 9 tháng đầu năm 2018 so với KH 9 tháng 2018	Kế hoạch năm 2018		% tăng giảm KH 6 tháng cuối năm 2018 so với TH 6 tháng cuối năm 2017	Kế hoạch năm 2019	
	TH 6 tháng đầu 2018	TH Quý III năm 2018		KH năm 2018	KH 6 tháng cuối 2018		KH năm 2019	% tăng giảm KH năm 2019 so với KH năm 2018
Doanh thu	12.661	4.716	103,4%	22.495	9.846	-1,88%	23.348	3,79%
Lợi nhuận trước thuế	2.031	48	173,5%	2.068	878	-24,36%	2.086	0,87%
Lợi nhuận sau thuế	1.931	43	178,7%	1.903	800	-29,81%	1.880	-1,21%
Vốn chủ sở hữu	23.333	23.500		24.172	24.172		25.256	4,48%
<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	<i>23.418</i>	<i>23.418</i>		<i>23.419</i>	<i>23.419</i>		<i>23.419</i>	<i>0,00%</i>
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	15,25%	0,91%		8,46%	8,13%		8,05%	-4,82%

Chỉ tiêu	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2018		TH 9 tháng đầu năm 2018 so với KH 9 tháng 2018	Kế hoạch năm 2018		% tăng giảm KH 6 tháng cuối năm 2018 so với TH 6 tháng cuối năm 2017	Kế hoạch năm 2019	
	TH 6 tháng đầu 2018	TH Quý III năm 2018		KH năm 2018	KH 6 tháng cuối 2018		KH năm 2019	% tăng giảm KH năm 2019 so với KH năm 2018
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	8,28%	0,18%		7,87%	3,31%		7,44%	-5,45%
Cổ tức (%)	0%	0%		3%	3%		6%	100,00%

Nguồn: PV Power

Lưu ý: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên của Công ty được lập căn cứ vào các dự đoán và ước tính dựa trên các thông tin và giả định có được tại thời điểm lập kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế kế hoạch năm 2019 tăng 1% so với kế hoạch năm 2018 chủ yếu do lợi nhuận của NMD Cà Mau 1&2 và Nhơn Trạch 1 tăng, đây là các đơn vị có mức thuế thu nhập doanh nghiệp cao hơn nên số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cao hơn năm 2018. Do đó lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2019 sẽ giảm khoảng 1% so với kế hoạch năm 2018.

14.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Đến hết quý III năm 2018, doanh thu của toàn Tổng công ty và Công ty mẹ PV Power đã đạt lần lượt 78,9% và 77,2% doanh thu kế hoạch của cả năm 2018. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất và riêng thực hiện 9 tháng đầu năm 2018 vượt mức kế hoạch năm, lần lượt đạt 173,5% và 178,7% kế hoạch cả năm 2018. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất Tổng công ty và Công ty mẹ 9 tháng đầu năm 2018 đạt 78,1% và 103,7% kế hoạch năm 2018. Tại thời điểm hiện tại, sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power diễn ra bình thường do vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power có khả năng cao hoàn thành kế hoạch năm 2018.

Năm 2019 dự kiến là năm có nhiều yếu tố xảy ra tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất điện của PV Power. Sau khi nghiên cứu tình hình kinh tế Việt Nam, thế giới và các dự báo có liên quan đến ngành sản xuất và kinh doanh điện năng, PV Power đưa ra các giả thiết sau để lập kế hoạch kinh doanh năm 2019 như sau:

- Giá nhiên liệu khí tính trên cơ sở giá dầu 65 USD/thùng.
- Giá than được tính trên cơ sở đơn giá than được quy định tại quyết định số 699/QĐ-BTC ngày 20/4/2017 của Bộ Tài chính.
- Sản lượng điện tính toán trên cơ sở khả năng cấp khí và khả năng phát của nhà máy điện, lịch bảo dưỡng sửa chữa trong năm (nhà máy điện Hòa Na trung tu, các nhà máy điện khác tiêu tu) và các điều kiện thủy văn.

- Sản lượng điện của PV Power năm 2019 tăng 2% so với năm 2018 theo kế hoạch.
- Giá bán điện có thể được điều chỉnh tăng năm 2019.
- Khả năng huy động các nhà máy nhiệt điện cao hơn so với năm 2018 do dự báo hiện tượng El Nino sẽ xảy ra vào năm 2019 sẽ gây hạn hán, ảnh hưởng tới việc tích nước và hoạt động của các nhà máy thủy điện và rủi ro đến từ việc không bảo đảm tiến độ vận hành các nhà máy điện tái tạo.

Các yếu tố nêu trên được PV Power nghiên cứu và đưa ra có căn cứ cơ sở do vậy PV Power hoàn toàn có khả năng cao hoàn thành kế hoạch năm 2019.

Ngoài ra, để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên, PV Power tập trung thực hiện các nhiệm vụ cụ thể như sau:

Về công tác tổ chức:

- Thực hiện chuyển đổi và quản lý, điều hành hoạt động Tổng công ty theo mô hình mới thành công và hiệu quả.

Về công tác sản xuất kinh doanh:

- Phối hợp chặt chẽ với EVN/A0, Vinacomin, PVGas trong công tác vận hành và sửa chữa bảo dưỡng các Nhà máy điện của PV Power, huy động tối đa công suất, đủ nguồn khí/than để sản xuất và đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả các nhà máy điện: Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1&2, Hòa Na, Nậm Cắt, Đakđrinh, Vũng Áng 1.
- Bám sát thị trường điện cạnh tranh, tối ưu hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh các nhà máy điện khi tham gia thị trường điện cạnh tranh. Đồng thời triển khai các bước công việc chuẩn bị điều kiện tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh.
- Tổ chức thực hiện công tác trung tu các nhà máy điện Cà Mau 2, Vũng Áng 1; đại tu nhà máy điện Đakđrinh; tiểu tu các nhà máy điện Cà Mau 1, Nhơn Trạch 2, Hòa Na, Nậm Cắt trong năm 2018 đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn. Triển khai chuẩn bị các điều kiện cho công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ các nhà máy điện trong năm 2019.
- Đảm bảo cung cấp than ổn định và liên tục cho NMT Vũng Áng 1. Thực hiện xử lý tro xỉ theo phương án được duyệt, đảm bảo vận hành an toàn và liên tục của NMT Vũng Áng 1.
- Kiểm soát tốt và tiết giảm tối đa các khoản chi phí; quản lý và sử dụng vốn, tài sản an toàn, đúng mục đích; đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên hiệu quả. Tăng cường quản lý công tác mua sắm vật tư thiết bị, thực hiện các giải pháp giảm tồn kho nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Tiếp tục quản lý, giám sát và có các giải pháp hỗ trợ các đơn vị thành viên sản xuất kinh doanh hiệu quả, đặc biệt là Công ty CP Thủy Điện Hòa Na, Công ty CP ĐLĐK Bắc Kạn, Công ty CP Thủy điện Đakđrinh.

Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

- Hoàn thành công tác quyết toán vốn đầu tư dự án thủy điện Đakđrinh, giai đoạn II dự án thủy điện Hòa Na.
- Tiếp tục triển khai các công việc liên quan đến dự án thủy điện Luang Prabang theo chỉ đạo của Chính phủ/Tập đoàn Dầu khí Việt Nam khi chưa hoàn thành công tác chuyển chủ đầu tư dự án.
- Hoàn thành phê duyệt báo cáo Pre-FS, triển khai gói thầu lập FS và các gói thầu khác trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án nhà máy nhiệt điện khí Nhơn Trạch 3&4. Đây là hai nhà máy điện khí PV Power được Chính phủ/Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giao làm chủ đầu tư tại các quyết định số 536/TTg-CN ngày 23/4/2018 việc điều chỉnh chủ đầu tư các dự án NMD Nhơn Trạch 3 và 4 và Nghị quyết số 3219/NQ-DKVN ngày 31/5/2018 về việc điều chỉnh chủ đầu tư các dự án NMD Nhơn Trạch 3 và 4 từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sang Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư.
- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai công tác chuẩn bị sản xuất cho Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 theo phương án phù hợp và hiệu quả.

Về công tác cổ phần hóa, tái cấu trúc:

- Triển khai các công việc liên quan đến công tác cổ phần hóa Công ty mẹ PV Power: hoàn thiện công tác quyết toán cổ phần hóa, đã hoàn thành đăng ký kinh doanh mới cho công ty cổ phần.
- Tiếp tục hoàn thiện quy trình, quy chế, quy định nội bộ cho phù hợp với mô hình hoạt động công ty cổ phần.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tái cấu trúc của PV Power, thoái vốn tại các đơn vị thành viên theo phương án được duyệt, tập trung nguồn tài chính cho mục tiêu phát triển PV Power bền vững trong những năm tới cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của PV Power.

Công tác khác:

- Thực hiện rà soát, sửa đổi/bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế/quy định nội bộ cho phù hợp với các Luật mới có hiệu lực, văn bản của Tập đoàn và mô hình tổ chức hoạt động.
- Quản lý tốt người đại diện của PV Power tại các đơn vị thành viên.
- Thực hiện tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng chống cháy nổ tại các Nhà máy điện. Đối với các Nhà máy thủy điện cần phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác cắt lũ và đảm bảo thủy lợi.
- Trích lập và xây dựng kế hoạch sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ năm 2018 theo quy định.
- Thực hiện các công việc khác được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giao.

14.3. Kế hoạch tăng vốn điều lệ (nếu có)

Công ty không có kế hoạch tăng vốn điều lệ tại thời điểm lập Bản cáo bạch này.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, VCSC đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích hoạt động kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam nhằm đưa ra những đánh giá về dự phóng hoạt động kinh doanh mà Công ty đã xây dựng.

Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Tổng công ty đưa ra là có tính khả thi và Tổng công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán, mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổng công ty

Tổng công ty không có những cam kết chưa thực hiện liên quan đến trái phiếu chuyển đổi và các thông tin liên quan đến cổ phiếu, trái phiếu.

17. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổng công ty

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP đang khởi kiện Công ty cổ phần Tư vấn 6 (Địa chỉ: Số 72 đường Nguyễn Sỹ Sách, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An) lên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội để yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty CP Tư vấn 6 phải trả cho PV Power số tiền nợ gốc là 757.843.758 đồng và số lãi phát sinh từ số nợ gốc trên. Đây là khoản tiền Công ty cổ phần tư vấn 6 phải trả cho PV Power sau khi quyết toán công trình do công trình không thực hiện tiếp. Số tiền phát sinh từ ngày 08/8/2012. PV Power đã trích lập dự phòng đầy đủ cho khoản này tại khoản mục Dự phòng phải thu khó đòi trên Bảng cân đối kế toán.

Hiện nay vụ việc đang được Tòa án Nhân dân Tp. Hà Nội thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Ngoài vụ việc nêu trên, hiện nay không có các tranh chấp, kiện tụng nào khác liên quan đến PV Power.

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT**1. Loại cổ phiếu**

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá

10.000 đồng.

3. Tổng số cổ phiếu niêm yết

2.341.871.600 cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật

- Căn cứ Điều 1 Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 08/12/2017 về Phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam: "*Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 51% vốn điều lệ tại Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần đến hết năm 2025. Từ năm 2019, trong trường hợp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần tái cấu trúc được các khoản nợ nêu trên và đàm phán được với các tổ chức tín dụng cho vay, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có trách nhiệm thoái vốn góp tại Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần xuống mức dưới 50% vốn điều lệ*".
- Căn cứ Khoản 2, Điều 48, Nghị định 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, Người lao động thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất 3 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) được mua cổ phần theo quy định.
- Căn cứ quy định tại Điều 53 Mục 1 Nghị định 58/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20 tháng 07 năm 2012: "Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ".

Bảng 41: Danh sách cổ đông bị hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu

STT	Tên	Số lượng cổ phần bị hạn chế (1)	Số lượng cổ phần bị hạn chế (2)	Thời gian hạn chế chuyển nhượng	Tổng
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.194.354.516		Đến hết năm 2025 theo Điều 1 Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 08/12/2017	1.194.354.516
2	CBNV được mua cổ phần ưu đãi theo Khoản 2, Điều 48, Nghị định 59/2011/NĐ-CP		930.400		930.400
3	Hồ Công Kỳ	53.100	0		53.100

STT	Tên	Số lượng cổ phần bị hạn chế (1)	Số lượng cổ phần bị hạn chế (2)	Thời gian hạn chế chuyển nhượng	Tổng	
4	Lê Như Linh	0	0	Cam kết nắm giữ 100% trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% trong thời gian 06 tháng tiếp theo và Số năm hạn chế chuyển nhượng theo từng cán bộ nhân viên theo Khoản 2, Điều 48, Nghị định 59/2011/NĐ- CP	0	
5	Vũ Huy An	52.800	1.500		54.300	
6	Nguyễn Hữu Quý	3.200	1.500		4.700	
7	Phạm Xuân Trường	23.100	0		23.100	
8	Hoàng Văn Nghiệp	30.900	1.500		32.400	
9	Nguyễn Thị Ngọc Bích	36.705	5.000		41.705	
10	Nguyễn Duy Giang	22.000	0		22.000	
11	Nguyễn Mạnh Tường	50.000	0		50.000	
12	Nguyễn Minh Đạo	0	0		0	
13	Phan Đại Thành	1.100	5.000		6.100	
14	Vũ Quốc Hải	2.900	0		2.900	
15	Vũ Thị Ngọc Dung	20.200	5.000		25.200	
16	Lý Thị Thu Hương	700	5.000		5.700	
17	Hà Thị Minh Nguyệt	800	0		800	
Tổng cộng						1.195.606.921

5. Giá niêm yết dự kiến

Giá tham chiếu dự kiến của cổ phiếu PV Power được xác định dựa trên các phương pháp định giá bao gồm: tính giá trị sổ sách của cổ phiếu POW tại 30/9/2018, phương pháp hệ số so sánh (so sánh hệ số P/E và P/B) và phương pháp trung bình giá đóng cửa 60 phiên trước ngày hủy đăng ký giao dịch Upcom.

5.1. Giá trị sổ sách

Bảng 42: Giá trị sổ sách của cổ phiếu POW tại 30/9/2018

Vốn chủ sở hữu của PV Power (triệu đồng)	(1)	26.551.242
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (triệu đồng)	(2)	2.306.193
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	(3)	2.341.871.600
Giá trị sổ sách của cổ phiếu POW (đồng/cổ phiếu)	(4) = [(1) - (2)] / (3)	10.353

Nguồn: PV Power

5.2. Phương pháp hệ số so sánh

- ✚ Chi số P/E được tính bằng cách chia thị giá của cổ phiếu cho thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) của công ty. Chúng tôi sử dụng chỉ số P/E với thị giá cổ phiếu tại thời điểm 26/11/2018, thu nhập trên mỗi cổ phiếu EPS được tính theo lợi nhuận sau thuế năm gần nhất năm 2017 đối với các công ty so sánh và lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch năm 2018 đối với PV Power.
- ✚ Chi số P/B được tính bằng cách chia thị giá của cổ phiếu cho giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của công ty. Chúng tôi sử dụng chỉ số P/B với thị giá cổ phiếu tại thời điểm 26/11/2018, giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2017 đối với các công ty so sánh và giá trị sổ sách tại ngày 30/9/2018 đối với PV Power.
- ✚ Giá trị cổ phiếu PV Power sẽ dựa trên P/E, P/B bình quân của nhóm so sánh và EPS (được xác định theo giá trị ước tính tại kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018), giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của PV Power.
- ✚ Nhóm so sánh bao gồm các doanh nghiệp cùng ngành sản xuất và kinh doanh điện, có quy mô tương đồng và được niêm yết trên SGDCK hoặc đăng ký giao dịch trên Upcom, cụ thể gồm:
 - TCT phát điện 3 (Upcom: PGV)
 - TCT Điện lực TKV - CTCP (Upcom: DTK)
 - CTCP Nhiệt điện Hải Phòng (Upcom: HND)
 - CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (Upcom: DNH)
 - CTCP Nhiệt điện Phả Lại (HOSE: PPC)

Bảng 43: Tính hệ số P/E bình quân

STT	Mã cổ phiếu	Tên công ty	Sàn giao dịch	Giá chốt phiên tại ngày 26/11/2018	Số Lượng Cổ Phiếu Lưu Hành 26/11/2018	LNST năm 2017 (tỷ đồng)	EPS	P/E	P/B
1	PGV	TCT phát điện 3	Upcom	11.500	1.069.969.577	317	296	38,82	1,26
2	DTK	TCT Điện lực TKV - CTCP	Upcom	11.700	680.000.000	678	997	11,73	1,11
3	HND	CTCP Nhiệt điện Hải Phòng	Upcom	9.800	500.000.000	396	792	12,37	0,94
4	DNH	CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	Upcom	22.000	422.400.000	659	1.560	14,10	1,66
5	PPC	CTCP Nhiệt điện Phả Lại	HSX	18.900	326.235.000	854	2.618	7,10	1,11
		Trung Bình						16,82	1,22

- Phương pháp P/E

Bảng 44: Phương pháp P/E

Lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2018 (tỷ đồng)	(1)	2.703
Số lượng cổ phiếu lưu hành (cổ phiếu)	(2)	2.341.871.600
EPS - Thu nhập trên 01 cổ phiếu dự kiến 2018 (đồng/cổ phiếu)	(3) = (1)/(2)	1.154
Hệ số P/E bình quân	(4)	16,82
Giá trị 1 cổ phiếu POW (đồng/cổ phiếu)	(5) = (3)x(4)	19.419

- Phương pháp P/B

Bảng 45: Phương pháp P/B

Giá trị sổ sách của cổ phiếu POW tại 30/9/2018	(1)	10.353
Hệ số P/B bình quân	(2)	1,22
Giá trị 1 cổ phiếu POW (đồng/cổ phiếu)	(3) = (1)x(2)	12.586

Giá trị 01 cổ phiếu POW bình quân hai phương pháp P/E và P/B là: **16.003** đồng/cổ phiếu.

5.3. Phương pháp bình quân giá thị trường

Phương pháp bình quân giá thị trường được tính toán dựa trên các dữ liệu giao dịch của cổ phiếu POW được công bố trên trang web của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Đến ngày 27/11/2018, giá đóng cửa của sáu mươi (60) phiên giao dịch liên tiếp gần nhất (từ ngày 04/09/2018 đến ngày 26/11/2018 của cổ phiếu POW được xác định như sau:

- **Bình quân giá quyền giá thị trường**

15.146 đồng/cổ phiếu.

- **Bình quân giá thị trường**

14.698 đồng/cổ phiếu.

Lưu ý: Giá cổ phiếu theo phương pháp này sẽ được xác định lại sau khi PV Power hủy đăng ký giao dịch trên SGDCK Hà Nội để đáp ứng điều kiện “ít nhất hai mươi (20) phiên giao dịch gần nhất trước khi hủy niêm yết/đăng ký giao dịch trên SGDCK Hà Nội”.

5.4. Kết luận

Căn cứ Điều 5 Quy chế niêm yết chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định 85/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 03 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh như sau: “*Trường hợp chứng khoán niêm yết/đăng ký giao dịch trên SGDCK Hà Nội chuyển sang đăng ký niêm yết trên SGDCK không phải xác định giá dự kiến niêm yết cho ngày giao dịch đầu tiên trên SGDCK trước khi SGDCK cấp Quyết định niêm yết. Phương pháp tính giá trong Bản cáo bạch niêm yết tối thiểu phải có phương pháp giá trị sổ sách và phương pháp bình quân giá đóng cửa của ít nhất hai mươi (20) phiên giao dịch gần nhất trước khi hủy niêm yết/đăng ký giao dịch trên SGDCK Hà Nội*”.

Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP đã lựa chọn Phương pháp Bình quân gia quyền giá đóng cửa của sáu mươi (60) phiên giao dịch liên tiếp gần nhất làm phương pháp xác định giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu POW trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Giá cổ phiếu sẽ được làm tròn đến hàng trăm đồng.

Sau khi được Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp Quyết định niêm yết và PV Power hủy đăng ký giao dịch trên SGDCK Hà Nội, PV Power sẽ tính toán giá tham chiếu sáu mươi (60) phiên giao dịch gần nhất trước khi hủy đăng ký giao dịch trên SGDCK Hà Nội để xác định giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên và báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, báo cáo các cơ quan có thẩm quyền, công bố thông tin theo quy định.

6. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu dự kiến của cổ phiếu PV POWER được xác định theo các phương pháp nêu trên.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài

Ngày 24/10/2018 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã có công văn số 7206/UBCK-PTTT về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài của POW. Theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại POW là 49% theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP cam kết thực hiện đúng các quy định pháp luật về tỷ lệ sở hữu nước ngoài 49% tại PV Power.

8. Các loại thuế có liên quan

Tổng công ty đang nộp các loại thuế theo quy định như: thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế môn bài, và thuế thu nhập cá nhân khi có thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu và các loại thuế khác (nếu có) theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, từng Công ty con, công ty liên kết được áp dụng mức thuế riêng do được hưởng ưu đãi từ việc đầu tư, xây dựng các nhà máy điện.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Tổng công ty thực hiện nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế Giá trị gia tăng: Áp dụng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty thực hiện theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thuế Thu nhập cá nhân: Tổng công ty và các cổ đông trong công ty khi có thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu phải nộp thuế Thu nhập cá nhân theo các quy định hiện hành.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**1. Tổ chức tư vấn****CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC)****Trụ sở chính:**

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84 28) 3914 3588 Fax: (84 28) 3914 3209

Website: www.vcsc.com.vn

Sàn giao dịch:

Tòa nhà Vinatex – Tài nguyên, Tầng 3, 10 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại : (84 28) 3914 3588 Fax: (84 28) 3914 3209

236 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại : (84 28) 3914 3588 Fax: (84 28) 38216186

Chi nhánh Hà Nội:

Tầng 6, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84 24) 6262 6999 Fax: (84 24) 6278 2688

2. Tổ chức kiểm toán**CÔNG TY TNHH Deloitte Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, P. Láng Hạ. Q. Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84 24) 6288 3568 Fax: (84 24) 6288 5678

VII. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN**I. Các quy định chung**

1. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014
2. Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005
3. Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014
4. Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 03 tháng 12 năm 2014
5. Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006
6. Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015
7. Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp
8. Thông tư 202/2011/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày BCTC hợp nhất
9. Và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành

II. Các văn bản liên quan đến hoạt động chứng khoán

1. Luật chứng khoán số 70/2006/QH11
2. Luật chứng khoán số 62/2010/QH12
3. Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán
4. Nghị định số 60/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán.
5. Thông tư 155/2015/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
6. Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 09 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán
7. Thông tư số 202 /2015/TT-BTC ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán

III. Các văn bản liên quan đến thuế

1. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008
2. Nghị định 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp
3. Luật thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13 ban hành ngày 22/11/2012
4. Nghị định 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/06/2013 hướng dẫn Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân
5. Nghị định 12/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/02/2015 quy định chi tiết một số điều của các luật thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế

VIII. PHỤ LỤC

1. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gần nhất;
2. Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty;
3. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán 2016;
4. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán 2017;
5. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 đã được soát xét;
6. Báo cáo tài chính riêng kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 đã được kiểm toán;
7. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2018;
8. Các tài liệu liên quan khác.

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2018

TỔ CHỨC NIÊM YẾT
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ




Hồ Công Kỳ

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Như Linh

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Vũ Quốc Hải

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Hà Thị Minh Nguyệt

**TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KIỂM GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH HÀ NỘI**



Nguyễn Quang Bảo